

# VĂN HÓA

## PHẬT GIÁO

Hai hạng  
Đạo sư

Tr. 14

Trung thu  
của ai?

Tr. 44

Hãy phát huy  
tiềm năng

Tr. 35





# TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

## VIET NAM PAPER CORPORATION (VINAPACO)

Tổng Công ty Giấy Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con kinh doanh đa ngành: Trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ; sản xuất giấy, bột giấy, văn phòng phẩm; sản xuất hóa chất, điện; xuất nhập khẩu các loại phụ tùng, thiết bị máy móc, vật tư ngành giấy; kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, khách sạn...

**TRỤ SỞ CHÍNH:** Số 25A - Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội  
ĐT: (84-24) 3824 7773 - Fax: (84-24) 3826 0381 - Email: vp.hn@vinapaco.vn

**ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH:** Phong Châu - Phù Ninh - Phú Thọ  
ĐT: (84-210) 3829 755 - Fax: (84-210) 3829 177 - Email: vp.bb@vinapaco.com.vn

**Chủ tịch HĐQT:** ÔNG HOÀNG QUỐC LÂM  
**Tổng Giám đốc:** ÔNG NGUYỄN VIỆT ĐỨC



Sản xuất tại Phù Ninh - Phú Thọ  
- Độ trắng: 85 - 95 ISO  
- Định lượng: 52 - 120g/m<sup>2</sup>  
Sử dụng cho in tài liệu, sách, vở các loại máy photocopy

Giấy photocopy cao cấp CleverUP A4 9080  
Khổ giấy A4 (210 x 297mm)  
Định lượng: 80 g/m<sup>2</sup>  
Độ trắng: 90% ISO  
Bao gói: 500 tờ/ram bao bằng giấy couche, 5 ram/hộp giấy cứng.  
Chất lượng: giấy nhẵn mịn, mang lại hình ảnh rõ ràng, sắc nét khi in ấn.

Watersilk®  
... Cảm giác từ một huyền thoại

### CÁC CHI NHÁNH:

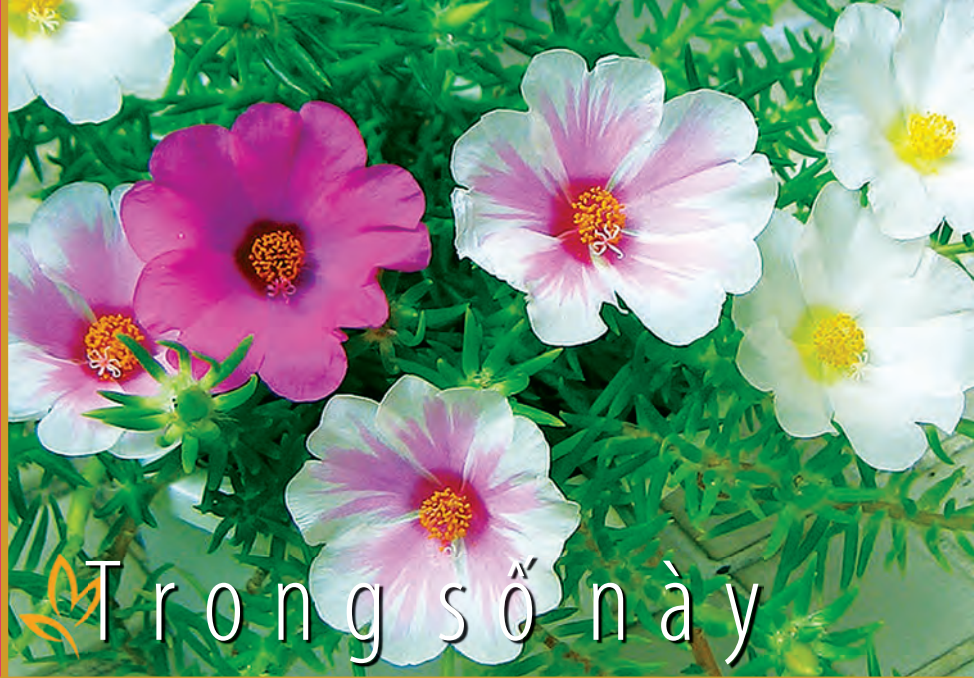
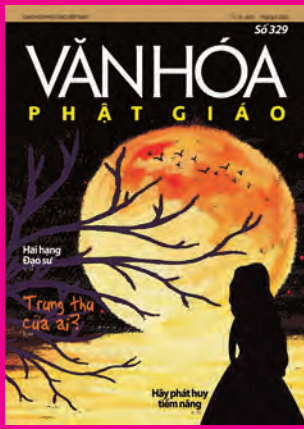
**Tại Hà Nội:** 142 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội - Tel: 024 3722 0347 - Fax: 024 3722 2580 - Email: bapaco@hn.vnn.vn

**Tại Đà Nẵng:** Lô H1, Đường số 3, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng  
Tel: 0235 3733980, 3733981, 3766983 - Fax: 0235 3733982

**Tại TP Hồ Chí Minh:** 9/19 Hồ Tùng Mậu - Quận 1 - TP.Hồ Chí Minh  
Tel: 028 38299292 - Fax: 028 38231011

**Website:** [www.vinapaco.com.vn](http://www.vinapaco.com.vn)





**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**  
**TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO**  
 Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
**THÍCH HẢI AN**

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
*kiêm* Thư ký Tòa soạn  
**TRẦN TUẤN MÃN**

Phó Tổng Biên tập  
**THÍCH MINH HIỀN**

Trình bày  
**MAI PHƯƠNG NAM**

Tòa soạn  
 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
 Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
 ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930  
 Email: toasoanvhp@gmail.com  
 Tên tài khoản:  
 Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
 Số tài khoản:  
 0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,  
 Chi nhánh TPHCM

Phát hành và Quảng cáo  
 liên hệ: Kim Sa, Dd 0938305930

Giấy phép hoạt động báo chí của  
 Bộ Thông tin và Truyền thông  
 Số 1878/GP. BTTTT  
 Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú  
 Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Chùa Linh Sơn Tiên Thạch khởi nguyên cho Phật giáo tỉnh Tây Ninh ( <i>Thích Thiện Nhơn</i> )	4
Tưởng niệm Trưởng lão Hòa thượng Bổn sư Thích Thiện Siêu ( <i>Thích Phước Tú</i> )	7
Có hay không câu chuyện đi Mỹ của ông Bùi Viện? ( <i>Tôn Thất Thọ</i> )	9
Chùa Tiêu trong "Tiêu Tự hiệu chung" của Mạc Thiên Tích ( <i>Trương Minh Đạt</i> )	12
Hai hạng Đạo sư ( <i>Quảng Tân</i> )	14
Ánh sáng là một phẩm tính của tánh Không ( <i>Nguyễn Thế Đăng</i> )	18
Giáo lý Tứ diệu đế ( <i>Thích Trung Định</i> )	20
Kỹ năng giao tiếp: Sợi chỉ vàng kết nối Tăng Ni – Phật tử ( <i>Thích Không Tú</i> )	24
Đạo Phật dẫn thân là gì? ( <i>Trịnh Đình Hỷ</i> )	28
Quốc vương Thái Lan tôn vinh các nhà sư phương Tây ( <i>Cao Huy Hóa</i> )	30
Jataka – Phương thức thuyết pháp hiệu quả ( <i>Thích nữ Trung Mẫn</i> )	32
Hãy phát huy tiềm năng ( <i>Nguyễn Cẩn</i> )	35
Café và Khói ( <i>Phạm Lăng Yên</i> )	38
Trung thu ở Sài Gòn ( <i>Phí Thành Phát</i> )	41
Trung thu của ai? ( <i>Nguyễn An</i> )	44
Xứ Huế trong phim ( <i>Nguyễn Văn Toàn</i> )	46
Thơ ( <i>Trần Thanh Thoa, Tịnh Bình, Đoàn Văn Sáng, Nguyễn Minh Ngọc Hà, Huỳnh Thị Kim Cương, Trường Khánh, Nguyễn Từ</i> )	48
Long lanh giọt lệ ( <i>Trương Văn Dân</i> )	50
Chuyến tàu cuối Thu ( <i>Trần Đức Tuấn</i> )	54
Đảo phục sinh với điều bí ẩn... ( <i>Phạm Bá Thủy</i> )	58
Làng cổ Nhật Bản ( <i>Trần Vọng Đức</i> )	61

**Bìa 1: Trăng Trung Thu. Nguồn: pngtree.com**

# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo số 329 được phát hành vào dịp Trung thu. Theo truyền thống văn hóa Việt Nam, Tết Trung thu là một ngày vui đối với trẻ em, đồng thời cũng là ngày sum họp của gia đình. Tuần vừa qua, chúng tôi có niềm vui vì nhận được một số quà tặng từ một số độc giả, từ các vị cộng tác viên và thân hữu.

Nhân đó, chúng tôi cũng đã nghĩ đến việc tổ chức một buổi tiệc trà thân mật mừng Trung thu; ngoài anh chị em trong tòa soạn, sẽ có sự tham dự của một số độc giả, các cộng tác viên thường xuyên, các vị ân nhân và thân hữu... Nhưng rồi, chúng tôi lại nghĩ không thể thực hiện được vì một số lý do:

- Quả thực, ngay trước ngày Trung thu, đất nước ta đang gặp một số rắc rối về lãnh hải, đồng thời những cơn bão và áp thấp nhiệt đới liên tục đổ bộ vào khu vực miền Trung gây nên nhiều thiệt hại cho bà con.

- Mới đây, nhà máy bóng đèn phích nước Rạng Đông ở thủ đô Hà Nội bị hỏa hoạn; vụ cháy có khả năng gây ra sự ô nhiễm nặng nề phát tán trong không khí và việc khắc phục có thể là còn nhiều khó khăn.

- Lại nữa, tạp chí vẫn chưa qua khỏi những thiếu hụt về tài chánh.

Trong lòng chúng tôi vẫn nghĩ đến một đêm Trung thu đầm ấm, được đón tiếp chư độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu trong không khí vui vẻ chan hòa giữa hoàn cảnh thuận lợi an bình của đất nước. Mong sao, mùa Trung thu mơ ước ấy sớm trở thành hiện thực.

Sau cùng, chúng tôi kính chúc quý độc giả, quý cộng tác viên, ân nhân và thân hữu một mùa Trung thu sum vầy; yên vui bên cạnh con cháu và người thân.

Văn Hóa Phật Giáo



Quán bất tịnh trên thân,  
Niệm thở vô thở ra,  
Tịnh chỉ tất cả hành,  
Thường nhiệt tâm, chánh kiến.  
*(Kính Phật thuyết như vậy,  
chương 3, Ba pháp)*

Ảnh: Kim Sa



Nguồn: e.com.vn

# Chùa Linh Sơn Tiên Thạch khởi nguyên cho Phật giáo tỉnh Tây Ninh

THÍCH THIÊN NHƠN

**N**úi Bà Đen, hình dáng như chiếc chuông vàng úp xuống, là một ngọn núi đột khởi cao 990 mét ở miền Đông Nam Bộ, gần biên giới Campuchia, thuộc huyện Châu Thành, trước đây thuộc huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Theo *Gia Định thành thông chí*, khi còn là trấn Phiên An Gia Định, khu vực này thuộc đạo Quang Phong mở rộng vùng rừng Quang Hóa. Năm Gia Long thứ 7 (1808) gọi là tổng Bình Cách, huyện Thuận An, phủ Tân Bình, trấn Phiên An - Gia Định. Năm Minh Mạng thứ 18 (1838) thành lập phủ Tây Ninh thuộc tỉnh Gia Định. Năm 1890 dưới thời Pháp thuộc chính thức gọi là tỉnh Tây Ninh cho đến ngày nay.

Còn chùa Linh Sơn Tiên Thạch do Thiền sư Đạo

Trung - Thiện Hiếu (Tổ Địa) khai sơn khoảng cuối thế kỷ XVIII (1798) trên nền chùa cũ là Vân Sơn. Tổ Đạo Trung đặt tên là lấy ý núi Linh Sơn (Linh Thứu) ở Ấn Độ, nơi Đức Phật đã thuyết giảng bộ kinh quan trọng là *"Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa"*. Chùa ban đầu chỉ là mái núi de ra, sâu vào trong như một cái động, Tổ mới xây dựng và mở rộng thêm như ngày nay.

Bên cạnh chùa Linh Sơn Tiên Thạch, có một mảng núi dôi ra như một mái chùa, dùng làm điện thờ Bà Đen. Theo truyền sử, nàng Lý Thị Thiên Hương, vợ của chàng Lê Sĩ Triệt, tổng quân đánh giặc lâu ngày không về, nàng ở vậy thủ tiết, nhưng quan Tri phủ địa phương bắt ép nàng làm thiếp. Để giữ gìn thủy chung với chồng, nàng nhảy sông tự tử, xác được vớt lên và mai táng, nhưng rất linh hiển. Dân địa phương

phải tạc tượng tôn thờ trong điện kế cận chùa. Như vậy, có thể điện thờ Bà được gọi là chùa Bà chính thức thành lập năm 1872. Vì tượng sơn màu đen, nên gọi là Bà Đen (Dậy Khmau). Tượng ngày nay được đúc bằng đồng sơn màu đen, uy nghi phong cách như là vị thánh Quan Thế Âm Bồ-tát, hay Phật Mẫu, Phật Bà.

Sau khi vua Gia Long lên ngôi năm 1802, cảm kích tính thủy chung của nàng Lý Thị Thiên Hương, vua sắc phong bốn chữ "*Tiết Hạnh Khả Phong*". Đến năm 1810, vua sắc phong Bà là "*Linh Sơn Thánh Mẫu*". Đặc biệt, mùa hạ năm Ất Hợi (1875), Tổ Tiên Giác Hải Tịnh đã khai Đại giới đàn tại chùa Linh Sơn Tiên Thạch để truyền trao giới pháp cho chư Tăng miền Đông Nam Bộ.

Theo lịch sử, cũng như *Gia Định thành thông chí* ghi: Khai sơn chùa Linh Sơn Tiên Thạch là Tổ Đạo Trung Thiện Hiếu, thuộc dòng phái Lâm Tế Liễu Quán, từ chùa Tổ Long Hưng ở Thủ Đức, lên núi Bà Đen khai sơn theo bài kệ:

*Thiệt Tế Đại Đạo, Tánh Hải Thanh Trùng  
Tâm Nguyên Quảng Nhuận, Đức Bản Từ Phong.  
Giới Định Phước Huệ, Thể Dụng Viên Thông  
Vĩnh Siêu Khắc Quả, Mật Kế Thành Công  
Truyền Trì Diệu Lý, Diễn Xướng Chánh Tông  
Hạnh Giải Tương Ứng, Đạt Ngộ Chơn Không.*

Qua đó, chùa Linh Sơn Tiên Thạch tồn tại hơn 200 năm, với sự truyền thừa và kế thừa của các vị Tổ sư hữu công, đứng đầu là Tổ Đạo Trung Thiện Hiếu, đời thứ 38 Thiền phái Lâm Tế Liễu Quán như sau:

Tế Giác Quảng Châu (Lâm Tế đời 36).

Đại Cư Đức Huân (Lâm Tế đời 37).

Đạo Trung Thiện Hiếu (Lâm Tế đời 38, Sơ tổ khai sơn chùa Linh Sơn Tiên Thạch).

Tánh Hiển Quảng Thông (Lâm Tế đời 39).

Hải Hiệp Từ Tạng (Lâm Tế đời 40).

Thanh Thọ Phước Chí (Lâm Tế đời 41).

Trừng Tùng Chơn Thoại (Lâm Tế đời 42).

Tâm Hòa Chánh Khâm (Lâm Tế đời 43).

(và cùng thuộc Lâm Tế đời 43 có các vị kế thế trụ trì sau: Nguyên Bộ Giác Ngọc; Nguyên Cơ Giác Phú; Nguyên Chất Giác Điền; Nguyên Cầu Giác Hạnh).

Thích Nữ Diệu Nghĩa.

Hòa thượng Thích Niệm Thới.

Qua sự truyền thừa chùa Linh Sơn Tiên Thạch, Điện Bà Linh Sơn Thánh Mẫu, cùng các lễ hội có liên quan, ngày 14/8/2019 Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã ký Quyết định số 3325/BVH công nhận ngôi chùa này là Di sản văn hóa vật thể, phi vật thể cấp Quốc gia và được xem như một chuỗi vàng xuyên suốt, làm điểm tựa cho Phật giáo tỉnh Tây Ninh.

Khởi đi từ Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam do Tổ Lê Khánh Hòa khởi xướng năm 1920, đến năm 1923 đổi là Hội Lục hòa Liên hiệp do Hòa thượng

Từ Phong làm Hội trưởng, năm 1929 xuất bản tạp chí *Pháp Âm* làm phương tiện truyền bá Chánh pháp cho phong trào.

Bằng sự nỗ lực vận động của quý Hòa thượng và Cư sĩ nhiệt tâm với Đạo pháp, chánh quyền Pháp cho phép thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học năm 1931, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn, do Tổ Khánh Hòa làm Hội trưởng, Hòa thượng Từ Phong làm Hội phó.

Do đó, Phật giáo Tây Ninh để tiếp cận phương tiện truyền bá Chánh pháp do Hội phổ biến qua đường Cái Quan - Sài Gòn, Gò Dầu, Mộc Bài, Cao Miên; tuy nhiên, vẫn chưa tổ chức được một hình thức Phật giáo Tây Ninh, chủ yếu là hoạt động riêng lẻ tại các chùa. Tuy vậy, vào năm 1930, Tổ Tâm Hòa Chánh Khâm đã khai Đại giới đàn tại chùa Linh Sơn Tiên Thạch để truyền trao giáo pháp cho chư Tăng trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp, Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ ra đời năm 1947 tại Đồng Tháp Mười, do Hòa thượng Minh Nguyệt làm Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Định Ninh (Gia Định - Tây Ninh) được hình thành do Hòa thượng Bửu Đăng, Hòa thượng Pháp Dũng làm Hội trưởng, Hội đã tác động sâu sắc đến sinh hoạt Phật giáo tại Tây Ninh. Do đó, Phật giáo Cứu quốc Liên khu Tây Ninh được thành lập, do Thượng tọa Huệ Tâm làm Chi hội trưởng, Thượng tọa Thông Nghiêm là Chi hội phó kiêm Thư ký Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Tây Ninh cho đến khi chia đôi đất nước năm 1954.

Thực hiện Nghị quyết của Tổng hội Phật giáo Việt Nam thành lập năm 1950, trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm - Huế, do Hòa thượng Tịnh Khiết làm Hội chủ, Đại hội thành lập Giáo hội Tăng-già Nam Việt được khai mạc tại chùa Hưng Long - Chợ Lớn năm 1951 thành lập Giáo hội Tăng-già Nam Việt, văn phòng đặt tại chùa Ấn Quang ở Chợ Lớn, do Hòa thượng Đạt Từ làm Trị sự trưởng. Sau hơn một năm hoạt động, Hòa thượng từ chức, Hòa thượng Thiện Hòa kiêm nhiệm Trị sự trưởng GHTGNV cho đến năm 1963. Trong bối cảnh chung, các Tỉnh hội lần lượt được ra đời, Giáo hội đã bổ nhiệm Đại đức Quảng Chánh làm Trị sự trưởng Giáo hội Tăng-già Nam Việt tỉnh Tây Ninh.

Năm 1952, Đại hội thành lập Giáo hội Lục hòa Tăng Việt Nam tại chùa Long An, quận 1, Sài Gòn, do Hòa thượng Thiện Tông làm Tăng trưởng, Hòa thượng Phật Ấn làm Tổng Thư ký. Văn phòng đặt tại chùa Trường Thạnh, quận 1, Sài Gòn. Giáo hội đã cử Thượng tọa Huệ Tâm làm đại diện Giáo hội Lục hòa Tăng Việt Nam tại tỉnh Tây Ninh, đến năm 1968 cùng Hội Lục hòa Phật tử hợp thành Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam cho đến ngày thống nhất Phật giáo cả nước năm 1981.

Sau mùa Pháp nạn năm 1963, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất được thành lập ngày 04/01/1964



Nguồn: nemtv.vn

do Hòa thượng Tâm Châu làm Viện trưởng. Giáo hội đã bổ nhiệm Thượng tọa Quảng Chánh làm đại diện GHPGVNTN tỉnh Tây Ninh. Sau khi Thượng tọa từ nhiệm để đảm nhận chức Hiệu trưởng Trường Trung Tiểu học Bồ Đề Chợ Lớn (chùa Giác Ngộ), chức đại diện Phật giáo Thống nhất do Thượng tọa Huệ Lạc đảm nhiệm. Sau một thời gian hoạt động, Thượng tọa từ nhiệm, chuyển lại cho Thượng tọa Chơn Nghĩa làm Chánh Đại diện GHPGVNTN tỉnh Tây Ninh cho đến ngày thống nhất Phật giáo thành lập GHPGVN năm 1981.

Năm 1975, lịch sử sang trang, nước nhà thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Các tổ chức cũng phải thống nhất thành một mối, trong đó có Phật giáo Việt Nam. Sau một thời gian vận động thống nhất Phật giáo của các tổ chức Phật giáo, trong đó có GHPGVNTN là nòng cốt, là chủ động. Qua một năm vận động, căn cứ Giấy phép số 621/HĐBT ngày 19/9/1981 cho phép Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam thành lập ngày 22/02/1980 tổ chức Đại hội thành lập GHPGVN. Đại hội diễn ra tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội từ ngày 04 đến 07/11/1981. Đại hội suy cử Hội đồng Chứng minh do Hòa thượng Đức Nhuận làm Pháp chủ; suy cử Hội đồng Trị sự do Hòa thượng Trí Thủ làm Chủ tịch, Thượng tọa Thông Nghiêm đơn vị tỉnh Tây Ninh được suy cử làm Ủy viên Hội đồng Trị sự.

Được sự phân công của Đại hội, Thượng tọa Thông Nghiêm đã hiệp thương các Hệ phái tại tỉnh nhà gồm Bắc tông (PGTN), Nam tông Khmer, Phật giáo Cổ truyền Lục hòa Tăng, Hệ phái Khất sĩ... thành lập Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ I (1984 - 1987). Đại hội suy cử Thượng tọa Thông Nghiêm, Ủy viên Hội đồng Trị sự làm Trưởng ban Trị sự, Thượng tọa Niệm Thới làm Phó Trưởng ban Thường trực, Ni trưởng Diệu Nghĩa làm Phó ban đại diện Ni giới, Thượng tọa Minh Bửu, Ni sư Châu Liên đại diện Hệ phái Khất sĩ tham gia Ban Trị sự trong nhiều nhiệm kỳ. Văn phòng đặt tại chùa Hiệp Long, đường Hoàng Lê Kha, thị xã Tây Ninh, nay là thành phố Tây Ninh thuộc tỉnh Tây Ninh.

Đến nhiệm kỳ 2017-2022, vì tuổi cao sức yếu, Hòa thượng Thông Nghiêm được suy tôn làm Thành viên Hội đồng Chứng minh tại Đại hội Phật giáo toàn quốc kỳ VIII của Trung ương Giáo hội; Tại Đại hội kỳ V (2017-2022) của Phật giáo tỉnh Tây Ninh, Hòa thượng được Đại hội cung thỉnh làm Chứng minh Ban Trị sự Phật giáo tỉnh. Đại hội suy cử Hòa thượng Niệm Thới, Ủy viên Hội đồng Trị sự làm Trưởng ban Trị sự, tiếp tục điều hành Phật sự của Phật giáo tỉnh Tây Ninh, là một đơn vị sát biên giới Campuchia, có nhiều Hệ phái Phật giáo cũng như tôn giáo bạn và dân tộc anh em Việt Nam, Khmer, Hoa, Chăm, Hời, Ấn Độ, Bà-la-môn v.v... đoàn kết hòa hợp trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển trên trường quốc tế. ■



# Tưởng niệm

## Trưởng lão Hòa thượng Bổn sư Thích Thiện Siêu

THÍCH PHƯỚC TÚ



Kính bạch Thầy,

Thầy viên tịch, rời chúng con mà về cõi Phật đến nay đã 19 năm kể từ ngày 17 tháng 8 năm Tân Tỵ, 2001. Con là Thích Phước Tú xin dâng nén nhang, sụp mình đánh lễ Thầy.

Ngót 60 năm qua, vào năm 1958, chúng con, ba đoàn viên Oanh vũ của Gia đình Phật tử Mỹ A, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế được Thầy truyền Tam quy Ngũ giới:

- Một là Hồ Văn Chiến, pháp danh Nguyên Vương, nay là cố Hòa thượng Thích Trung Hậu, Nguyên Trưởng ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, nguyên Khai sơn Trụ trì chùa Linh Thái tại TP.Hồ Chí Minh.

- Hai là Nguyễn Cẩm, pháp danh Nguyên Anh, nay là Hòa thượng Thích Hải Ấn, Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Tổng Biên tập Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, Trụ trì Tổ đình Từ Đàm và Thánh Duyên Quốc Tự, Huế.

- Ba là con, Hồ Tuấn (tức Hồ Dũng Minh Tuấn), pháp danh Nguyên Thứ, nay là Hòa thượng Thích Phước Tú, Ủy viên Thường trực Ban Nghi lễ Trung ương GHPGVN, Ủy viên Thường trực Ban Giáo dục Phật giáo Trung

ương GHPGVN, Phó Trưởng ban Nghi lễ Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Phó Hiệu Trưởng Thường trực kiêm Chánh Thư ký Trường Trung cấp Phật học tỉnh Đồng Nai, Khai sơn Trụ trì chùa Từ Tôn, Biên Hòa, Đồng Nai.

Chúng con được thành tựu như ngày hôm nay là nhờ công giáo dưỡng của Thầy khi được Thầy cho quy y Tam bảo rồi tiếp độ xuất gia tại chùa Từ Đàm Huế năm 1960. Thầy là người truyền giới Thân Huệ mạng, Thầy cho chúng con theo học tại Phật học viện Báo Quốc (Huế), tiếp tục tu học tại Học viện Hải Đức (Nha Trang), rồi tu học tại Tu viện Quảng Hương Già Lam (Sài Gòn), lại được học tại Viện Đại học Vạn Hạnh. Thầy đã sáng suốt gửi chúng con tu học tại các cơ sở Phật giáo nổi tiếng nhất thời bấy giờ, dưới sự lãnh đạo của chư Tôn túc như chư vị cố Trưởng lão Thích Trí Thủ, Thích Minh Châu, Thích Thanh Trí, Thích Đồng Minh...

Thầy là bậc Thượng thủ thuộc hàng lãnh đạo cao nhất của Giáo hội với rất nhiều chức vụ cao vời. Đối với chúng con, Thầy còn là một nhà giáo dục, đức độ, tài năng, nhiều năm trời giảng dạy tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh và tại Huế, là Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, là giảng sư của rất nhiều khóa Phật học, đã đào tạo biết bao Tăng Ni xuất sắc. Do đó mà



chúng con cố noi gương Thầy trên con đường giáo dục Phật giáo. Cố Hòa thượng Thích Trung Hậu đã nhiều năm giảng dạy tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Hòa thượng Thích Hải Ấn hiện là Viện trưởng Học viện này, và con cũng với chức vụ Phó Hiệu trưởng Thường trực kiêm Chánh Thư ký góp công lao nhiều trong việc xây dựng điều hành và phát triển Trường Trung cấp Phật học tỉnh Đồng Nai. Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã đến viết bài tường thuật và phỏng vấn con, hai bài này được đăng trên *VHPG* số 256 (1/9/2016) và số 327 (15/8/2019).

Thầy ơi...

Con không quên được hình bóng Thầy, lời dạy từ hòa, giản dị mà thâm thúy của Thầy, dáng khoan thai,



nét mặt hiền hòa và hình ảnh sâu đậm nhất đối với con là mỗi khi con đến bái kiến, con thường trông thấy Thầy với chiếc áo nâu sồng, ngồi trầm lặng tay cầm cuốn kinh hay luận, thầy ngược nhìn con rồi nhẹ nhàng nói: "Phước Tú đó à?". Thầy nghiêm trang, uy nghi mà lại hài hòa với mọi người, đôi khi thốt ra một câu đùa, vui vẻ mà sâu sắc để tỏ tình thân, hoặc khuyến khích hoặc giáo dục...

Con về đây giữa lúc Huế vào tiết Trung tuần mùa thu, mưa rơi rả rích ngày đêm. Con còn nhớ chiều hôm Thầy viên tịch, có chút nắng vàng yếu ớt, không khí trầm hẳn xuống, báo hiệu hôm đưa kim quan thầy đến kim tĩnh, mưa tầm tã như hòa đồng với nước mắt của hàng môn đệ và Phật tử. Nay ngày giỗ Thầy lần thứ 19, trời Huế vẫn mưa, ngôi tháp vời vợi nghiêm trang nơi nhục thân thầy yên nghỉ đang được đông đảo môn đệ, tín đồ lễ bái, dâng hương hoa... Ngôi tháp năm tầng, uy nghi, vững chãi, vươn lên trên nền cây xanh, trên khu đất cao trong khuôn viên tháp Tổ Liễu Quán của phường An Tây, Huế, xứng đáng dù rất khiêm tốn, đủ để tượng trưng cho trí tuệ, đạo đức và sự nghiệp vì Đạo Pháp của Thầy.

Mưa chưa dứt. Con thoáng nghe có tiếng chuông chùa và tưởng như nghe được lời cầu kinh, lời chúc nguyện của chư Tôn đức và của các Phật tử hướng đến Giác linh Thầy. Mưa xuống như nước mắt chảy dài, con bồi hồi xúc động, e vi phạm lời Thầy dạy là người tu không được để cảm xúc, sầu bi xâm lấn. Nhưng Thầy ơi, con thương nhớ Thầy vô cùng.

*Ân giáo dưỡng một đời nên huệ mạng  
Nghĩa Ân sư muôn kiếp khó đáp đền.*

Mong sao những gì con đã nỗ lực thực hiện để phục vụ Đạo Pháp có thể đền đáp phần nào ơn nghĩa sâu rộng của Thầy.

Nam-mô Chứng minh sư Bồ-tát Ma-ha-tát  
Đệ tử Nguyên Thứ Thích Phước Tú kính bái! ■

# Có hay không câu chuyện đi Mỹ của ông Bùi Viện?

TÔN THẮT THỌ

**M**ột trong những nguyên nhân chính gây khó khăn cho người đọc sử trong việc tìm hiểu lịch sử nước nhà đó là tiếp cận được với tài liệu khả tín. Câu chuyện lịch sử cận đại về việc ông Bùi Viện (1839-1878), một nhân sĩ đời Tự Đức, sang Hoa Kỳ vận động ngoại giao là một thí dụ tiêu biểu.

Trong các tài liệu về lịch sử Việt Nam xuất hiện từ giữa thế kỷ XIX cho đến những năm 40 của thế kỷ trước, không có bất kỳ một tài liệu nào, kể cả trong nước và ngoài nước ghi lại chuyến đi của ông Bùi Viện sang Mỹ để cầu viện. Có lẽ nhà văn Phan Trần Chúc (1907-1946) là tác giả đầu tiên và duy nhất viết về chuyến đi này trong tác phẩm *Bùi Viện với chính phủ Mỹ: lịch sử ngoại giao triều Tự-Đức* in lần đầu năm 1945, tái bản năm 1951. Gần đây, năm 1985 được Nxb Đông Nam Á tại Paris in lại. Tác giả Phan Trần Chúc cũng là tác giả của cuốn *Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức* xuất bản năm 1942.

Trong tác phẩm *Bùi Viện với chính phủ Mỹ*, Phan Trần Chúc chép rằng ông Bùi Viện đã hai lần sang Mỹ. Lần đầu gặp Tổng thống Abraham Lincoln. Lần thứ hai sang thì Lincoln đã mất. Lần đầu sang Mỹ, ông Bùi Viện thất bại vì không có quốc thư. Ở đây tác giả gọi Tổng thống Mỹ là "Thống lĩnh Lincoln" và San Francisco là "Tân-kim-Sơn"<sup>1</sup>.

Từ đó về sau, rất nhiều bài viết trích dẫn từ tác phẩm của Phan Trần Chúc nói về hai chuyến đi trên. Cụ thể là trong *Tự điển nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế đã viết:

"Năm 1873, triều đình Huế cử ông (tức Bùi Viện - TTT chú) đi công cán ở Hương Cảng. Ở đây, ông có dịp tiếp xúc với viên lãnh sự Mỹ và được giới thiệu qua Mỹ để nhờ giúp nhân dân Việt Nam đánh đuổi thực dân Pháp. Vì chưa có quốc thư của vua Việt Nam ủy quyền nên chưa thể ký kết, Bùi Viện gấp rút trở về nước báo cáo và được Tự Đức giao quốc thư ủy quyền tức tốc lên đường. Nhưng khi tới Mỹ thì tổng thống Hoa Kỳ Grant đã mất. Tổng thống mới lên



Bùi Viện. Nguồn: [baophapluat.vn](http://baophapluat.vn)



thay từ chối không nhận giúp đỡ Việt Nam. Bùi Viện đành thất vọng trở về..."<sup>2</sup>.

Tìm hiểu về sự kiện Bùi Viện hai lần đi Mỹ trong tác phẩm của Phan Trần Chúc và nội dung ghi trong tự điển nói trên, nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra nhiều điều bất hợp lý, ở đây chúng tôi cũng thấy có rất nhiều vấn đề cần phải sáng tỏ. Trước tiên, chúng ta cần lưu ý mấy cột mốc sau:

- Thứ nhất, trong tác phẩm của mình, Phan Trần Chúc không ghi rõ thời điểm cụ thể hai chuyến đi Mỹ của ông Bùi Viện, mà chỉ ghi khoảng năm Quý Dậu 1873.

- Thứ hai, ông Bùi Viện sinh năm 1837 (Đinh Dậu), có tài liệu ghi ông sinh năm 1839 (Kỷ Hợi); mất năm 1878 (Mậu Dần). Ông đỗ cử nhân năm 1868.

- Thứ ba, Abraham Lincoln làm Tổng thống Hoa Kỳ từ 4 tháng 3, 1861 đến 15 tháng 4, 1865.

Đối chiếu với những điều mà Phan Trần Chúc viết thì năm ông Bùi Viện đi Mỹ (1873), lúc đó, Tổng thống Lincoln đã không còn nữa, vì ông đã bị ám sát năm 1865!

Thấy được sự bất hợp lý đó, đến năm 1960, học giả Thái Văn Kiểm; lúc đó là Phó Giám đốc Văn hóa Bộ Giáo dục Sài Gòn (1955-1962) đã viết một bài khá dài nói về chuyến đi của Bùi Viện in trong cuốn *Đất Việt Trời Nam* xuất bản cùng năm. Xin được trích những đoạn có liên quan:

*"Chờ đợi mãi và cũng do sự vận động của người bạn Mỹ ở Hương Cảng, Bùi Viện đã được Tổng thống Ulysses Simpson Grant (1822-1885) thân tiếp một cách nồng hậu. Tổng thống Mỹ hứa sẽ giúp đỡ, vì nhận thấy tham vọng của người Âu châu ở Á Đông quá rõ ràng, nhưng điều làm cho tổng thống ngần ngại là cuộc viếng thăm của Bùi Viện không chính thức vì không có quốc thư. Thủ tục ngoại giao này rất cần thiết vì tổng thống Grant căn cứ vào đâu để giúp đỡ một ngoại bang?*

*Thấy quốc thư là điều cần thiết, Bùi Viện cáo từ tổng*

*thống Mỹ trở về nước và hứa sẽ qua lần nữa với quốc thư hẳn hoi: nhưng tiếc thay trên đường về cố quốc, Bùi Viện biết được chính tình của Hoa Kỳ hồi bấy giờ không cho phép Hoa Kỳ trực tiếp giúp đỡ nước Việt Nam được.*

*Hy vọng của Bùi Viện tan như mây khói, sự thất vọng tràn ngập trong tâm hồn Bùi Viện. Nếu chuyến đi lần này mà có quốc thư có lẽ cục diện nước Việt Nam thời đó đã thay đổi hẳn.*

*Lại về Hoành Tân, Bùi Viện may mắn gặp người sứ thần cũ, nhưng mặc dầu được bạn sốt sắng giúp đỡ, Bùi Viện cũng không làm gì được với vị Tổng-thống, nên đành đáp tàu về nước, mang theo một mối sầu vô hạn..."<sup>3</sup>.*

Không thấy ông Thái Văn Kiểm viết gì về chuyến đi lần sau của ông Bùi Viện.

Sau bài viết đó, năm 1962, ông Thái Văn Kiểm lại viết một bài có nội dung tương tự bằng tiếng Pháp, đăng trong *Bulletin de la Societe des Etudes Indochinoises, Nouvelle Série Tome XXXVII N°3, 3e trimestre 1962*. (Nội san của Hội Nghiên cứu Đông Dương). Ít lâu sau, một người Mỹ là Robert H. Miller dịch sang tiếng Anh để in trong cuốn *The United States and Vietnam, 1787-1941*, sách tái bản gần đây năm 1990. Trong cuốn sách nói trên, tác giả Robert Miller cho biết sở dĩ ông dùng tài liệu của tác giả Thái Văn Kiểm vì *"Tôi đã không thể tìm thấy tài liệu nào về việc này từ các nguồn tư liệu nghiên cứu hay chính thức của Hoa Kỳ"*<sup>4</sup>. Từ đó, kể từ những năm 60 của thế kỷ trước, việc Bùi Viện đi cầu viện Mỹ càng lan tràn nhiều hơn ngay trên đất Mỹ!

Gần đây, nhiều tác giả đã viết rằng: ông Bùi Viện đã sang gặp Tổng thống Lincoln lần đầu qua Mỹ, và lần sau vì *"Lincoln vừa bị ám sát, tướng Grant lên thay, bận cầm quân dẹp nội chiến"* nên không gặp được. Thực ra, cuộc nội chiến Nam Bắc tại Hoa Kỳ kể như đã chấm dứt sau khi Nam quân của tướng Robert E. Lee đầu hàng tướng Ulysses Grant trong trận chiến sau cùng tại Appomattox vào ngày 9/4/1865. Năm ngày sau đó Tổng thống Lincoln bị ám sát. Tổng thống kế nhiệm Lincoln là Andrew Johnson (1865-1869). Ulysses Grant (1869-1877) là tổng thống Mỹ thứ 18, sau Andrew Johnson.

Trở lại bài viết của học giả Thái Văn Kiểm, tác giả đã đổi nội dung ghi chép của Phan Trần Chúc, từ việc Bùi Viện gặp Tổng thống Lincoln sang gặp Tổng Thống Simpson Grant! Và nếu như thế thì cũng là điều vô lý, vì nếu Bùi Viện sang Mỹ lần hai mà ông Grant mất thì không thể có. Tổng Thống Simpson Grant làm tổng thống đến năm 1877, và qua đời năm 1885, trong khi Bùi Viện mất từ năm 1878!

Mặt khác, trong tác phẩm Phan Trần Chúc, cũng như bài viết của Thái Văn Kiểm, đều có một số chi tiết là Bùi Viện đã gặp sứ thần (lãnh sự) ở Hương Cảng (Hong Kong) và Yokohama. Theo các sử gia của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ thì vào cuối thế kỷ XIX, trong những năm 1870, Mỹ có ba tòa lãnh sự tại Scotland; ba tại Wales và sáu lãnh sự quán tại England.

Từ 1862 đến 1950, Hoa Kỳ lập lãnh sự quán tại Nhật theo thứ tự như sau: Kanagawa (1862); Nagasaki (1862); Hakodate (1865); Osaka (1868); Tokyo (1869); Yokohama (1897); Kobe (1902); Shimonoseki (1918); Yokkaichi (1918); Fukuoka (1950); Sapporo (1950).

Như thế, Hoa Kỳ chỉ đặt lãnh sự quán ở Yokohama vào năm 1897 và chưa khi nào đặt tòa lãnh sự của mình tại Hồng Kông là thuộc địa của Anh Quốc<sup>5</sup>.

Do đó, việc ông Bùi Viện đã làm bạn với một sứ thần Mỹ ở Hương Cảng, hay đã gặp một viên lãnh sự Hoa Kỳ vào năm 1873 tại Yokohama là không đúng sự thật vì lúc đó, ở Nhật chưa có lãnh sự quán của Mỹ.

Tim hiểu về tiểu sử của Bùi Viện trong sử sách là một việc khó khăn. Quốc sử quán triều Nguyễn khi biên soạn sách *Đại Nam liệt truyện* ghi chép khá rõ hành trạng của hầu hết các quan chức có vai trò quan trọng với triều Nguyễn, nhưng không có tên ông Bùi Viện. Trong sách *Đại Nam thực lục* chép việc xảy ra vào năm 1873, không thấy ghi chép gì về chuyến đi của ông Bùi Viện. Tên của ông được ghi trong hai năm, đó là năm 1877; năm ông được cử giữ chức Chánh quản đốc Nha Tuần tải mà bấy giờ phẩm hàm chỉ là Bát phẩm, và năm sau (1878) ông bị cách chức:

*"Tháng 8 năm Đinh Sửu 1877- Bắt đầu đặt nha Tuần tải (chánh, phó quản đốc mỗi chức một người, bát, cửu phẩm mỗi chức một người; thư lại sáu người, mộ đồng quyền quản hai người, quyền suất sau người, điển ty một người) lấy Biên tu lĩnh Trước tác là Bùi Viện (cử nhân ở Nam Định) sung chức Chánh quản đốc"<sup>6</sup>.*

*"Tháng Chạp năm Mậu Dần (1878) - Bộ Hộ đề cử Nguyễn Hữu Thực làm Phó Đề đốc Nam Định, thay Bùi Viện cai quản nha Tuần tải. Bùi Viện để thiếu rất nhiều; em là Bùi Bổng phải nhận lĩnh chở thuê để khấu trừ. Tuy nhiên, Hộ đốc Nam Định Nguyễn Trọng Hợp (1838-1902) không nhận Thực vì chưa làm được việc gì đã lĩnh 10 vạn quan tiền công. Vua đồng ý, cho Hợp tự lo liệu. Tổng đốc Hợp sửa lại bốn tàu thương hiệu, chọn phái các viên lãnh mộ, sử dụng tới hơn 130 người Thanh, cho thuyền và đồng binh ra biển tập luyện. Lại ủy cho bọn bang biện người Thanh đứng ra bảo nhận thuê các hiệu thuyền Thanh đi tải. Hợp cũng tố cáo ra vụ án tham ô tại Nam Định, khiến nhiều người bị phạt"<sup>7</sup>.*

Trong tập *Châu bản triều Tự Đức* (1848-1883) trong năm 1870, có ghi một trường hợp liên quan về Bùi Viện, nhưng đó là việc ông xin cải chính năm sinh:

*"Bộ Lễ trình bày việc Bùi Viện và Bùi Bổng xin cải chính năm sinh với lý do bị viên lý trưởng ghi nhầm. Hai ông đều mới đỗ cử nhân. Bộ Lễ đề nghị: Vì không cải chính*

*khi tham dự thi cử nên phạt sáu tháng lương, chờ khi hai người được bổ nhiệm sẽ thi hành"<sup>8</sup>.*

Trong tập tổng hợp châu bản này, không có một châu bản nào đề cập đến việc vua Tự Đức trao quốc thư cho Bùi Viện xuất ngoại hay tiếp xúc với người Mỹ.

Cần nói thêm, trước đó, năm 1866 sách *Thực lục* chép là vua Tự Đức cử một sứ đoàn qua Pháp do Giám mục J.D. Gauthier dẫn đầu; có Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ và Nguyễn Điều tháp tùng. Sau đó, nhà vua cử nhiều sứ đoàn Việt liên tục qua Hồng Kông, Ma Cao. Ngày 24/1/1874, Nguyễn Huy Hồn báo cáo trong chuyến đi Hồng Kông và Ma Cao năm 1873. Điểm đáng ghi nhận là không thấy tên Bùi Viện xuất hiện trong báo cáo của các sứ đoàn này, hay bất cứ sứ đoàn nào đi Hong Kong trước đó như sứ đoàn Nguyễn Tăng Doãn, Nguyễn Hữu Lập...

Một số người cho rằng, sử không ghi chép không có nghĩa là không có. Giả sử như hai chuyến đi đó là có thật thì một loạt câu hỏi rất cần được sáng tỏ như thời điểm cụ thể Bùi Viện xuất dương là thời gian nào, ai là thông ngôn cho "sứ đoàn". Đoàn sứ giả đó gồm bao nhiêu người? Kết quả chuyến đi có được Bùi Viện chép lại như Phạm Phú Thứ đã làm từ mười năm trước, và quan trọng hơn là tại sao sử nhà Nguyễn và trong văn khố Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ không hề có một văn bản nào lưu lại?

Tóm lại, việc Bùi Viện qua Mỹ, được Tổng thống Mỹ tiếp kiến không được minh chứng bằng tư liệu rõ ràng từ văn khố Mỹ hay sử liệu tại Việt Nam. Kho tư liệu Pháp và các nhà truyền giáo cũng không thấy đề cập gì về chuyện đó. Nội dung các thông tin được ghi chép sau này như đã dẫn ở trên là không đúng sự thực, hoặc sai lầm hay mâu thuẫn. Vậy câu hỏi rất cần được giới nghiên cứu sử học trả lời là: Có hay không hai chuyến đi Mỹ cầu viện của ông Bùi Viện? ■

#### Tài liệu tham khảo:

1. Phan Trần Chúc, *Bùi Viện với chính phủ Mỹ*, Nxb Đông Nam Á (Paris), 1985, tr.57-58.
2. Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb KHXH, 1992, tr.595.
3. Thái Văn Kiểm, *Đất Việt Trời Nam*, Nxb Nguồn Sống, 1960, tr.436-437.
4. Robert Hopkins Miller, *United States and Vietnam 1787-1941*. Diane Pub Co; 1st edition, May 1990.
5. Văn phòng Sử gia, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, *"A Guide to The United States' History of Recognition, Diplomatic, and Consular Relations, By Country, Since 1776: Japan"*. (<http://history.state.gov/countries>).
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* T8, Nxb Giáo Dục, tr.252.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* T8, Nxb Giáo Dục, tr.322.
8. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, *Châu bản triều Tự Đức*, Nxb Văn Học, tr.176.

# Chùa Tiêu

## trong “Tiêu Tự hiểu chung” của Mạc Thiên Tích

TRƯƠNG MINH ĐẠT

Văn xã Mạc Thiên Tích là Tao đàn Chiêu Anh Các còn để lại quyển *An Nam Hà Tiên Thập Vịnh* gồm 320 bài thơ chữ Hán về 10 cảnh đẹp ở Hà Tiên. Sách *Minh Bội Di Ngự* do Trịnh Hoài Đức trùng san năm 1821 in đủ 320 bài thơ, mỗi cảnh có kèm theo một bức vẽ. Mười cảnh đẹp được Mạc Thiên Tích xướng danh là: 1. *Kim Dự lan đào*, 2. *Bình Sơn điệp thúy*, 3. *Tiêu Tự hiểu chung*, 4. *Giang Thành dạ cổ*, 5. *Thạch Động thôn vân*, 6. *Châu Nham lạc lộ*, 7. *Đông Hồ ấn nguyệt*, 8. *Nam Phố trùng ba*, 9. *Lộc Trĩ thôn cư*, 10. *Lư Khê ngư bạc*.

Mạc Thiên Tích xếp mười cảnh đẹp này theo thứ tự trước sau với dụng ý đưa “*Kim Dự lan đào*” lên số một, vì là cảnh trí then chốt của địa phương Hà Tiên. Các cảnh đã xuất hiện theo thứ lớp như ghi chép ở sách *Hà Tiên Thập Vịnh*, ta không thể đảo lộn hay chép tùy tiện.

Nói về cảnh đẹp thứ ba: *Tiêu Tự hiểu chung*, ngôi chùa Tiêu phát lên tiếng chuông buổi sớm vang đến Thụ Đức hiên của Mạc Thiên Tích làm thức giấc nhà thơ. Ngôi chùa ấy tọa lạc ở đâu? Có phải ở núi Địa Tạng như lời ghi trong hai quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn?

Ta thử xem hai nguồn tư liệu này đáng tin đến chừng mực nào, để cùng xác minh một vài ngộ nhận xưa nay vẫn là nỗi thắc mắc dai dẳng.

### A. Giới hạn trong tư liệu của Trịnh Hoài Đức

Trong *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (Tập thượng, Nha Văn Hóa Sài Gòn, xuất bản năm 1972, phần chữ Hán trang 134-135 tờ 67b và 68a) ghi là: “Địa Tạng Sơn tại trấn bắc, cự Phù Dung Sơn ngũ lý, thượng hữu Địa Tạng tự, nhân dĩ danh sơn, kỳ tự công đức trang nghiêm, nhất nhập thiền khai đốn tức tham sân tục niệm, chân Thứu

Lĩnh thể giai chi cảnh. Thử tiêu tự văn chung vi thập cảnh trung chi nhất”.

Đoạn này được ông Nguyễn Tạo dịch là: “Núi Địa Tạng ở phía bắc trấn, cách núi Phù Dung năm dặm, trên núi có chùa Địa Tạng, nhân vậy mà gọi tên núi. Chùa này công đức trang nghiêm, ai vào cửa chùa thì thấy giảm bớt lòng tục tham sân, thật là cảnh giới làm bậc thang đi đến non Tự. Đây là cảnh Tiêu Tự hiểu chung (Chuông sớm chùa Tiêu) trong mười cảnh Hà Tiên vậy” (Xem Sđd, trang 104).

Chúng tôi không hiểu vì sao dịch giả đã đổi chữ VẤN (Buổi chiều) thành ra chữ HIỂU (Buổi sớm) trong câu cuối cùng. Theo *Tự điển Hán Việt* của Thiều Chửu (Nxb TP.HCM năm 2000, trang 270), chữ *Văn* có nghĩa là *buổi chiều*, *muộn*. Nhưng ông Nguyễn Tạo dùng từ *Hiểu*, nghĩa là *buổi sớm tinh sương*. Lời dịch làm người ta tưởng Trịnh Hoài Đức nói về Chuông sớm chùa Tiêu. Sự thật thì khác hẳn.

+ Trịnh Hoài Đức nói “Tiêu tự văn chung” là nói: Tiếng chuông chiều (ở đây, bây giờ) làm thành một cảnh đẹp, rõ là khác với cái thời của Mạc Thiên Tích có ngôi chùa Tiêu phát ra tiếng chuông sớm mai.

+ Ngôi chùa Địa Tạng trong *Gia Định thành thông chí* chỉ có cái tên duy nhất là “Địa Tạng tự”. Bằng tên chùa Địa Tạng mới có tên núi Địa Tạng. Trong lời văn tả Địa Tạng Sơn nói về tiêu tự, Trịnh Hoài Đức dùng cách gọi tiêu tự là danh từ chung chứ không phải nói đến chùa Tiêu là danh từ riêng.

### B. Cái gút mắc về núi Địa Tạng ở sách *Đại Nam nhất thống chí*

1. Trước hết hãy xem sách *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt* (Văn hóa tùng thư - Tập hạ - Nha văn hóa - Sài Gòn tái bản 1973) chép về núi Địa Tạng. Đoạn văn được ông Nguyễn Tạo dịch là: “Núi Địa Tạng ở huyện Hà Tiên,



cách núi Phù Anh một dặm, trên có chùa Địa Tạng, nhân đó dùng đặt tên núi này. Đây là một cảnh *Tiêu Tự thần chung* (Chuông mai Tiêu tự) trong mười cảnh ở Hà Tiên". Tựa bài thơ lúc đó được đổi là *Tiêu Tự thần chung*.

2. Tại thực tế địa phương, ai đọc đoạn văn trên, thấy nói núi Địa Tạng cách núi Phù Anh một dặm, liền biết ngay là không đúng. Nói như sách *Gia Định thành thông chí*: Núi Địa Tạng cách núi Phù Dung năm dặm, thì còn phải thêm một dặm từ núi Phù Dung đến núi Phù Anh, vị chỉ sáu dặm. Nói cách khác, núi Phù Anh (còn gọi núi Bình San) cách núi Địa Tạng sáu dặm.

3. Ở phần Tự quán, cũng sách này phía sau, trang 73 chép về chùa Địa Tạng có đoạn: "*Chùa Địa Tạng ở núi Địa Tạng huyện Hà Châu có một tên nữa là Tiêu Tự nay đã đổi hoại, cận tồn di chỉ*". Câu này cũng cho thấy sách *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt* bị sai lầm, vì vừa nói "Núi Địa Tạng... cách núi Phù Anh một dặm". Thực tế: Cách núi Phù Anh một dặm là núi Phù Dung (hay Bát Giác sơn theo *Đại Nam nhất thống chí*), thế thì cái chùa "*Tiêu Tự nay đã đổi hoại, cận tồn di chỉ*" phải nằm ở núi Phù Dung/Bát Giác sơn, chứ không phải ở núi Địa Tạng.

a. Có sự thay đổi tên Phù Dung sơn thành Phù Cừ sơn rồi Bát Giác sơn từ năm 1841, vì các sách đều ký húy tên DUNG của vua Thiệu Trị.

b. Từ đó, chúng ta có thể xác định: ngôi chùa bị đổi hoại mà sách gọi là Tiêu Tự chính là ngôi chùa ở núi Bát Giác sơn. Sách gọi Bát Giác sơn vì ở đó có cái tháp hình bát giác của Lão Hòa thượng Ấn Đàm, ngày nay tháp vẫn còn (ảnh đính kèm). Thực tế núi này có bình đồ hình quả lê.

c. Chúng ta vừa mở được cái gút mắc về núi Địa Tạng của sách *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt* và sách *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự Đức (do Hà Nội in năm 1971). Cả hai bộ sách cùng mắc khuyết điểm khi nói "Núi Địa Tạng cách núi Phù Anh một dặm" và "Chùa Địa Tạng có tên Tiêu Tự".

### C. Khảo chứng thực tế

1. Bài thơ Chùa Tiêu của Mạc Thiên Tích có tên *Tiêu Tự Hiểu Chung* chứ không phải *Tiêu Tự Thần Chung*. Bằng cớ, sách *An Nam Hà Tiên Thập Vịnh*, mã số A.441 của Thư viện Khoa học Xã hội - Hà Nội, có 320 bài thơ chữ Hán của 32 tác giả. Mỗi người làm 10 bài, bài số ba cùng có tựa *Tiêu Tự Hiểu Chung*. Hơn nữa, Mạc Thiên Tích kết thúc bài thơ rằng: *Kê truyền hiếu tín diệc liêu liêu*, gà gáy rộn ràng tin sáng sớm.

2. Ở hướng Tây nam, dưới chơn núi Phù Dung (nay gọi Đê Liêm), có khu đất vườn của ông Niên, xưa là vườn chùa, có nhiều tre trúc, cây ăn trái và một cái giếng thường gọi là giếng Tiêu, hay giếng chùa Tiêu. Thuở ấy khu vườn chùa này được Mạc Thiên Tích gọi là rừng thiên khi tả chùa Tiêu:

*Rừng thiên sít sát án ngoài tào,  
Chuông gióng chùa Tiêu tiếng tiếng cao.*



Nơi đây ngó thấy Thụ Đức hiên (còn gọi Khổng Tử miếu/Chiêu Anh các), chỗ ở của Mạc Thiên Tích. Năm 1771 bị giặc Xiêm phá hủy. Đến năm 1846 vua Thiệu Trị cho xây dựng lại, Khổng Tử miếu trở thành ngôi chùa Phù Anh (tức chùa Phù Dung ngày nay). Tác giả Sĩ Lân Mạc Thiên Tích ca ngợi:

*"Rừng Thiên sít sát án ngoài tào".*

Còn nhà thơ Đan Bình Ngự thì cảm tác:

*Phù Dung cao tiết xuất vân tiêu,  
Hoàn liệt như bình nhập vọng diêu.*

Như vậy trên núi Phù Dung/Bát Giác sơn, buổi sớm có tiếng chuông chùa Tiêu, ngôi chùa của Lão Hòa thượng Ấn Đàm, dòng Lâm Tế thứ 36. Sư ông là một người Hoa, sống cùng thời Mạc Thiên Tích khi thành lập Chiêu Anh Các.

Bài *Tiêu Tự Hiểu Chung* vì thế đã ra đời. ■

\* Ảnh của tác giả

# Hai hạng Đạo sư

QUẢNG TÂM

**T**rong *Tiểu kinh Người chăn bò* thuộc tuyển tập *Trung bộ*, Đức Phật dùng hình ảnh người chăn bò để lưu nhắc các học trò mình về hai hạng đạo sư và kết quả của việc tin tưởng và nghe theo hai hạng đạo sư này. Thứ nhất là hạng đạo sư vô trí, không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới, không khéo biết phi ma giới, không khéo biết tử thần giới, không khéo biết phi tử thần giới; nếu những ai tin và nghe theo hạng đạo sư này thì sẽ gặp phải bất hạnh khổ đau. Thứ hai là hạng đạo sư có trí tuệ, khéo biết đời này, khéo biết đời sau, khéo biết ma giới, khéo biết phi ma giới, khéo biết tử thần giới, khéo biết phi tử thần giới; nếu những ai tin và nghe theo hạng đạo sư này thì sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Nguyên văn lời Phật dạy:

*"Ngày xưa, này các Tỷ-kheo, tại Magadha có người chăn bò vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quán sát bờ bên này sông Hằng, không quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ không có thể lội qua được. Này các Tỷ-kheo, những con bò xô nhau tụ lại giữa dòng sông Hằng và gặp tai nạn tại nơi đây. Vì cơ sao? Này các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quán sát bờ bên này sông Hằng, không quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ không thể lội qua được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới, không khéo biết phi ma*

*giới, không khéo biết tử thần giới, không khéo biết phi tử thần giới, những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ gặp bất hạnh đau khổ lâu dài.*

*Ngày xưa, này các Tỷ-kheo, tại Magadha có người chăn bò có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ có thể lội qua được. Người đó đuổi đi đầu những con bò đực già, những con đầu đàn. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đưa qua những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có được huấn luyện. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò con nhỏ, những con bò con còn bú. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Này các Tỷ-kheo, thời xưa ấy có con bò còn nhỏ mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, cũng qua bờ bên kia một cách an toàn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là người có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ có thể lội qua được. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn khéo biết đời này, khéo biết đời sau, khéo biết ma giới, khéo biết phi ma giới, khéo biết tử thần giới, khéo biết phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng, cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài".*

Đạo sư (*Satthu*) thường được hiểu là người để xướng một học thuyết đạo đức làm người hay người chỉ dạy con đường đưa đến hoàn thiện nhân tính. Theo lời dạy của Đức Phật thì có nhiều vị đạo sư xuất hiện ở đời tuyên bố nhiều lý thuyết khác nhau mà người có trí cần phải cân nhắc kỹ trước khi chấp nhận đi theo<sup>2</sup>, tựu trung được phân thành hai loại. Thứ nhất là hạng đạo sư không giác ngộ - "không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới, không khéo biết phi ma giới, không khéo biết tử thần giới, không khéo biết phi tử thần giới", tức các vị đạo sư không chứng Chánh đẳng giác. Thứ hai là hạng đạo sư giác ngộ - "khéo biết đời này, khéo biết đời sau, khéo biết ma giới, khéo biết phi ma giới, khéo biết tử thần giới, khéo biết phi tử thần giới", gọi là hạng đạo sư Chánh đẳng giác.





Hạng đạo sư thứ nhất có các đặc điểm:

Không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, nghĩa là không như thật tuệ tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly đời này và đời sau, không thấy rõ khổ đau của sự tái sanh hay sự kiện hiện hữu, không biết rõ sự xuất ly khổ đau, không giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, vì không thực chứng khổ (của đời này và đời sau), khổ tập khởi, khổ đoạn diệt và con đường đưa đến khổ đoạn diệt. Nói cách khác, những ai không như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của Ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) thì không thoát khỏi khổ đau tái sanh, gọi là không khéo biết đời này và đời sau. Đây là đặc điểm của các vị đạo sư không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác, còn bị tham-sân-si chi phối, tự mình không thoát khỏi khổ đau đời này và khổ đau đời sau, không có thể hướng dẫn người khác thoát khỏi khổ đau đời này và khổ đau đời sau.

Một đặc điểm khác của các vị đạo sư không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác là các vị này không biết thế nào là ma giới, phi ma giới; không biết thế nào là tử thần giới, phi tử thần giới.

Không khéo biết ma giới (*Màradheyya*), nghĩa là không biết thế nào là mê lầm, xấu ác, khổ đau, tức không biết rõ các dục (*kàma*)<sup>3</sup> và tà kiến<sup>4</sup> hay tham-sân-si, các bất thiện pháp là nguyên nhân đưa đẩy chúng sinh rơi vào vòng luân hồi khổ đau (*samsàra*); không biết rằng: “*Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tưởng hiện tại và các dục tưởng tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma*”<sup>5</sup>.

Không khéo biết phi ma giới (*Amàradheyya*), tức không biết được thế nào là cảnh giới chân chánh, an lạc, thoát ly phiền não khổ đau, nghĩa là sự nhiếp phục các dục hay tham-sân-si, dứt trừ các bất thiện pháp khiến phiền não khổ đau không sinh khởi, đi đến đoạn tận; không hiểu rằng: “*Giữa ai có giới hạnh, an trú không phóng dật, chánh trí, chơn giải thoát, Ác-ma không thấy đường*”<sup>6</sup>.

Không khéo biết tử thần giới (*Maccudheyya*), tức là không biết đến cảnh giới Thần chết hay thế giới khổ đau sinh tử luân hồi (*samsàra*) do các dục hay tham-sân-si, các ác bất thiện pháp tạo ra; không thấy rõ sự nguy hại của các dục, không biết rằng: “*Người nhặt các loại hoa (các dục), ý đắm say, tham nhiễm, bị Thần chết mang đi, như lạt trôi lòng ngủ*”<sup>7</sup>.

Không khéo biết phi tử thần giới (*Amaccudheyya*), tức không thấy được cảnh giới giải thoát, bất tử, không sanh, già, bệnh, chết đạt được do sự đoạn tận tham-sân-si, thoát khỏi các lậu hoặc, tịnh chỉ các hành, viễn ly sanh y, không còn tái sanh, nhờ theo đuổi giáo pháp Bát Thánh đạo hay con đường Giới-Định-Tuệ của các bậc Giác ngộ; không biết thế nào là lời khuyên: “*Hãy nhìn như bọt nước, hãy nhìn như cảnh huyễn; quán nhìn đời như vậy, Thần chết không bắt gặp*”<sup>8</sup>.

Như vậy, hạng đạo sư thứ nhất bao hàm các vị đạo sư không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác, còn

tham-sân-si, tự mình không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, không có thể dẫn dắt người khác thoát khỏi khổ đau sinh tử luân hồi. Do không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác, nghĩa là “*không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới, không khéo biết phi ma giới, không khéo biết tử thần giới, không khéo biết phi tử thần giới*”, nên những ai tin tưởng và nghe theo các vị đạo sư này thì không tránh khỏi rơi vào bất hạnh khổ đau; giống như người chăn bò vô trí, không biết chỗ nước có thể lội qua, không quán sát bờ bên này, không quán sát bờ bên kia, vội vàng đuổi đàn bò lội cắt ngang dòng sông chảy xiết khiến cho cả đàn bò xô lẫn nhau tụ lại giữa dòng và rơi vào ách nạn.

Hạng đạo sư thứ hai có các đặc điểm:

Khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết ma giới, khéo biết phi ma giới, khéo biết tử thần giới, khéo biết phi tử thần giới, tức chỉ cho các bậc Như Lai, Chánh đẳng giác, những người đã liễu tri khổ đau (ngũ uẩn) đời này và khổ đau (ngũ uẩn) đời sau, đã chấm dứt tái sanh, hoàn toàn thoát ly ma giới và tử thần giới, chơn chánh chuyển Phạm luân (*Brahmacakka*), mở rộng cửa Bất tử (*Amatadvàra*), có khả năng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau. Chư vị ấy thường được tán dương như thế này: “*Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên non sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Samôn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ, Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ. Ngài giảng dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch*”.

Do vì giác ngộ, chứng Chánh đẳng giác, nghĩa là “*khéo biết đời này và đời sau, khéo biết ma giới và phi ma giới, khéo biết tử thần giới và phi tử thần giới*”, nên những ai tin tưởng và nghe theo lời khuyên của hạng đạo sư thứ hai này thì có cơ may thoát ly khổ đau sanh tử luân hồi, đạt được giải thoát, Niết-bàn; tựa như người chăn bò có trí, biết rõ chỗ nước có thể lội qua, khéo quán sát bờ bên này, khéo quán sát bờ bên kia, lần lượt chặn dắt đàn bò lội qua sông một cách an toàn.

Đức Phật tuyên bố Ngài là vị đạo sư Chánh đẳng giác, khéo giảng dạy Chánh pháp, lần lượt dẫn dắt các đệ tử vượt qua dòng sông Ma vương (dòng sinh tử luân hồi), đạt đến bến bờ giải thoát, Niết-bàn:

“*Này các Tỷ-kheo, ví như những con bò đực già, đầu đàn, chúng đã lội cắt ngang dòng sông Hằng và qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những bậc A-la-hán, đã đoạn trừ các lậu hoặc, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, các hữu kiết sử đã hoàn toàn bị đoạn diệt, đã được giải thoát nhờ chánh*

trí. Những vị này, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương đã qua bờ bên kia một cách an toàn.

Này các Tỷ-kheo, ví như những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có huấn luyện, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, ở tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn, những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo đã diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, những con bò con, nhỏ, những con bò con còn bú, những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhất định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến chánh giác. Những vị này lội cắt ngang dòng sông Ma vương và sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con bò con còn nhỏ, mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo tùy pháp hành, tùy tín hành, những vị này sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Này các Tỷ-kheo, nay Ta khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết đối với ma giới, khéo biết đối với phi ma giới, khéo biết đối với tử thân giới, khéo biết đối với phi tử thân giới. Những ai nghĩ rằng, cần phải nghe, cần phải tin nơi Ta, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài<sup>9</sup>.

Về tầm quan trọng của vị đạo sư Chánh đẳng giác, Kinh tạng Pàli phát biểu như vậy: "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ (người khác). Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để (người khác) chứng Niết-bàn"<sup>10</sup>.

- Thế Tôn là bậc đã giác ngộ, đã hoàn toàn thức tỉnh về sự thật vô thường, khổ, vô ngã của hết thảy hiện hữu, và nói lên kinh nghiệm giác ngộ của mình cho người khác thực tập để đạt đến giác ngộ giống như Ngài.

- Thế Tôn là bậc đã điều phục tâm thức thoát khỏi tham-sân-si và nói lên kinh nghiệm điều phục của mình cho người khác học tập điều phục.

- Thế Tôn là bậc đã tịch tĩnh, nội tâm đã trở nên vắng lặng sạch trong, không còn phiền não cấu uế, và nói lên kinh nghiệm tịch tĩnh của mình cho người khác thực tập tịch tĩnh.

- Thế Tôn là bậc đã vượt qua vô minh, tham ái, chấp thủ, vượt qua biển khổ sinh tử luân hồi, và nói lên kinh nghiệm vượt qua của mình cho người khác thực tập vượt qua.

- Thế Tôn là bậc đã chứng Niết-bàn, nội tâm hoàn toàn vắng bật các phiền não tham-sân-si, và nói lên kinh nghiệm chứng ngộ Niết-bàn của mình cho người khác thực tập chứng đạt Niết-bàn.

Nhìn chung, lời Phật cho thấy có hai hạng đạo sư xuất hiện ở đời có những đặc điểm hoàn toàn khác nhau. Thứ nhất là hạng đạo sư không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác, có đặc điểm là không khéo biết đời này và đời sau, không khéo biết ma giới và phi ma giới, không khéo biết tử thân giới và phi tử thân giới. Với hạng đạo sư này, những ai tin và nghe theo lời khuyên dạy của họ thì không tránh khỏi rơi vào bất hạnh khổ đau lâu dài, tức không thoát khỏi khổ đau sinh tử luân hồi. Thứ hai là hạng đạo sư giác ngộ, chứng Chánh đẳng giác, có đặc điểm là khéo biết đời này và đời sau, khéo biết ma giới và phi ma giới, khéo biết tử thân giới và phi tử thân giới. Đối với

hạng đạo sư này, những ai có lòng tin và nghe theo lời khuyên dạy của chư vị thì sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài, tức có khả năng thoát ly sinh tử luân hồi.

Do sự khác biệt quan trọng giữa hạng đạo sư không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác và hạng đạo sư giác ngộ, chứng Chánh đẳng giác trong đường lối và khả năng thuyết pháp độ sinh, Đức Phật có sự phân tích cân nhắc đặc biệt dành cho các học trò mình về bốn trường hợp sau đây:

1. Trường hợp người đệ tử may mắn vì không sống theo lời dạy của vị đạo sư không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác: "Này Cunda, ở đây có vị đạo sư không phải là Chánh đẳng giác, có pháp luật đã được trình bày



tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết. Và người đệ tử trong pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, sống vượt ra ngoài pháp. Người đệ tử ấy cần được nói như sau: 'Này Hiền giả, thật là lợi ích cho Người. Thật khéo chứng đắc cho Người. Đạo sư của Người không phải là vị Chánh đẳng giác. Pháp của Người đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh đẳng giác tuyên bố. Và Người trong pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, vượt ra ngoài pháp'. Này Cunda, như vậy ở đây, vị đạo sư đáng quở trách, ở đây pháp đáng quở trách, nhưng ở đây đệ tử đáng tán thán. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, nên nói như sau: 'Này Đại đức, dầu Đại đức thực hành đúng như pháp vị đạo sư đã dạy và trình bày, ai có suy tâm, ai có bị suy tâm, ai có suy tâm rồi như thực thi hành, tất cả đều không có phước báo'. Vì sao vậy? Vì pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết"<sup>11</sup>

2. Trường hợp vị đệ tử không may mắn do nghe tin và theo lời dạy của vị đạo sư không giác ngộ, không chứng Chánh đẳng giác: "Này Cunda, ở đây, vị đạo sư không là vị Chánh đẳng giác, và pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết, và vị đệ tử trong pháp này, sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp. Người này nên được nói như sau: 'Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Người, thật không khéo chứng đắc cho Người. Vị đạo sư của Người không là vị Chánh đẳng giác và pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết, những người trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp'. Này Cunda, ở đây vị đạo sư đáng quở trách, ở đây pháp đáng quở trách, ở đây vị đệ tử cũng đáng quở trách. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, nếu có ai nói về vị ấy, hãy nói như sau: 'Thật vậy, Đại đức thành tựu theo chánh hạnh, tinh tấn trong chánh hạnh, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn hơn nữa, tất cả đều không được phước đức'. Vì sao vậy? Này Cunda, vì pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết"<sup>12</sup>.

3. Trường hợp người đệ tử không may mắn vì không sống theo lời khuyên dạy của vị đạo sư giác ngộ, chứng Chánh đẳng giác: "Này Cunda, ở đây vị đạo sư là vị Chánh đẳng giác, pháp được khéo giảng và trình bày,

có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết. Vị đệ tử trong pháp này sống không thành tựu pháp và tùy pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp. Vị đệ tử ấy cần phải được nói: 'Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Người, thật không khéo chứng đắc cho Người. Vị đạo sư của Người là vị Chánh đẳng giác, pháp được khéo tuyên bố trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết. Nhưng Người trong pháp này sống không thành tựu pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp'. Này Cunda, ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử đáng quở trách. Nếu có ai nói, hãy nói với vị đệ tử ấy như sau: 'Đại đức hãy thực hành đúng như pháp do vị đạo sư của Đại đức trình bày và tuyên thuyết. Ai có điều tra, ai có bị điều tra, ai có bị điều tra rồi như thực thi hành, tất cả đều được phước báo'. Vì sao vậy? Này Cunda, pháp luật này khéo thuyết khéo trình bày là như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết"<sup>13</sup>.

4. Trường hợp vị đệ tử may mắn do sống hành trì theo lời khuyên dạy của vị đạo sư giác ngộ, chứng Chánh đẳng giác: "Này Cunda, ở đây vị đạo sư là Chánh đẳng giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết, và vị đệ tử trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp. Nếu có ai nói vị đệ tử ấy nói như sau: 'Này Hiền giả, thật là lợi ích cho Người, thật khéo chứng đắc cho Người. Vị đạo sư của Người là vị A-la-hán Chánh đẳng giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết. Và Người trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp'. Này Cunda, như vậy ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử cũng đáng được tán thán. Này Cunda, nếu có ai nói, hãy nói vị đệ tử ấy như sau: 'Thật vậy, Đại đức thành tựu như pháp, tinh tấn như pháp, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn thực hành, tất cả đều được nhiều công đức'. Vì sao vậy? Này Cunda, vì pháp luật được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh đẳng giác tuyên thuyết"<sup>14</sup>. ■

**Chú thích: 1&9.** Tiểu kinh Người chăn bò, Trung bộ.

**2.** Kinh Sa-môn quả, Trường bộ; Kinh Sandaka, Trung bộ. **3&5.** Kinh Bất động lợi ích, số 106, Trung bộ. **4.** Kinh Phạm Thiên cầu thỉnh, số 49, Trung bộ. **6.** Kinh Pháp cú, kệ số 57. **7.** Kinh Pháp cú, kệ số 47. **8.** Kinh Pháp cú, kệ số 170. **10.** Tiểu kinh Saccaka, Trung bộ. **11&12&13&14.** Kinh Thanh tịnh, Trường bộ.



# Ánh sáng là một phẩm tính của tánh Không

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

C húng ta vẫn thường hình dung Đức Phật có ánh sáng, và tranh tượng đều diễn tả ánh sáng bằng hào quang bao quanh đầu và thân; kinh điển thường nói đến việc Đức Phật phóng ánh sáng trùm khắp. Ánh sáng như để diễn tả Phật, như là một phẩm tính căn bản của Phật.

Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu vấn đề này qua kinh *Pháp hội Xuất hiện Quang minh* trong bộ *Đại Bảo Tích* do Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi dịch.

*“Lúc ấy, trong pháp hội có một đồng tử tên Nguyệt Quang rời chỗ ngồi đứng dậy trích y vai hữu, quỳ gối đánh lễ dưới chân Đức Phật, chấp tay cung kính bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thuở xưa Như Lai tu hạnh nghiệp gì mà có thể được các quang minh như là quyết định quang minh, nhiếp thủ quang minh, phát khởi quang minh, hiển hiện quang minh, chủng chủng sắc quang minh, quảng đại quang minh, thanh tịnh quang minh, khắp thanh tịnh quang minh, vô năng chướng quang minh, trụ vô biên xứ quang minh, vô lượng sắc tướng quang minh, hư không sắc tướng quang minh... Các thứ quang minh như vậy, mỗi quang minh đều cùng quang minh năm sắc hoà hợp hiển hiện, cho đến các sự xanh vàng đỏ*

*trắng... mỗi sự cùng vô lượng vô biên các thứ sắc quang hoà hợp hiển hiện”.*

Đồng tử Nguyệt Quang thưa hỏi Đức Phật do hạnh nghiệp gì mà hiển hiện vô số ánh sáng, hoà hiệp vô ngại với nhau, đến độ toàn bộ vũ trụ đầy cả ánh sáng đủ loại, đủ màu sắc và vũ trụ chính là sự hoà hợp của vô lượng vô biên đủ loại ánh sáng như vậy.

*“Đức Thế Tôn nói kệ cho Nguyệt Quang:*

*Ta dùng bất tư nghị*

*Nghiệp lành làm nhân duyên*

*Xa lìa những mê lầm*

*Nên được các quang minh...”*

Những mê lầm đồng nghĩa với vô minh. Vô minh (avidya) là quan niệm sai lầm, hiểu sai lầm, thấy biết sai lầm. Chính những mê lầm này che đậy thật tướng của các sự vật là tánh Không. Khi những mê lầm vô minh được xa lìa, thì các quang minh kia hiện ra, như khi những đám mây qua đi thì mặt trời hiện ra đầy ánh sáng. Nghiệp lành làm nhân duyên là những phương pháp tu hành khiến xa lìa những mê lầm để cho các ánh sáng hiện ra. Những phương pháp tu hành là nhân duyên để xua tan những đám mây vô minh che ám

mặt trời khiến cho mặt trời hiện ra chứ chúng không tạo ra mặt trời đầy ánh sáng. Thế nên kinh nói “*Xa lia những mê lầm, Nên được các quang minh*”.

“... *Lại dùng nhiều công hạnh  
An trụ trong Phật đạo  
Dùng huệ Không, Vô tác  
Hiện hoà hiệp quang minh...*”

An trụ trong Phật đạo là an trụ trong thực tại tối hậu là tánh Không. Từ tánh Không ấy, dùng trí huệ về tánh Không, Vô tác mà hiện hoà hiệp quang minh. Quang minh được hiện, được xuất hiện từ trong tánh Không. Quang minh hay ánh sáng là một phẩm tính của tánh Không.

Đầu đề kinh nói “*Xuất hiện Quang minh*” chứ không nói tạo tác, biến chế ra quang minh. Quang minh vốn hiện hữu trong tánh Không, chỉ cần dùng “*nhiều nghiệp lành, nhiều công hạnh*” thì quang minh có sẵn ấy xuất hiện.

Kệ nói tiếp:

“... *Ví như trong ngoại pháp  
Các thứ tướng sai khác  
Trong ấy Không, Vô ngã  
Không tác, không tâm ý.  
Lại như trong nội thân  
Không, Vô ngã, Vô tác  
Trong ấy thị hiện được  
Nhiều thứ loại âm thanh  
Do Vô tác như vậy  
Hiện vô biên sắc quang*”

Ngoại pháp là các hiện tượng bên ngoài, chúng đều rỗng không, vô ngã, vô tự tánh, không tác, không tâm ý. Chúng là tánh Không. Các hiện tượng ở trong nội thân cũng trống không, vô ngã, vô tự tánh, vô tác. Bên trong cũng là tánh Không.

Do bên ngoài là tánh Không (vô pháp), bên trong là tánh Không (vô ngã) mà “*do Không, Vô ngã, Vô tác như vậy, hiện vô biên sắc quang*”. Do bên ngoài và bên trong đều là tánh Không, vô tự tánh, mà vô biên ánh sáng xuất hiện.

Như vậy, bất cứ khi nào chúng ta thấy ra vô tự tánh, tánh Không của bên ngoài và bên trong, thì ánh sáng vốn sẵn nơi tánh Không xuất hiện. Sở dĩ ánh sáng chưa xuất hiện vì “*những mê lầm*” cho rằng mọi sự vật, thế giới, con người là có tự tánh khiến che đậy cái thấy biết của chúng ta. Chính sự mê lầm cho rằng mọi vật có tự tánh khiến cho mọi sự trở thành cứng đặc, thành vật thể, làm cho ánh sáng không phát ra được, không xuất hiện được. Chính sự mê chấp của chúng ta rằng có tự tánh đã che đậy ánh sáng vốn sẵn có của sự vật.

Đoạn kệ sau nói nếu thấy biết nhãn là tánh Không thì ánh sáng sẽ phát ra, sẽ xuất hiện:

*Nương nhãn biết nhãn không  
Không chấp trước vào nhãn*



*Nếu biết được như vậy  
Ở nhãn cũng vô hại.  
Nếu biết nhãn tánh Không  
Thành tựu trí chân thật  
Do trí chân thật này  
Quang minh sẽ phát ra.  
Nếu biết nhãn tánh Không  
Dứt hẳn tâm tham dục  
Do không có tham dục  
Quang minh sẽ phát ra.*

Tánh Không của nhãn là sự thanh tịnh của nhãn. Và khi nhãn thanh tịnh thì quang minh xuất hiện:

*Nếu khéo biết rõ được  
Thanh tịnh của nhãn tánh  
Thì cũng khéo biết rõ  
Thanh tịnh của nhĩ tánh  
Người ấy sẽ chứng được  
Quang xuất hiện như vậy.*

Cho nên bất cứ lúc nào chúng ta thấy tánh Không, thấy ra sự vô tự tánh của mọi sự vật thì ánh sáng căn bản nơi mọi sự vật xuất hiện. Cái thấy tánh Không vô tự tánh càng sâu rộng thì ánh sáng xuất hiện càng sâu rộng.

Một thí dụ từ xưa là: Khi đứng trước một tấm gương, nếu cho hình bóng trong gương là có tự tánh, có thật, không phải do duyên sanh, rồi chạy theo chúng, thì chúng ta chẳng thể nào nhận ra tấm gương sáng làm nền tảng cho mọi hình bóng xuất hiện. Khi không chạy theo chúng, “không chấp trước vào nhãn”, thì “do không có tham dục” nên chúng ta thấy tấm gương với đầy đủ ánh sáng. Đó là sự thanh tịnh của tấm gương đầy ánh sáng, hay nói theo kinh “quang minh xuất hiện”. ■



# Giáo lý Tứ diệu đế

THÍCH TRUNG ĐỊNH

**T**ứ diệu đế là bài pháp đầu tiên được Đức Phật giảng cho năm anh em Kiều-trần-như tại vườn Lộc Uyển để vận chuyển bánh xe Chánh pháp. Đây là bài pháp căn bản chỉ rõ về bốn sự thật cao quý của con người và cuộc đời. Bốn sự thật này có thể được tìm thấy và trải nghiệm ngay tại trong thân tâm của chúng ta. Bốn sự thật ấy chính là chân lý về Khổ, nguyên nhân của đau khổ, sự chấm dứt đau khổ, và con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ.

Tứ diệu đế là giáo lý nền tảng của Phật giáo và được xem là thiện pháp tối thắng.

Tôn giả Xá-lợi-phất (*Sariputta*) đã từng nhận định: “Chư Hiền giả, ví như tất cả dấu chân của mọi loài động vật đều bị nhiếp trong dấu chân voi, vì dấu chân này là to lớn trong tất cả dấu chân về mặt to lớn. Cũng vậy, chư Hiền giả, tất cả các thiện pháp đều tập trung trong Tứ Thánh đế”<sup>1</sup>.

Trong kinh *Đại Bát Niết-bàn*, bản kinh thứ 16 thuộc kinh *Trường bộ*, Đức Phật dạy rằng: “*Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển trong luân hồi sanh tử trong một thời gian dài*”<sup>2</sup>.

Vì vậy, sự hiểu biết, thâm nhập về giáo lý Tứ diệu đế là vô cùng quan trọng cho tất cả mọi hành giả học và tu Phật.

## Nội dung Tứ diệu đế

### 1. Khổ đế (*Dukkha*)

Diệu đế thứ nhất thường được hầu hết các học giả diễn dịch là “chân lý cao cả về sự khổ”. Về chân lý đầu tiên này Đức Phật dạy có ba loại khổ đó là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Ba loại khổ này được kinh *Tương ưng bộ* phân tích kỹ hơn thành ra tám loại khổ, như sau: “*Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu,*

não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ<sup>3</sup>.

## 2. Tập đế (Samudaya)

Nguyên nhân của khổ là tham ái, có ba loại tham ái đó là: (i) dục ái, (ii) hữu ái, và (iii) vô hữu ái. Tham ái khởi động dẫn đến sự tích tụ của nghiệp đưa đến quá trình sinh tử. Trong bài giảng đầu tiên của mình, Đức Phật tuyên bố: *"Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cầu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái"*<sup>4</sup>.

## 3. Diệt đế (Nirhodha)

Chân lý thứ ba, tức là sự thật về chấm dứt đau khổ, đề cập đến giai đoạn Niết-bàn, vốn không phải là trạng thái tiêu cực như thường thấy, nhưng là một điều tích cực và được mô tả như là chưa sinh, không trở thành, vv. *"Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước"*<sup>5</sup>.

## 4. Đạo đế (Dukkha-nirodha-Marga)

Chân đế thứ tư, là con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ, đó là thánh đạo tám ngàn. Trong bài giảng đầu tiên cho năm anh em Kiều-trần-như tại Sanarth, Đức Phật giảng giải: *"Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngàn, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn"*<sup>6</sup>.

Với cấu trúc này, Đức Phật đã giới thiệu cho chúng ta thấy rõ hai cặp phạm trù nhân quả thể gian và xuất thể gian. Khổ và tập là quả và nhân của thể gian; diệt và đạo là quả và nhân xuất thể gian. Đây là một phạm trù cấu trúc hợp luận lý và khoa học để khẳng định giáo lý nhân quả là giáo lý quan trọng trong Phật giáo. Mục đích của đạo Phật là giải thoát mọi đau khổ, vì vậy các pháp môn được thiết lập, mọi nỗ lực tu tập đều hướng về mục tiêu ấy. Tứ diệu đế là bài học nói về thực trạng đau khổ của con người, về nguồn gốc hay nguyên nhân dẫn đến đau khổ, về sự chấm dứt đau khổ và về con đường hay phương pháp thực hành dẫn đến việc chấm dứt khổ đau.

## Tam chuyển pháp luân thập nhị hạnh

Khi trình bày về giáo lý Tứ đế cho năm anh em Kiều-trần-như tại vườn Lộc Uyển, Đức Phật đã thuyết theo phương pháp Tam chuyển. Tam chuyển pháp luân gồm có ba phần đó là thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển. Đây là ba lần quay bánh xe Chánh pháp.

1) Thị chuyển là Phật chỉ bày rõ ràng bốn lẽ thật có tánh cách khách quan. Phật dạy: Đây là khổ đế, đây là tập đế, đây là diệt đế và đây là đạo đế.

2) Khuyến chuyển là Phật khuyên nhủ và khuyến khích năm vị Tỷ-kheo từ nay hãy chánh tư duy để phát sinh trí tuệ. Đây là khổ đế các ông phải biết. Đây là tập đế các ông phải đoạn. Đây là diệt đế các ông phải chứng. Đây là đạo đế các ông phải tu.

3) Chứng chuyển là Phật nói đối với các pháp Tứ đế các ông đã biết, đã tu, đã đoạn và đã chứng. Đây là khổ ta đã biết, đây là khổ tập ta đã đoạn. Đây là khổ diệt ta đã chứng và đây là khổ đạo ta đã tu. Vì mỗi đế đều có ba chuyển nên bốn đế cộng lại thành 12 hạnh, nên gọi là tam chuyển pháp luân thập nhị hạnh.

## Tứ đế là Chân lý của chư Phật ba đời

Tứ diệu đế, không chỉ Đức Phật Gotama chứng ngộ, mà chân lý ấy được chứng ngộ bởi chư Phật ba đời, quá khứ, hiện tại, và tương lai. Trong kinh *Tương ưng bộ*, Đức Phật dạy: *"Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh đẳng giác; tất cả những vị ấy đã như thật chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế. Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh đẳng giác; tất cả những vị ấy sẽ chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế. Những bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh đẳng giác; tất cả những vị ấy hiện đang chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế"*<sup>7</sup>.

## Tứ đế là chân lý như thật

Tứ diệu đế là chân lý thực tại như thật bởi Như Lai tuyên thuyết, không hư vọng, không cưỡng thuyết. Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Thế nào là bốn?

*"Đây là Khổ, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Đây là Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Đây là Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật"*<sup>8</sup>.

Chúng ta lắng nghe lời khẳng định của Tôn giả A-nậu-lâu-đà về tính như thật, không khác của giáo lý Tứ đế trong kinh *Di giáo*: *"Bạch Đức Thế-Tôn, mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, chư Phật nói pháp Tứ đế không thể có sự sai khác được. Phật nói Khổ đế thực là khổ, không thể vui được; Tập đế thực là "nhân"; không có nhân khác; khổ, nếu diệt trừ, tức là nhân diệt. Nhân diệt nên quả diệt; đạo "diệt khổ", thực là chân đạo, không còn đạo nào khác nữa. Bạch Đức Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo đối với pháp Tứ đế, quyết định không còn sự ngờ vực gì nữa"*<sup>9</sup>.

Lại nữa, những sự thật cao cả gọi là những sự thật thuộc về những bậc thánh, như kinh nói: *"Này các Tỷ-kheo, nhờ tìm ra bốn sự thật cao cả này mà Như Lai được tôn xưng là bậc A-la-hán Chánh đẳng giác"*.

(Kinh Tương ưng bộ)



### **Có giá trị như nắm lá trong lòng bàn tay**

Kinh *Tương ưng bộ* ghi lại rằng, một lần Đức Phật trú tại Kosambi trong rừng Sisapā. Một hôm, Ngài lấy vài lá Siṃsapā nắm rải rác trên mặt đất rồi đặt trong lòng bàn tay và hỏi mọi người, “*Này các Tỷ-kheo, lá trong lòng bàn tay của ta là ít hay lá trong rừng Sisapā là ít?*”. Tất cả mọi người đều trả lời rằng, lá trong lòng bàn tay Ngài là ít hơn lá trong rừng Sisapā. Phật dạy: “*Đúng như vậy, này các Tỷ-kheo, những điều ta biết là nhiều như lá trong rừng Sisapā, nhưng ta không giảng dạy, những điều ta giảng dạy chỉ như nắm lá trong lòng bàn tay. Và này các Tỷ-kheo, tại sao ta không giảng dạy chúng? Vì chúng không đưa đến lợi ích, chúng không phải là những điều thiết yếu đưa đến đời sống thánh thiện, không dẫn đến sự thanh tịnh, khinh an, đoạn tận, hiểu biết trọn vẹn, trí tuệ hoàn hảo, đạt đến Niết-bàn. Đó là lý do tại sao ta không giảng dạy chúng*”<sup>10</sup>.

Giáo lý Tứ diệu đế có giá trị như nắm lá trong lòng bàn tay, bởi vì chúng có lợi ích thiết thực, đưa đến sự giác ngộ và Niết-bàn. “*Và, này các Tỷ-kheo, Ta đã dạy những gì? Ta đã dạy: Đây là đau khổ. Ta đã dạy: Đây là nguồn gốc của khổ đau. Ta đã dạy: Đây là sự chấm dứt đau khổ. Ta đã dạy: Đây là con đường dẫn đến sự chấm*

*dứt đau khổ. Và tại sao, các Tỷ-kheo, Ta đã dạy những điều này? Bởi vì những điều này có lợi, có liên quan đến các nguyên tắc cơ bản của đời sống tâm linh, và chúng sẽ dẫn đến sự đoạn tận vô minh, tham ái, sự chấm dứt, an tịnh, hướng đến trí tuệ, giác ngộ, và Niết-bàn*”<sup>11</sup>.

### **Chỉ vì không hiểu:**

Sở dĩ chúng sinh trầm luân trong luân hồi sinh tử chịu nhiều đau khổ là vì họ đã không hiểu, không thâm nhập giáo lý Tứ diệu đế: “*Các Tỷ-kheo, đó là vì không hiểu biết và không thâm nhập giáo lý Tứ diệu đế mà Ta và các người đã vào ra trong luân hồi sinh tử, chịu nhiều khổ đau trong một thời gian dài*”<sup>12</sup>.

“*Nhưng nay, này các Tỷ-kheo, Thánh đế về Khổ này đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đến tái sinh. Nay không còn tái sinh nữa*”<sup>13</sup>.

### **Vực thăm:**

Trong khi phân tích về chuỗi vận hành của mười hai chi phần duyên khởi, chúng ta thấy được rằng căn nguyên sâu xa gây ra đau khổ chính là vô minh, và vô



minh là không nhận biết về giáo lý Tứ diệu đế. Vì vậy, những người không thâm hiểu bốn chân lý này thì tâm hành rơi xuống vực thẳm của sinh, lão, bệnh và tử: “*Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: ‘Đây là Khổ’... không như thật rõ biết: ‘Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt’.* Họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh, họ hoan hỷ với các hành đưa đến già, họ hoan hỷ với các hành đưa đến chết, họ hoan hỷ với các hành đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não. Vì họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, họ tạo dựng các hành đưa đến sanh, họ tạo dựng các hành đưa đến già... đưa đến chết... do họ tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, nên họ rơi vào vực thẳm sanh, họ rơi vào vực thẳm già, họ rơi vào vực thẳm chết, họ rơi vào vực thẳm sầu, bi, khổ, ưu, não. Họ không liễu thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ không liễu thoát khỏi đau khổ”<sup>14</sup>.

Do đó, chân lý cao cả của đau khổ, nguồn gốc của đau khổ, sự chấm dứt khổ đau và con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ, chúng ta phải hiểu và thâm nhập. Do hiểu và thâm nhập rồi thực hành đúng Chánh pháp thì chúng ta không còn vào ra trong luân hồi sanh tử và không rơi xuống vực thẳm của sanh, già, bệnh và chết.

#### **Thực hiện bước đột phá:**

Thuốc giải độc cho sự thiếu hiểu biết là tri thức, được định nghĩa như là kiến thức hiểu biết về Tứ diệu đế. Sự thâm nhập bước đầu tiên của Tứ diệu đế xảy ra với sự đạt được là sự chứng ngộ thánh quả Dự lưu, được gọi là sự đột phá về Pháp hay còn gọi là đắc được pháp nhãn. Để làm cho xảy ra bước đột phá này không dễ dàng, nhưng nếu không làm như vậy thì không thể chấm dứt được đau khổ. Do đó, Đức Phật lại thúc giục các đệ tử thực hiện một nỗ lực phi thường để đạt được sự đột phá về chân lý<sup>15</sup>.

*Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... khi như thật giác ngộ Thánh đế về nguyên nhân của khổ, khi như thật giác ngộ Thánh đế về sự diệt khổ, sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận Khổ đau; sự kiện này có xảy ra”<sup>16</sup>.*

Theo luận *Câu-xá*, biết rõ về Tứ Thánh đế được gọi là *Tận trí* và *Vô sinh trí*. Tận trí là gì? “*Khi tự biết được: ta đã biết rõ về khổ, ta đã đoạn trừ tập, ta đã làm cho diệt hiện khởi, ta đã tu tập đạo, và từ đó xuất phát sự hiểu biết (trí), sự nhìn thấy (kiến), sự sáng suốt (minh), sự giác ngộ (giác), sự liễu giải, sự phân biệt, sự sáng tỏ, sự quán thông thì gọi là Tận trí*”. Vô sinh trí là gì? “*Khi tự biết được: ta đã biết rõ về khổ và không còn phải tìm hiểu về khổ nữa... , ta đã tu tập đạo và không còn phải tu tập gì nữa, và từ đó xuất phát sự hiểu biết, v.v. thì gọi là vô sinh trí*”.

Do vậy đối với bốn chân lý, khổ, tập, diệt, và đạo chúng ta cần như thật rõ biết, thâm nhập để không còn trầm luân trong luân hồi sanh tử chịu nhiều đau

khổ, và không bị rơi xuống vực thẳm của sinh, lão, bệnh và tử.

#### **Đoạn tận lậu hoặc:**

Sự đoạn tận lậu hoặc là mục đích cuối cùng của trí tuệ trong để mục đích của tuệ về Tứ diệu đế. Khi các hành giả thực hiện bước đột phá và thấy rõ về giáo lý Tứ diệu đế, nhưng nhiều vấn đề vẫn còn ở phía trước, đó là đối với mỗi chân lý cần áp đặt một nhiệm vụ phải được hoàn thành để giành chiến thắng trong trong sự chứng ngộ các quả vị tu tập. Cụ thể, sự thật về khổ đau, bao gồm năm uẩn, phải được hiểu đầy đủ. Sự thật về nguồn gốc của đau khổ, ái, cần phải đoạn trừ. Sự thật của sự đoạn diệt, Niết-bàn, phải được nhận ra. Và sự thật về con đường đưa đến đoạn tận khổ đau, Bát Chánh đạo, phải được tu tập.

Cần phải áp dụng thực tập con đường đưa đến cho hoàn thành tất cả bốn nhiệm vụ, lúc này vị Thánh đệ tử bắt đầu đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. Quá trình này bắt đầu bằng sự thâm nhập cùng Bốn Thánh đế và do đó Đức Phật nói rằng sự đoạn tận các lậu hoặc là dành cho những người biết và thấy rõ về Bốn Thánh đế<sup>17</sup>.

*“Với người biết, với người thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố các lậu hoặc được đoạn tận, không phải với người không biết, với người không thấy. Và do biết gì, do thấy gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận? Do biết, do thấy: ‘Đây là Khổ, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do biết, do thấy: ‘Đây là Khổ tập’... ‘Đây là Khổ diệt’... Do biết, do thấy: ‘Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt’, các lậu hoặc được đoạn tận”<sup>18</sup>.*

Như vậy, giống như một bác sĩ giỏi cố gắng khám phá ra căn bệnh nan y và đưa ra phương thuốc chữa trị, Đức Phật, vị bác sĩ tâm linh vĩ đại, đã cố gắng tìm ra nguyên nhân cuối cùng của khổ đau trên thế gian. Ngài đã tìm ra nguyên nhân gây đau khổ đó là vô minh và tham ái, từ đó dạy cho mọi người cần phải đoạn trừ chúng để chứng ngộ thánh trí giác ngộ. Vì vậy, giáo lý Tứ diệu đế với hai tầng nhân quả (thể và xuất thể) đã được so sánh với một sự phát hiện căn bệnh y khoa, chẩn đoán, chữa bệnh theo y học hiện đại. ■

#### **Ghi chú:**

1. *Kinh Trung bộ*, kinh Ví dụ dấu chân voi.
2. *Kinh Trường bộ*.  
3&4&5&6&7&8&11&12&16&17&18. *Kinh Tương ưng bộ*.
9. Bhikkhu Khantipālo, (trans.), *The Buddha's Last Bequest*, Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, 2008.
10. Harcharan Singh Sobti, *Nibbāna in Early Buddhism*, EBL, Delhi, 2011.
- 13&14. Tỷ-khuu Bodhi, *Những lời Phật dạy*, (Bình Anson dịch), Nxb Thanh Niên, 2016.
15. Bhikkhu Bodhi, *In the Buddha' Word, An Anthology of Discourses from the Pāli Canon*, Wisdom Publications, Boston, 2005.



Kỹ năng giao tiếp:

# Sợi chỉ vàng kết nối Tăng Ni - Phật tử

THÍCH KHÔNG TÚ

**T**ăng Ni và Phật tử là hai bộ phận không thể thiếu một trong Phật giáo, họ đều là đệ tử của Đức Như Lai, không thể lìa nhau mà phải nương tựa vào nhau để làm nên tăng cho sự trường tồn Phật pháp, vững mạnh Giáo hội.

Hai bộ phận đệ tử này có vai trò, vị trí khác nhau trong Phật giáo nhưng họ lại có mối quan hệ liên đới lẫn nhau.

Đức Thế Tôn dạy: *"Này các Tỳ-kheo, những người tại gia rất có ích cho các ông, như họ cung cấp cho các ông các vật cần thiết như y phục, thức ăn, chỗ ở và thuốc men. Và các ông, những Tỳ-kheo, thì rất hữu ích đối với người tại gia vì các ông dạy cho họ về Phật pháp đáng tôn kính ở phần đầu, đáng tôn kính ở phần giữa, và đáng tôn kính ở phần cuối cùng; vì các ông giải thích đời sống thánh thiện cả về những chi tiết và về cốt tủy, trọn vẹn đầy đủ, thanh tịnh cao thượng. Bằng cách này, đời sống thánh thiện được sống trong sự phụ thuộc lẫn nhau, cho mục đích vượt qua dòng nước, để làm chấm dứt khổ não"*<sup>1</sup>.

Trong bài kinh này, Đức Phật đã chỉ dạy rất rõ ràng về mối quan hệ tương hỗ giữa hai giới tại gia và xuất gia trong tiến trình cùng tu tập hướng đến quả vị giác ngộ, chấm dứt khổ đau.

Mối quan hệ tương hỗ này được thiết lập dựa trên cơ sở nào? Đó chính là hoạt động giao tiếp. Giao tiếp là cầu nối giữa Tăng Ni với Phật tử, thông qua giao tiếp mà cả

hai có cơ hội thực hiện đầy đủ vai trò, bổn phận và trách nhiệm của mình. Có một định nghĩa đơn giản, dễ hiểu về giao tiếp như sau: *Giao tiếp là quá trình tiếp xúc giữa con người với con người nhằm mục đích trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp*<sup>2</sup>. Theo định nghĩa này, mục tiêu của giao tiếp là tạo ra, duy trì và phát triển mối quan hệ kết nối giữa người với người trong xã hội. Nếu chúng ta có khả năng giao tiếp tốt, nhất định chúng ta sẽ tạo ra các mối quan hệ tốt và ngược lại. Tương tự như vậy, nếu hoạt động giao tiếp giữa Tăng Ni - Phật tử diễn ra tốt đẹp thì mối quan hệ này càng trở nên mở rộng, thâm thiết, bền vững, yêu quý nhau; ngược lại, nó khiến cho mối quan hệ ngày càng trở nên tồi tệ, khô khan, mâu thuẫn, thậm chí không còn.

Trong cuộc sống, chúng ta chứng kiến những sự việc này không phải ít. Có những vị Tăng Ni khi mới ra nhận chùa hay lập thất chỉ với hai bàn tay trắng, song, vì có đức độ, kỹ năng giao tiếp tốt, một thời gian sau Phật tử muôn phương tựu về hộ trì mà viên thành Phật sự to lớn không thể nghĩ lường. Cũng có những vị tu sĩ ban đầu được thừa tự đạo tràng lớn, Phật tử đông nhưng do vụng về trong giao tiếp, một thời gian ngắn ngôi chùa trở nên hiu quạnh. Dĩ nhiên, có nhiều nguyên nhân để giải thích nhưng không thể không kể đến vấn đề giao tiếp đóng vai trò quan trọng trong đó.

Cổ đức dạy: “*Phật pháp xương minh do Tăng Ni hoằng hóa, thiên môn hưng thịnh do đàn việt phát tâm*”. Ý nói, muốn Chánh pháp được lan rộng, muốn chúng sanh thừa hưởng vị để hổ của Phật pháp, chắc chắn phải nhờ đến sứ giả Như Lai là Tăng Ni hoằng truyền. Kế tục sự nghiệp của Phật để hoằng dương Chánh pháp được xem như nghĩa vụ chính, sứ mệnh thiêng liêng cao cả của Tăng Ni. Song, hoằng pháp thành công, ngoài tri thức Phật học, nhiệt tâm, đức độ... thì kỹ năng hoằng pháp, hay nói khác đi kỹ năng giao tiếp hiệu quả, khéo léo lại là vấn đề mấu chốt, chìa khóa của sự thành công.

Ngày nay, trong xã hội hiện đại, ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giao tiếp giữa Tăng Ni - Phật tử càng trở nên nhanh chóng và dễ dàng hơn xưa rất nhiều nhờ có Zalo, Facebook, Email, mạng xã hội, v.v... Nhưng có thật chúng ta đang giao tiếp tốt hơn? Mỗi người sẽ có câu trả lời cho riêng mình.

Trong Phật giáo, Tăng Ni với tư cách người trao truyền giáo lý, kinh nghiệm tu tập, khích lệ các Phật tử tinh tấn thực tập đúng pháp môn và là nơi nương tựa tinh thần cho Phật tử; còn Phật tử là người linh hội giáo lý, các pháp môn tu tập từ Tăng Ni để áp dụng vào việc chuyển hóa thân tâm, đồng thời là người cúng dường, hộ trì Tam bảo, hộ trì Tăng Ni trong sinh hoạt và các công tác Phật sự khác. Có thể nói, trong bất kỳ hoạt động chung nào giữa Tăng Ni - Phật tử thì giao tiếp vẫn là một đặc thù quan trọng, là sự tác động lẫn nhau nhằm trao đổi những thông tin, bàn bạc kế hoạch, lập nhiệm vụ, thực hiện hành động. Do đó, giao tiếp, một kỹ năng cần thiết cần được rèn luyện, liên quan đến sự thành công của bất kỳ Tăng Ni nào dù ở bất kỳ thời đại nào.

Với vai trò người thầy dạy đạo, điểm tựa tinh thần, đáng tôn kính, đáng cúng dường của Phật tử, để hoạt động giao tiếp đạt hiệu quả cao có rất nhiều vấn đề cần phân tích. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết dựa vào nền tảng Tâm lý học giao tiếp, chúng tôi muốn lưu ý đến một số phong cách và nguyên tắc giao tiếp cụ thể như sau:

Phong cách giao tiếp giữa Tăng Ni - Phật tử

Trong giao tiếp, có ba kiểu phong cách thường thấy ở Tăng Ni: phong cách độc đoán, phong cách tự do và phong cách dân chủ.

#### **Phong cách độc đoán**

Người có phong cách giao tiếp độc đoán thường để cao nguyên tắc, đòi hỏi ranh giới phải được tôn trọng. Họ thường hành động một cách cứng rắn, kiên quyết, đánh giá và ứng xử mang tính đơn phương, một chiều, cứng nhắc, xuất phát từ ý chí của mình, ít chú ý đến người khác, vì vậy không ít người ngại tiếp xúc với họ. Những Tăng Ni có phong cách này ít gây được thiện cảm, khó thiết lập mối quan hệ, khó chiếm được tình cảm của Phật tử.

Tuy nhiên, nếu rơi vào những hoàn cảnh phức tạp, khẩn cấp, đòi hỏi một con người quyết đoán, dám chịu trách nhiệm thì phong cách giao tiếp độc đoán thường

phát huy được tác dụng. Ví dụ: Khi tổ chức một chương trình Phật giáo, trong khâu triển khai kế hoạch không có sự thống nhất ý kiến chung, các Phật tử ai cũng muốn làm theo ý mình, thời gian diễn ra chương trình không còn nhiều. Khi đó, Tăng Ni sử dụng phong cách độc đoán để ra hiệu cho Phật tử không cần bàn luận mà làm theo sự chỉ đạo của mình là hợp lý, tránh lãng phí thời gian, ảnh hưởng tiến độ chương trình.

*Ưu điểm:*

- Có tác dụng đưa ra những quan điểm nhất thời.
- Giải quyết được vấn đề nhanh chóng.

*Nhược điểm:*

- Làm mất đi sự tự do dân chủ trong giao tiếp.
- Kiểm chế tính tích cực, chủ động, sự đóng góp sáng kiến của Phật tử.
- Giảm tính giáo dục và thuyết phục.

#### **Phong cách tự do**

Tự do ở đây là thể hiện tính linh hoạt quá mức trong giao tiếp của Tăng Ni. Họ để cho giao tiếp tự phát, dễ thay đổi mục đích, không làm chủ được diễn biến tâm lý của mình và “chiều” theo Phật tử. Phong cách này dễ dàng thiết lập các mối quan hệ nhưng cũng dễ mất đi do không sâu sắc, thiếu lập trường, thế nào cũng được, dễ thay đổi theo hoàn cảnh.

Ví dụ: Ban đầu Tăng Ni lên chương trình tụng kinh *Địa Tạng* trong mùa Vu-lan, một số Phật tử thấy vậy góp ý nên tụng kinh *Vu-lan* sẽ phù hợp hơn, vị Tăng Ni đó liền thay đổi chương trình. Vài hôm sau, một số Phật tử khác bày tỏ nguyện vọng muốn tụng kinh *Từ bi thủy sám*, vị Tăng Ni đó cũng nghe theo, lại thay đổi chương trình. Nghĩa là vị Tăng Ni đó vì quá chiều ý Phật tử mà thay đổi chương trình liên tục.

*Ưu điểm:*

- Phật tử cảm thấy thoải mái, được tôn trọng.
- Phát huy tính tích cực đóng góp ý kiến của Phật tử.

*Nhược điểm:*

- Dễ bị Phật tử coi thường.
- Dễ bị đánh giá thiếu lập trường và thiếu nghiêm túc.
- Thường hay phụ thuộc hoặc dễ phát sinh tự do quá trớn ở Phật tử.

#### **Phong cách dân chủ**

Phong cách này thể hiện lòng nhiệt tình, thiện chí, sự tôn trọng và tính cởi mở. Những Tăng Ni có phong cách dân chủ trong giao tiếp thường lắng nghe, quan tâm giúp đỡ Phật tử khi cần thiết nên dễ dàng thiết lập mối quan hệ tốt với họ.

Ví dụ: Chùa sắp tổ chức một buổi từ thiện cứu trợ thiên tai, Tăng Ni có thể đưa vấn đề ra trước Phật tử và lấy ý kiến từ họ. Từ những góp ý của Phật tử, Tăng Ni thống nhất ý kiến chung, lập kế hoạch và thực hiện.

*Ưu điểm:*

- Làm tăng khả năng đóng góp ý kiến/sáng kiến của Phật tử.
- Giúp mọi người thân thiện, gần gũi và hiểu nhau hơn.



Nguồn: laodong.vn

- Được nhiều Phật tử yêu mến, kính trọng và tin tưởng.  
*Nhuộc điểm:*

- Dân chủ quá có thể làm xa rời các lợi ích của tập thể hay dẫn đến tình trạng “cá mè một lứa”, xuê xoa.

Cách tốt nhất trong giao tiếp là phải dựa trên cơ sở sự cuốn hút Phật tử vào hoạt động có chủ đích của Tăng Ni. Ba loại phong cách trên đều có những mặt mạnh và mặt yếu của nó. Không có loại nào tối ưu cho mọi trường hợp. Chúng ta phải biết kết hợp cả ba loại phong cách giao tiếp và tùy thuộc vào tình huống cụ thể mà lựa chọn phong cách giao tiếp tối ưu. Ví dụ: Đối với phong cách dân chủ, Tăng Ni nên sử dụng nó thường xuyên nhưng không nên quá lạm dụng. Đối với phong cách độc đoán, cần hạn chế sử dụng, sử dụng đúng lúc đúng nơi và phù hợp với từng đối tượng Phật tử, tránh tạo ác cảm với Phật tử. Đối với phong cách tự do, sử dụng ở các cuộc họp, bàn bạc chung hoặc một vấn đề chung cần sự quyết định của số đông nhưng phải có thái độ đúng mực.

### **Những nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp giữa Tăng Ni-Phật tử**

#### *Nguyên tắc đảm bảo tính mô phạm trong giao tiếp*

Tăng Ni hàng ngày tiếp xúc với Phật tử, mọi lời nói, hành vi, cử chỉ dù có chủ định hay vô tình đều có thể tác động vào nhận thức của Phật tử. Đóng vai bậc thầy khả kính nên họ như tấm gương để hàng ngày Phật tử noi theo tu sửa thân tâm. Do đó, để lãnh đạo, giáo hóa được tín đồ, nhân cách của tu sĩ phải là một nhân cách mẫu mực. Trong thời đại mới, Tăng Ni có thể sống với tinh thần nhập thế, hòa đồng với xã hội để đưa đạo vào đời. Nhưng hòa đồng không có nghĩa là “hòa tan”, bị cuộc đời đồng hóa. *Ví dụ:* Trong giao tiếp mang tính chất công việc, dù cuộc đối thoại có thoải mái đến mức độ nào đi chăng nữa, thì Tăng Ni vẫn phải giữ những nguyên tắc thầy ra thầy, trò ra trò chứ không phải “cá mè một lứa”.

Tóm lại, Tăng Ni cần phải đảm bảo tính mô phạm trong giao tiếp. Tính mô phạm được thể hiện qua lời nói, hành vi, cử chỉ, trang phục... như sau:

- Nghiêm trang gìn giữ bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Nên: “*Đi nhẹ như gió, ngồi vững như chuông, đứng thẳng như cây thông, nằm như cung tên*”.

- Nói năng phải mạch lạc, rõ ràng, khúc chiết, cử chỉ phải đĩnh đạc, đàng hoàng, tự tin. Thái độ và những biểu hiện của thái độ phải phù hợp với các phản ứng hành vi.

- Tế nhị, lịch thiệp trong giao tiếp là một nhân tố quan trọng cho sự thành công trong quá trình giáo hóa, vận động, sửa lỗi, khuyến bảo Phật tử.

- Cần có sự thống nhất giữa lời nói và hành động. Tránh mâu thuẫn, không ăn khớp giữa lời nói với việc làm, điều đó sẽ làm ảnh hưởng tới uy tín tu sĩ, Tăng đoàn cũng như nhân cách của Phật tử vì họ học theo.

- Màu áo “giải thoát” xuất hiện những nơi không nên xuất hiện là điều không nên, cần lưu ý.

#### *Nguyên tắc tôn trọng nhân cách, nhân phẩm Phật tử*

Trong YouTube có những đoạn clip được quay lại cảnh những người giả dạng Tăng Ni rồi chửi thề này nọ, thậm chí ẩu đả nơi công cộng, chì chiết tín đồ... Mặc dù họ không phải Tăng Ni nhưng xem các bình luận phía dưới chúng ta thấy sự lên án dư luận thật khủng khiếp. Qua đó cho thấy những ứng xử thiếu chuẩn mực với Phật tử chẳng những không có tác dụng cảm hóa họ mà còn ngược lại. Dù hoàn cảnh nào, dù thân thiết đến đâu trong giao tiếp vẫn phải duy trì lời nói tế nhị đẹp lòng để giữ mãi duyên lành với nhau, tránh nhục mạ làm tổn thương nhân cách Phật tử.

Tôn trọng nhân cách, nhân phẩm Phật tử trước hết phải coi Phật tử là một con người có khả năng tạo ra đời sống vật chất, tinh thần đem lại an lạc, hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội mà không lệ thuộc vào bất kỳ lực lượng thần linh nào. Thứ đến xem họ là một đệ tử Phật có khả năng giác ngộ tức chuyển hóa những hành động xấu ác trở thành những hành động thiện lành, tốt đẹp, có lợi ích cho mình cho người trong hiện tại cũng như tương lai. Từ việc tôn trọng đó hãy tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn Phật tử bộc lộ thái độ, nhu cầu, nguyện vọng, những nét tính cách riêng của họ, khiến họ rời khổ, an vui, thăng tiến tâm linh.

#### *Tôn trọng Phật tử được thể hiện:*

- Không nên áp đặt, ép buộc Phật tử phải tuân theo ý mình một cách máy móc.

- Lắng nghe ý kiến, tôn trọng sự diễn đạt bằng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ, không nên tỏ thái độ phản đối gay gắt khiến Phật tử sợ hãi không dám bày tỏ hết nguyện vọng của mình.

- Khi tiếp chuyện Phật tử cần chú ý giọng điệu, cách phát âm, việc sử dụng từ sao cho đảm bảo tính văn hoá. Khi góp ý, dạy bảo Phật tử không nên sử dụng ngôn ngữ xúc phạm đến danh dự, tổn thương đến nhân phẩm của họ, nhất là ở nơi đông người.

Tuy nhiên cần lưu ý: Tôn trọng Phật tử đồng thời phải yêu cầu hợp lý đối với họ. Tránh tình trạng để Phật tử lấn lướt, kiêu căng hay quá nuông chiều, dễ dãi đối với họ.

### *Nguyên tắc có thiện chí trong giao tiếp*

Có thiện chí trong giao tiếp là luôn nghĩ tốt, tạo điều kiện thuận lợi, luôn tin tưởng, không định kiến, chê bai Phật tử, cùng họ giải quyết các nan đề, nỗi khổ niềm đau trong cuộc sống nhân sinh để hướng đến sự an lạc. Đặc biệt, coi trọng tính “hướng thiện - hành thiện” của họ.

Đức Phật đã dạy bốn phương pháp cảm hóa lòng người gọi là Tứ nhiếp pháp, gồm: bố thí - ái ngữ - lợi hành - đồng sự. Đây chính là bí quyết tuyệt vời nếu khéo léo áp dụng sẽ tạo ra sự thiện chí trong giao tiếp.

Thật đáng tiếc nếu xảy ra những bất hòa, mâu thuẫn, hiểu nhầm lẫn nhau trong mối quan hệ với Phật tử. Khi ấy, Tăng Ni hãy thử đặt mình vào vị trí người khác để tìm hiểu nguyên nhân, tìm ra cách thức giải quyết tốt nhất, đôi khi có thể phải nhờ đến sự hỗ trợ từ một đối tượng thứ ba mới có thể giải hòa. Tăng Ni cần luôn luôn đối đãi người trên cơ sở tình thương; thật không hay khi buông lời mắng nhiếc hay nói xấu người đó với những Phật tử khác. Kinh *Pháp cú* số 230-232, Đức Phật khuyên chúng ta nên kiểm soát lời nói, tránh những lời nói tức giận<sup>3</sup>. Thực hành như vậy sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi trong việc hóa giải những mâu thuẫn bất hòa đáng tiếc xảy ra.

Ngoài ra, nếu vị Tăng Ni nào đã có đạo tràng lớn mạnh, Phật tử đông đảo, được nhiều người yêu mến rồi thì đạo lực cũng phải lớn theo, tâm từ bi, hỷ xả rộng mở hơn như đại dương mênh mông mà dung chứa, trân trọng, biết ơn tất cả sự yêu mến của mọi người, đừng xem thường hay bỏ sót một tín đồ nào có cơ duyên đến với mình.

### *Nguyên tắc đồng cảm trong giao tiếp*

Đồng cảm trong giao tiếp có nghĩa là Tăng Ni phải biết đặt mình vào vị trí của Phật tử. Hay nói cách khác, Tăng Ni phải biết vui với niềm vui của Phật tử và buồn với nỗi buồn của họ.

Đạo Phật là đạo từ bi, ban vui cứu khổ nên đồng cảm sẽ tạo ra sự gần gũi, thân mật, nảy sinh mối quan hệ tốt đẹp, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Một trong những lợi ích quan trọng nhất của sự đồng cảm chính là cải thiện mối quan hệ, giảm bớt sự hung hãn, tư duy thiện tâm nhân ái và nói năng nhẹ nhàng hơn. Do đó, đồng cảm là cơ sở hình thành ở tu sĩ tấm lòng nhân hậu, độ lượng, khoan dung. Từ đó có cách hành xử nhân văn không cứng nhắc.

“*Cửa cho không bằng cách cho*”, đồng cảm trong giao tiếp thể hiện ở chỗ trong giao tiếp không nên gây căng thẳng trong tâm trí của Phật tử. Nếu phải nghe họ tâm sự, hãy cố gắng khuyến khích để họ nói cho hết câu chuyện, luôn tạo một cảm giác an toàn, dễ chịu trong suốt quá trình giao tiếp. Theo Đức Đạt-lai Lạt-ma, tình yêu, sự đồng cảm và lòng từ bi là điều cần thiết chứ không phải một thứ xa xỉ. Nếu không có những điều đó, nhân loại không thể tồn tại.

Muốn có được sự đồng cảm cao, Tăng Ni nên quan tâm, tìm hiểu, nắm vững hoàn cảnh gia đình từng Phật tử để dễ dàng thông cảm với họ, nắm được đặc điểm tâm lý của họ... Có như vậy mình mới mỉm cười thân mật mỗi khi tiếp xúc và có cách ứng xử cho phù hợp nhằm giúp họ vượt qua nỗi khổ niềm đau. Ví dụ: Có Phật tử nghèo ham tu, ham công quả nên được vị Tăng Ni đó rất quý mến; thế là đi đâu, gặp ai, lên đạo tràng nào vị ấy cũng đều giới thiệu về hoàn cảnh nghèo và tinh thần tu học của Phật tử ấy cho mọi người học theo. Vô tình khiến Phật tử ấy thấy tự ty về hoàn cảnh của mình và ái ngại khi tiếp xúc với các đạo hữu khác. Vì thế mặc dù quý mến nhưng cần cân nhắc ở chỗ nên nói vào lúc nào và nói như thế nào để không tổn thương người khác.

Nhìn chung, có nhiều nguyên tắc trong giao tiếp giữa Tăng Ni và Phật tử, giữa các nguyên tắc có sự thống nhất với nhau. Những nguyên tắc này nhằm hoàn thiện nhân cách người thầy và cũng góp phần làm thỏa mãn tinh thần người “học trò”. Dựa vào tình huống, hoàn cảnh, đối tượng giao tiếp khác nhau mà Tăng Ni có thể áp dụng nguyên tắc phù hợp để thành công. Thiết nghĩ, qua giao tiếp với Tăng Ni như vậy, Phật tử sẽ cảm nhận thật bình yên khi họ vẫn là họ. Cả xã hội đều chấp nhận quý Tăng Ni ở chùa thật tốt, thật thiện!

Muốn trở thành một nhà hoằng pháp khéo léo, tinh tế trong ứng xử, thành công trong nhiếp chúng; Tăng Ni cần phải có hiểu biết về các phong cách và các nguyên tắc giao tiếp cần thiết. Việc vận dụng hiệu quả các phong cách, nguyên tắc cơ bản nói trên trong sinh hoạt Phật giáo là nghệ thuật riêng của mỗi Tăng Ni, đòi hỏi phải có sự chiêm nghiệm, học hỏi, thực tập.

Thành ngữ Việt Nam có câu: “*thầy hay, trò giỏi*” chính là chỉ sự giống nhau mang tính kế thừa giữa thế hệ trước và thế hệ sau, giữa bề trên và bên dưới, hay quan hệ nhân quả - tác động qua lại trong các mối quan hệ xã hội, và cũng chính là những kinh nghiệm sống được đúc kết qua nhiều thế hệ. Cho nên, dù muốn hay không, hình ảnh Tăng Ni luôn luôn là tấm gương cho Phật tử soi vào. Tăng Ni giao tiếp khéo léo sẽ tạo động lực cho Phật tử giao tiếp tốt hơn, hoàn thiện bản thân mình hơn. Ngược lại, Tăng Ni giao tiếp vụng về, các Phật tử cũng sẽ tiếp thu điều đó, họ cũng sẽ trượt dốc. Vì thế, hoàn thiện, nâng cao năng lực giao tiếp sao cho hiệu quả hơn trong môi trường Phật giáo là việc không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng ở cả Tăng Ni lẫn Phật tử. ■

### **Chú thích:**

1. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2015), *Kinh Tiểu bộ tập 1*, kinh *Phật thuyết như vậy*, Nxb Tôn Giáo, tr.315.
2. Nguyễn Quang Uẩn chủ biên (2008), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại Học Sư Phạm Hà Nội.
3. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2015), *Kinh Tiểu bộ tập 1*, kinh *Pháp cú*, Nxb Tôn Giáo, tr.75.



# Đạo Phật dẫn thân là gì?

TRINH ĐÌNH HỖ

## 1. Định nghĩa của “đạo Phật dẫn thân”

Đầu tiên, chúng ta phải nhận định ngay rằng thật ra không có đạo Phật dẫn thân, mà chỉ có người Phật tử dẫn thân. Đạo Phật là một khái niệm trừu tượng, trong khi đó người Phật tử (đi theo đạo Phật như một triết lý hay một tôn giáo) mới thực sự là chủ thể của sự dẫn thân.

Như vậy, dẫn thân là gì? Dẫn thân tiếng Pháp là *s’engager*. Đạo Phật dẫn thân là “*Bouddhisme engagé*”, tiếng Anh là “*engaged buddhism*”.

Dẫn thân, *s’engager* bao hàm ý nghĩa đi tới (với préfixe *en*), một cách tự nguyện, để hành động theo một mục đích, một chủ trương nhất định.

Trong đời sống xã hội, có vô số thí dụ dẫn thân, chẳng hạn như cưới hỏi, nhận con nuôi, nhập ngũ tự nguyện, đăng ký học, gia nhập hội, mua nợ, làm việc từ thiện, đi tu, v.v. tất cả có thể được xem như là những hành động dẫn thân.

Một từ khác thường được dùng trong đạo Phật là nhập thế: nhập thế tức là đi vào cuộc đời, ngược lại với xuất thế, tức là đi ra ngoài cuộc đời.

Tuy nhiên, khái niệm này có vẻ rộng và mơ hồ hơn. Khi thái tử Siddharta rời bỏ gia đình và cung điện để đi vào rừng sâu tìm chân lý, hành động của Ngài là một hành động xuất gia (rời bỏ gia đình) hay xuất thế (rời bỏ thế gian). Sau khi giác ngộ thành Phật rồi, Ngài trở về giảng dạy giáo lý của Ngài cho mọi người, đó là một hành động nhập thế (đi vào thế gian). Đối với

Phật giáo Đại thừa, đạo Phật không cần nhập thế bởi vì nó chưa bao giờ rời khỏi thế gian, cũng như câu “Phật pháp bất ly thế gian giác” (không thể tuệ giác được ngoài thế gian).

Do đó, từ dẫn thân có lẽ nên dùng hơn là nhập thế, bởi vì nó rõ ràng và ít gây tranh cãi hơn.

## 2. Dẫn thân “xưa” và “nay”.

### Những lãnh vực và hình thái của sự dẫn thân

Dẫn thân là một khái niệm mới, xuất hiện từ thập niên 1960, nhưng hiểu một cách khác cũng là một khái niệm cũ.

- Đầu tiên là sự dẫn thân cá nhân.

Tất cả những ai xin làm đệ tử của Đức Phật, nguyện theo Tam quy, Ngũ giới, đều là những người dẫn thân. Dẫn thân theo nghĩa bước tới, tự nguyện đi theo con đường giải thoát vạch ra bởi Đức Phật. Từ những đệ tử đầu tiên của Đức Phật cho đến chúng ta ngày hôm nay, đặc biệt là các vị xuất gia, đều là những người dẫn thân.

- Sau đó là sự dẫn thân cho đoàn thể, cho Tam bảo.

Sự phát triển, truyền bá đạo Phật trên thế giới, qua bao nhiêu thế kỷ, gặp bao nhiêu nền văn hóa, cũng trải qua nhiều khó khăn, va chạm và đòi hỏi ở các thế hệ Phật tử nhiều cố gắng dẫn thân, hy sinh, vất vả.

Và mỗi khi Phật giáo bị Pháp nạn, lâm nguy hay bị đàn áp, ở mọi nơi và trong mọi thời đại, thì các Phật tử cũng bắt buộc phải dẫn thân để bảo vệ nó. Dẫn thân ở đây có nghĩa là đứng lên tranh đấu cho sự sống còn



của đạo Phật, bằng những phương tiện ôn hòa, bất bạo động.

- Dẫn thân cũng có mục đích là chấn hưng, cải cách đạo Phật.

Ngay từ khoảng một hai trăm năm sau khi Đức Phật diệt độ tại Ấn Độ, đã có một sự tranh chấp nảy ra giữa hai phe bảo thủ và cấp tiến, đưa tới sự xuất hiện của Đại chúng bộ rồi Đại thừa, phân chia đạo Phật ra làm nhiều trường phái khác nhau. Sự dẫn thân của các thế hệ Phật tử đó vừa đứng ở bên phía những nhà cấp tiến, tác giả của các kinh Đại thừa, vừa đứng ở bên phía những người bảo vệ giáo lý ban đầu của Đức Phật. Nhờ đó, đạo Phật mới giữ được tính chất nguyên thủy, đồng thời trở thành phong phú, đa dạng như ngày hôm nay.

Vào tiền bán thế kỷ XX, bắt đầu xuất hiện một số phong trào canh tân đạo Phật:

- Phong trào tranh đấu cho bình đẳng xã hội của ông Bhimrao Ambedkar tại Ấn Độ, chống lại sự kỳ thị tầng lớp “không được chạm tới” (intouchable hay dalit), dẫn tới sự cải đạo hàng triệu người dalits theo đạo Phật và khơi dậy đạo Phật nơi đây.

- Phong trào chấn hưng đạo Phật, khởi xướng tại Trung Hoa bởi Thái Hư đại sư, nhằm cách mạng “giáo lý, giáo chế và giáo sản”, và tại Việt Nam, bởi Sư Thiện Chiếu, và các cư sĩ Lê Đình Thám và Thiều Chửu.

- Sự dẫn thân trong xã hội ngày hôm nay

Từ hậu bán thế kỷ XX, do sự gia tăng chiến tranh và những biến đổi chính trị, xã hội, môi trường, cùng với sự toàn cầu hóa, đã có một dạng dẫn thân mới xuất hiện, với những nhân vật nổi tiếng như Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14, Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Trưởng lão Maha Ghosananda, ông Sulak Sivaraksa, Thiền sư Bernard Glassman...

Phong trào dẫn thân này còn được gọi là đạo Phật dẫn thân trong xã hội (Bouddhisme socialement engagé), đưa tới sự thành lập của những hội đoàn quốc tế, như “Ái hữu Phật tử cho Hòa bình” tại Mỹ, và “Mạng Quốc tế Phật tử Dẫn thân” tại Á châu.

Nói chung, sự dẫn thân trong xã hội này gặp nhau ở một số mục đích chung:

- Vận động cho hòa bình, kêu gọi ngừng chiến;

- Chủ trương đối thoại và cảm thông giữa những con người, thuộc quốc gia, dân tộc, truyền thống, tôn giáo khác nhau.

- Tranh đấu cho sự bình đẳng giữa các dân tộc, giới tính, tầng lớp xã hội, cho tự do, nhân quyền.

- Chủ trương bảo vệ, gìn giữ môi trường.

- Xiển dương những giá trị đạo đức, tâm linh; và tất cả mọi hành động đều theo tinh thần bất bạo động.

Dĩ nhiên, tùy theo mỗi cá nhân và thời cuộc, các nhân vật Phật tử dẫn thân trong xã hội này sẽ đặc biệt đặt trọng tâm vào một khía cạnh này hơn một khía cạnh khác.

Có người chủ yếu hoạt động cứu trợ xã hội; có người hoạt động chính trị, lập đảng phái và tham gia vào chính phủ; có người chỉ gây ảnh hưởng lên chính trị, xã hội, bằng lời phát biểu hoặc tác phẩm của mình; có người chỉ đóng vai trò lãnh đạo tâm linh, mặc dầu có những hành động cụ thể, như hướng dẫn những chuyến đi bộ cho hòa bình.

Tuy họ nhận được nhiều sự ủng hộ từ mọi nơi, nhưng cũng có một số chỉ trích đã được đưa ra, cho rằng mục đích đấu tranh của họ, lý do dẫn thân của họ, chỉ là một điều không tưởng (utopie), vì không bao giờ đạt được. Bằng chứng là chiến tranh, khủng bố, đàn áp, bất công, ô nhiễm vẫn không ngừng gia tăng...

Dĩ nhiên, càng hy vọng nhiều, thì lại càng có thể thất vọng nhiều. Và kỳ vọng ở con người có thể là một điều không tưởng. Tuy nhiên, người Phật tử dẫn thân không lấy kết quả làm điều kiện cho cuộc tranh đấu của họ. Họ thanh thân vững tiến trên con đường vạch ra bởi Đức Phật.

Và vì có nhiều lãnh vực, hình thái của sự dẫn thân, cho nên ai cũng có thể dẫn thân được bằng những hành động nhỏ bé hàng ngày, đóng góp vào công trình xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. ■



Tu viện Abhayagiri ở California

# Quốc vương Thái Lan tôn vinh các nhà sư phương Tây

CAO HUY HÓA

**N**hư một sự đánh dấu đặc biệt trong dịp lễ sinh nhật thứ 67 của Quốc vương Thái Lan, ngày 28/7/2019, Hoàng gia Thái đã tổ chức một buổi lễ trang trọng và tráng lệ để vị quốc vương mới trị vì Vajirusongkorn (tức vua Rama X, chính thức đăng quang ngày 4/5/2019) tôn vinh các vị sư phương Tây theo Phật giáo Theravada, do công phu tu hành miên mật và sự nghiệp hoằng dương Phật pháp với pháp tu mình sở đắc đến nhiều nơi trên thế giới, nhất là ở Mỹ, Anh và các nước phương Tây.

Đó là các thiền sư:

- *Ajahn Sumedho*, người Mỹ, sinh năm 1934, Tu viện trưởng (đã nghỉ) của Amaravati Buddhist Monastery ở miền Đông Nam nước Anh (Sư không thể tham dự lễ này).

- *Ajahn Amaro*, người Anh, sinh năm 1956, Tu viện trưởng hiện nay của Amaravati Buddhist Monastery.

- *Ajahn Jayasaro*, người Anh, sinh năm 1958, tác giả viết nhiều sách, và giảng sư, hiện tu trong một tịnh thất gần núi Khao Yai, cách Bangkok khoảng hai giờ đi xe.

- *Ajahn Pasanno*, người Canada, sinh năm 1949, nguyên Tu viện trưởng và trưởng lão hướng dẫn của tu viện Abhayagiri Buddhist Monastery tại Thung lũng Redwood, California.

Các thiền sư này nguyên là những đệ tử xuất chúng của Thiền sư Ajahn Chah (1918-1992), với pháp tu thiền trong rừng nổi tiếng. Ajahn Chah sinh trưởng trong một gia đình khá giả tại miền Đông Bắc Thái Lan. Sư xuất gia rất sớm và thọ giới Tỳ-kheo năm 20 tuổi. Sư theo học nhiều thầy, trong đó vị thầy Thái Lan được biết đến nhiều là Ajahn Mun. Sau nhiều năm di chuyển trong rừng, tu theo pháp khổ hạnh, sư trở về vùng gần nơi sinh trưởng và sống tại một khu rừng rậm, không có người ở, chỉ có nhiều hổ, rắn. Nhưng sau một thời gian, nhiều người biết và xin thụ huấn nên thảo am lớn dần, trở thành chùa Wat Pah Pong, gồm nhiều nhà nhỏ rải rác quanh chùa.

Sau đó tại Thái Lan hàng trăm chùa theo pháp thiền của Sư Ajahn Chah đã được hình thành do các đệ tử của Sư tạo lập. Sư đã đi thuyết pháp tại Anh, Mỹ và Canada. Một số rất đông người phương Tây đã đến Wat Pah Pong thọ giáo và nhiều người đã thọ Tỳ-kheo, trở về nước tiếp tục truyền bá Phật pháp.

Những nhà sư nói trên đã được Quốc vương Thái Lan trao tặng danh hiệu *Chao Khun*, theo đề nghị của các giới chức có thẩm quyền của Tăng-già Thái Lan, nhằm tôn vinh quá khứ tu tập và hành đạo của những vị này. Tặng vật được trao gồm một tấm bằng danh hiệu, một xấp vải vàng đậm để đắp y, và một cái quạt nghi lễ khá



lớn màu vàng có hoa văn rất đẹp, hình chiếc lá bồ-đề, có tay cầm dài.

Các nhà sư tu theo truyền thống này trong lịch sử trăm năm đã coi thường địa vị xã hội và quyền lực hệ thống, họ chỉ chú tâm vào tu thiền trong rừng và hang động xa xôi, như Đức Phật và các đệ tử của ngài đã từng làm. Tuy thế, bất chấp cách sống và tu ẩn dật, truyền thống tu trong rừng Thái Lan đã có một tác động to lớn kể từ khi bắt đầu chuyển vào thế kỷ XX. Sự cố gắng của trường phái này cho thiền định, sự cam kết buông bỏ và không chú trọng vào nghi lễ đã thu hút rất nhiều người theo đạo Phật ở phương Tây, và những vị này đã góp phần cùng các vị Tỷ-kheo đồng môn bản xứ thành lập hàng trăm tu viện trong rừng Thái.

Đây là buổi lễ vinh danh đặc biệt trên thế giới, dành cho những người tu hành xa lánh thế tục, nguyên từ những nơi xa xôi đến tu ở Thái Lan, có lẽ chỉ xảy ra ở một nước quân chủ lập hiến, và xem Phật giáo là quốc giáo. Phóng viên tạp chí Phật giáo *Tricycle* đã phỏng vấn một trong bốn vị, Thiền sư Ajahn Pasanno, về sự vinh danh đặc biệt này. Xin trích dịch một phần của cuộc phỏng vấn đó.

### **Là một người được đào tạo ở Thái Lan và hiện đang giảng pháp tại Mỹ, danh hiệu này có ý nghĩa gì đối với sư?**

Danh hiệu này giúp tạo được cầu nối giữa hai nền văn hóa khác nhau.

Tôi hy vọng rằng việc thừa nhận theo cách này sẽ cho phép tôi đưa ra một ví dụ, qua đó, sự hiện diện của truyền thống tu trong rừng Thái ở phương Tây không còn được xem như một chuyện kỳ quặc hoặc như là của một người bên lề xã hội. Đó là một sự thừa nhận rằng từ một nền tảng khác, các địa điểm tu tập Phật giáo ở phương Tây vẫn đáng giá và vẫn có người đến quyết chí tu cho được.

Thái Lan là một phần của thế giới hiện đại. Khi nước này được hiện đại hóa và chịu ảnh hưởng của cộng đồng quốc tế, các cấu trúc truyền thống và tổ chức tôn giáo đang mất dần sự thích hợp với hiện đại. Sự kiện này thu hút sự chú ý về ý nghĩa của truyền thống tu-trong-rừng-Thái-Lan ở phương Tây, và điều đó cũng có ý nghĩa đối với Thái Lan. Ngay cả truyền thống tu này cũng không phải là xu hướng chính ở Thái Lan. Nhiều người tu tập phương Tây không tu theo truyền thống này.

### **Mối quan hệ giữa hoàng gia Thái Lan và truyền thống tu trong rừng Thái Lan là gì?**

Những danh hiệu này từ nhà vua thường chỉ được trao cho các nhà sư trong các lĩnh vực quản trị và giáo dục kinh viện. Có một chút gì đó hiếm hoi khi các nhà

sư tu trong rừng Thái Lan được sự thừa nhận này bởi vì chúng tôi cố gắng đứng ngoài cái vòng lặp công danh và chỉ tập trung vào tu tập. Một trong những nguyên lý lâu đời của truyền thống này là cố gắng tạo khoảng cách với các cấu trúc quyền lực để chúng tôi có thể giúp ích nhiều hơn cho tu tập và giảng dạy.

### **Sư muốn nói rằng sự hỗ trợ của nhà nước cho một tôn giáo có thể là con dao hai lưỡi?**

Nó có một cái gì đó mà chúng ta phải rất ý thức. Nếu bạn quá gắn với các cấu trúc quyền lực, thì bạn rất dễ bị lôi kéo, nhưng nếu bạn có chỗ đứng nào đó, nó có thể cho bạn cơ hội để tác động đến các cấu trúc đó. Có một chút điều nhạy đang diễn ra, và bạn không bao giờ chắc chắn về các bước.



Sư Ajahn Pasanno

### **Sư là tu viện trưởng của Abhayagiri Monastery ở California cho đến khi sư lùi lại gần đây để có thêm thời gian tu tập. Điều đó có vẻ rất phù hợp với lịch sử truyền thống tu trong rừng Thái Lan: rút lui khỏi xã hội để tu tập.**

Là một nhà sư Phật giáo, và đặc biệt là một nhà sư ở phương Tây, tôi không chỉ liên quan đến những gì tôi nói. Điều đó là quan trọng để cho tôi được là một hình mẫu vững vàng và kiên định cho những gì là hòa bình và từ bi. Đây là năm thứ 46 tôi làm một nhà sư. Đầu tiên, tôi ở đây để tu tập. Nhưng tôi cũng ở đây như là một ví dụ, tôi khuyến khích và hỗ trợ cho cả cộng đồng tu sĩ và cư sĩ.

### **Sư hy vọng gì về truyền thống tu trong rừng Thái Lan khi nó tiếp tục phát triển ở phương Tây?**

Phật giáo ở phương Tây vẫn còn rất mới. Tôi nghĩ rằng thật là rất hữu ích để có được một toàn cảnh đầy đủ hơn về đạo Phật như một truyền thống, một tôn giáo và một phần của văn hóa và lịch sử, như Phật giáo ở Thái Lan. Nhìn vào Phật giáo truyền thống ở một đất nước khác là hữu ích để mở rộng quan điểm của chúng tôi và có hình mẫu về những gì là hữu ích và giúp ích. Nhưng nó cũng quan trọng để hiểu những gì không giúp ích và không hữu ích khi mang vào phương Tây. Chúng ta cần nhớ những khác biệt giữa về bên ngoài văn hóa Phật giáo ở một đất nước và giáo pháp căn bản của Đức Phật. ■

### **Tài liệu sử dụng:**

- Interview with Ajahn Pasanno by Cara Dibdin, Thai King Bestows High Honor on Western Buddhists, *Tricycle*, August 14, 2019.

- *Wikipedia* và các trang mạng liên quan đến chủ đề.



# Jataka

## Phương thức thuyết pháp hiệu quả

THÍCH NỮ TRUNG MẪN

**N**ếu Trường bộ, Trung bộ, Tương ưng bộ và Tăng chi bộ là hệ thống tư tưởng chủ đạo của Phật giáo thì Jataka lại là nền tảng chủ lực phát huy lý tưởng Bồ-tát và tinh thần Ba-la-mật cho hệ phái Phật giáo phát triển về sau. Thể thức dẫn tuy khác nhau, nhưng tất cả cùng chung tính chất là phương thức thuyết pháp của Phật giáo.

Ở bốn bộ kinh đầu, hệ thống tư tưởng lẫn triết lý phần lớn được Đức Phật tuyên thuyết với hai chủ đích: phê phán một số quan điểm của hệ thống Bà-la-môn giáo và giáo huấn chúng đệ tử xuất gia tu tập đạt đến quả vị. Nhiều thuật ngữ mang tính chất tôn giáo và hệ tư tưởng được triển khai sâu rộng với tinh thần rất ráo; do vậy, đối tượng có phần giới hạn. Tuy nhiên, không nên hiểu lầm về sự hạn lượng thành phần tiếp cận của các bộ kinh này như hệ thống kinh điển Veda, chỉ những người có thân phận cao quý mới được tiếp cận. Kinh điển Phật giáo không mang tinh thần đó, nhưng vì giai đoạn đầu mới thành lập, Đức Phật chú trọng đến sự thực hành chứ không xây dựng một tôn giáo với hệ thống triết lý suông, e rằng quá cao xa về nghĩa lý đối với phần đông tín chúng; ngược lại, chế độ đẳng cấp của Bà-la-môn góp phần hạn chế rất nhiều về trình độ dân trí. Jataka hình thành khi Phật giáo đã có được chỗ đứng; đồng thời, trong nội bộ cũng bắt đầu phát sinh những tư tưởng phát triển. Một trong những tư tưởng đó là đưa đạo đi vào nhân gian, nhưng để có được sự tiếp nhận thì phương thức thuyết pháp cần có những thay đổi thích hợp. Và Jataka chính là hình thức tiên

phong hỗ trợ tích cực cho công cuộc hồng truyền giáo pháp đi vào nhân gian.

Lưu Đức Trung đã nhận định: “Sau khi ra đời, đạo Phật đã thấy tác dụng mạnh mẽ của Jataka trong quần chúng cho nên lấy đó làm công cụ truyền bá đạo lý”. E rằng nhận định này chưa chuẩn xác. Lý do là hình thức Jataka ngay từ đầu đã được Đức Phật sử dụng và trở thành một trong chín hình thức thuyết giáo của Ngài. Chín hình thức này có đề cập đến trong Tăng chi bộ như sau: “Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe ít về Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, các Bài kệ, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tầng hữu, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe ít ỏi này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp đúng pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên”<sup>2</sup>. Như vậy, Bốn sanh tức Jataka đã được sử dụng rất sớm; nhưng chỉ giới hạn trong tiền kiếp của phần lớn chúng đệ tử với mục đích nhấn mạnh sự việc sai phạm để răn dạy chế định giới luật. Cũng có những mẫu chuyện kể về tiền thân của Đức Phật như Đại Điển Tôn.... Tuy nhiên, nội dung Jataka chiếm số lượng cũng như dung lượng rất ít trong Trường bộ, Trung bộ, Tương ưng bộ và Tăng chi bộ. Bên cạnh đó, Phật giáo giai đoạn đầu thành lập chủ yếu phát triển hạnh xuất ly với đời sống độc cư trong rừng, đối tượng thuyết giáo chủ yếu là chúng xuất gia và các luận sư ngoại đạo. Từ những yếu tố này, rất rõ ràng hình thức Jataka không phải là sự lựa chọn ban đầu như Lưu Đức Trung đã nhận định. Nếu có những hình thức vay mượn thì đó chính là hình thức thí dụ, ngụ ngôn, vì thể loại này chiếm dung lượng khá nhiều trong phần nội dung kinh điển của ba

tập đầu<sup>3</sup>. Ví dụ như *Trung bộ kinh* gồm 152 bản kinh thì hơn 20 bản được triển khai theo hình thức thí dụ, ngụ ngôn; điển hình như các bài kinh: 7. kinh Ví dụ tấm vải; 21. kinh Ví dụ cái cửa; 22. kinh Ví dụ con rắn; 23. kinh Gò mối; 24. kinh Trạm xe; 25. kinh Bẫy mối; 27. Tiểu kinh Dụ dấu chân voi; 28. kinh Dụ dấu chân voi; 29. Đại kinh Thí dụ lỗi cây; 30. Tiểu kinh Thí dụ lỗi cây... Dụng ý sử dụng những thể loại này rất rõ ràng: “*Hiển giả, tôi sẽ cho Hiển giả một ví dụ, ở đây, một số kẻ có trí, nhờ ví dụ để hiểu ý nghĩa của lời nói*”. Cho nên, thể loại thí dụ, ngụ ngôn mới chính là hình thức vay mượn ban đầu để triển khai giáo pháp chứ không phải thể thức Jataka.

Tuy nhiên, Jataka quả thật đã rất phát triển cũng như có sức lan tỏa vô cùng lớn. Có thể giai đoạn đầu chỉ đơn thuần những câu chuyện kể nhằm xưng tán công hạnh Thế Tôn cũng như đáp ứng nỗi niềm nhớ nghĩ của tín chúng đối với Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt; nhưng sau đó, thể loại này đã phát triển có dụng ý. Thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy đã kết thúc khi Phật giáo từ một thể thống nhất phân chia thành hai hệ phái Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ. Tầng đoàn Phật giáo giai đoạn này đã tàn đi thực hiện vai trò thuyết giáo độ sanh rất nhiều tại các trú xứ, các vùng miền. Nền triết lý Veda đã chi phối toàn bộ xã hội Ấn Độ thời ấy bởi hệ thống bốn đẳng cấp lẫn những tập tục tín ngưỡng, nên đối trước tình trạng tri thức lẫn lựa chọn hình thức nào cho phù hợp là cả một sự tính toán kỹ lưỡng của chúng đệ tử trong công cuộc hoằng pháp. Những giáo lý nào nên triển khai để phần đông quần chúng có thể lãnh hội? Phương thức nào vừa có thể dung chở giáo lý vừa lại phù hợp với tri thức số đông quần chúng? Và tất cả dường như đều vừa vặn với hình thức câu chuyện tiên thân cùng sự kết hợp với thể loại truyện ngụ ngôn rất phổ biến trong dân gian.

Không đâu khác, chính sự linh động lồng đưa giáo lý và vay mượn những hình thức truyện kể dân gian đã khiến Jataka trở thành phương thức thuyết pháp hiệu quả. Vấn đề tiên kiếp, tái sanh và hóa thân vốn là những khái niệm rất quen thuộc với truyền thống tín ngưỡng cũng như văn hóa của người dân Ấn, cho nên không là vấn đề mới hay xa lạ khi triển khai về câu chuyện tiên thân của Đức Phật. Từ câu chuyện hiện tại, dẫn dắt về câu chuyện quá khứ và quay lại hiện tại để nhận định nhân vật và đúc kết câu chuyện, tất cả cùng kết hợp với nhau tạo nên sự đặc sắc, cuốn hút của câu chuyện. Đồng thời, từ tính chất này kết hợp với lối truyền đạt chân phương của ngôn ngữ dân dã, tuyến nhân vật thần và muông thú cũng khá quen thuộc, những đạo lý đã được truyền tải đi một cách rộng rãi. Không cần phải sử dụng quá nhiều thuật ngữ Phật giáo nhưng những giáo lý luân hồi, nhân quả, nghiệp báo cũng như các quan điểm của Phật giáo trong lãnh vực răn dạy hàng tại gia vẫn được thể hiện rất sắc nét. Không cần triển khai nhiều hay phải lặp đi lặp lại nhiều lần, thính chúng vẫn có thể lãnh hội trọn vẹn. Tất nhiên, quá trình hiểu và

hành trì sâu, cạn sẽ tùy thuộc vào từng đương cơ, còn đạo lý căn bản thì ai ai cũng đều có thể lãnh hội.

Để rõ hơn về quan điểm vừa trình bày, người viết xin nêu điển hình một ví dụ để minh chứng qua chuyện số 474; Chuyện trái xoài<sup>5</sup>.

*Nội dung câu chuyện được bậc Đạo sư kể dẫn khởi từ Đê-bà-đạt-đa ở kiếp hiện tại. Trong lúc thiên định, Đê-bà-đạt-đa khởi lên ý nghĩ chính mình là bậc Đạo sư, chối bỏ vai trò của Đức Phật. Sau khi xuất định, ông gây chia rẽ Tăng chúng và sau đó đất đã nứt ra nuốt chửng ông vào lòng đất. Tăng chúng xôn xao, Đức Phật nhân sự việc đó kể về chuyện quá khứ vì không phải chỉ trong kiếp này Đê-bà-đạt-đa mới như vậy.*

*Câu chuyện quá khứ được bắt đầu bởi sự sống sót hy hữu của người con trai gia đình vị tế sư, trong khi cả thân quyến đều bị mất mạng bởi nhiễm bệnh dịch. Chàng thanh niên ngao du thiên hạ, học hỏi khắp các lãnh vực với những bậc thầy lừng danh. Một hôm, chàng dừng chân tại ngôi làng thuộc giai cấp Chiên-đà-la. Thời đó, Bồ-tát là bậc hiền trí cư ngụ trong làng và biết một câu thần chú có thể khiến trái trên cây mọc rộ dù trái mùa. Quyết tâm học được câu thần chú, chàng ta đến nhà vị hiền sĩ và làm đủ mọi công việc phục dịch của kẻ tôi tớ. Động lòng, vợ bậc hiền sĩ nài nỉ chồng mình dạy câu thần chú cho người thanh niên không được hở thẹn giấu đi danh tánh và thân phận của người dạy mình nếu mọi người hỏi đến. Câu thần chú sẽ đem đến vinh quang phú quý, nhưng đồng thời cũng không ứng nghiệm nếu không thành thật nói về nguồn gốc của người truyền dạy. Chàng vâng lời và rời đi. Nhờ câu thần chú, người thanh niên được vua mời vào cung phục vụ, vì rất ứng ý sau khi ăn được quả xoài trái mùa do người làm vườn mua của anh ta và dâng lên. Khi được hỏi về nguồn gốc có được câu thần chú, chàng đã dối rằng do bậc danh sư tiếng tăm truyền dạy. Ngày hôm sau, vua mời chàng vào vườn ngự uyển thi triển thần chú, nhưng thần chú đã mất linh nghiệm. Dù cố biện minh do nhiều yếu tố, vua không tin và gạn hỏi đến cùng. Không thể dấu được, chàng đã kể lại nguồn cơn. Sự việc phơi bày, vua tự nhủ: “Kẻ độc ác này không biết giữ gìn một kho báu vĩ đại dường ấy! Khi người ta có báu vật vô giá thì nguồn gốc gia tộc có liên quan gì đến báu vật đó đâu? Tức giận, vua đuổi anh ta đi với điều kiện hãy đến vị thầy nhận tội và nếu học lại được thần chú thì trở về, bằng không thì đừng về nữa. Nhưng vị thầy đã không tha thứ và đuổi đi. Chàng lang thang vào rừng sâu và chết cô độc tại đó.*

*Pháp thoại chấm dứt, Đức Phật nhận định không phải chỉ riêng đời này Đê-bà-đạt-đa chối bỏ thầy dạy mình và chịu hậu quả thảm khốc. Nhân đó Đức Phật nhận diện tiền thân: Đê-bà-đạt-đa là kẻ vong ân, Tôn giả A-nan là vua và bậc Hiền sĩ thân phận hạ đẳng chính là Ngài.*

Từ nội dung câu chuyện, thông điệp trọng tâm là nêu lên đặc tính nhân quả, khuyên dạy mọi người sẽ không có kết quả tốt đẹp nếu như cô phụ công ơn cũng như



phủ nhận vai trò dạy dỗ của thầy tổ. Với thông điệp cốt lõi từ diễn tiến câu chuyện, người nghe dù thuộc hàng hạ đẳng không học thức, vẫn có thể nhận ra giá trị ý nghĩa này. Nhưng nếu có sự am hiểu nhiều hơn trên phương diện tri thức, rõ ràng xung quanh câu chuyện rất nhiều giá trị đạo lý cũng như quan điểm của Phật giáo. Trước nhất chính là giá trị của tài và đức. Có tài tất sẽ được trọng dụng, nhưng nếu không có đức thì tài đó cũng không được đón nhận cũng như không trụ được lâu bền. Được vua trọng dụng do có tài nhờ vào thần lực câu thần chú, nhưng vì không có đức do sự dối trá khi nhắc đến người truyền dạy nên đã bị vua đuổi đi. Còn trên phương diện đạo lý sống ở đời, cơ hội sẽ không bao giờ đến nhiều lần, vì vậy cần phải biết trân trọng và nắm giữ cơ hội. Không phải dễ để học được câu thần chú, chịu đủ những khổ sai phục dịch. Được vua trọng dụng nhưng không biết nắm giữ cơ hội, sự dối trá đã lấy đi tất cả. Dù vua cho cơ hội trở về hoàng cung nếu nhận tội với thầy và có lại được câu thần chú, nhưng cơ hội đã không còn vì chính ngay người truyền dạy cũng khước từ cho chàng cơ hội bởi vì không chân thật. Đặc biệt hơn, chính là thông điệp về đạo lý không phân biệt đẳng cấp. Chính từ suy nghĩ của vua đã nêu bật lên quan điểm đó: “Kẻ độc ác này không biết giữ gìn một kho báu vĩ đại dường ấy! Khi người ta có báu vật vô giá thì nguồn gốc gia tộc có liên quan gì đến báu vật đó đâu?”

Cho nên, mức độ nhận thức sâu, cạn là tùy thuộc vào căn tánh mỗi người, nhưng với thông điệp chính về nhân quả từ đặc trưng của thể loại truyện kể, dù không sử dụng bất kỳ thuật ngữ nào của Phật giáo, nhưng vẫn diễn đạt ra được thông điệp đó. Hoặc như triết lý luân hồi, chỉ từ đặc tính cấu trúc truyện chuỗi-lồng khung đã có thể diễn đạt rất rõ ý, không cần phải những lời diễn giảng cao xa trừu tượng, thông điệp sau khi chết đi không phải là hết được

nhận thức rất rõ. Chính vì không phải chết đi là hết cùng kết hợp với đặc tính nhân quả, mỗi người sẽ tự nhận chân ra giá trị sống cũng như sống làm sao để hạnh phúc, sướng vui, đó là tùy vào nhận thức và quan điểm sống của mỗi người. Từ nhận thức sẽ đưa đến hành động tạo tác, nghiệp sẽ được cấu thành và là nhân tố chính dẫn dắt chúng ta vào luân hồi tái sinh. Và rồi Đấng Phạm thiên sẽ không còn quyền lực gì cũng như sự can thiệp nào cho việc tái sinh của con người, vì tất cả đều tùy thuộc vào nhân gieo trồng của mỗi cá thể và quả phải gặt hái cũng là sự hiển nhiên, nên sinh vào trong đẳng cấp nào là do tự chúng ta quyết định. Nếu Phạm thiên đặt định ra đẳng cấp thì chúng ta có thể chọn lựa đẳng cấp cho nơi chốn sinh ra của mình, nếu xác định mục tiêu và tin sâu nhân quả để có những nghiệp nhân thiện lành ngõ hầu kiến tạo đời sống an vui.

Tóm lại, đã có sự hỗ trợ mật thiết từ hình thức đến nội dung để rồi tạo nên đặc tính thuyết pháp của Jataka thông qua hình thức truyện kể. Những yếu tố rất thân thuộc từ những phương diện mang đậm tính chất dân gian đã được kết nạp, tạo nên những câu chuyện rất bình dị nhưng lại dung tải những bài học giá trị sâu sắc. Yếu tố thực hư đó không phải vấn đề cốt lõi, thiết yếu là những câu chuyện đó nêu lên những thông điệp gì? Không phải hoàn toàn đều mang tính chất tích cực, nhưng đối với bối cảnh lịch sử và xã hội bấy giờ thì *Chuyện tiền thân Đức Phật* là sự thành công cho việc sử dụng phương tiện trong công cuộc hoằng truyền giáo pháp của chúng đệ tử. Không giảng rao giáo lý với những lời lẽ hoa mỹ với tính chất trừu tượng, rất thiết thực tuyên truyền hình ảnh Đức Phật với những phẩm chất cao đẹp và luôn hướng đến mọi chúng sanh với sự tinh tấn nỗ lực thực hành hạnh nguyện qua muôn kiếp để tìm ra con đường giác ngộ chấm dứt khổ đau. Những câu chuyện kể mang tính chân phương, giản dị trong lối sống đời thường lẫn phong cách kể chuyện đậm chất dân gian của thể loại ngụ ngôn. Tất cả đã kết lẫn tạo nên sự thành công đưa hình ảnh Đức Phật đi vào lòng dân chúng cùng với những giá trị đạo lý sâu sắc đã nêu bật lên tính năng thuyết pháp thông qua hình thức truyện kể Jataka. ■

#### Chú thích:

1. Lưu Đức Trung (2010), *Văn học Ấn Độ*, Nxb Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, tr.126.
2. HT.Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tăng chi bộ 1*, chương IV Bốn Pháp I, phẩm Bhadagama, VNCPHVN, TP.Hồ Chí Minh, tr.560.
3. Sở dĩ gọi ba tập đầu vì kinh *Tăng chi* được triển khai trên hình thức “Tăng nhất” riêng biệt về pháp số, chỉ sử dụng hình thức liệt kê, không sử dụng những phương thức thí dụ, ngụ ngôn...
4. HT.Thích Minh Châu dịch (2012), *Kinh Trung bộ 1*, 24. Kinh Trạm xe, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr.197.
5. HT.Thích Minh Châu dịch (2015), *Kinh Tiểu bộ*, tập V, quyển 12, 474. Chuyện trái xoài, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr.217-224.

# Hãy phát huy tiềm năng

NGUYỄN CÂN

**N**gân Quỳnh thân mến,  
 Nhận tin em vào Sài Gòn giải phẫu và đã trở về bình yên, thấy rất mừng; nhưng vì lúc đó còn đang ở Melbourne nên không ghé thăm được. Giờ thì em đã về Tuy Hòa và hỏi thăm về chuyến đi của thầy, và bày tỏ một số suy nghĩ khi em chuẩn bị vào năm cuối của nghề giáo trước khi nghỉ hưu. Những trăn trở tưởng rằng đã không còn sau 30 năm đi dạy với bao đợt cải cách, tu chỉnh, tập huấn nhưng mọi chuyện trong nghề trong ngành vẫn cứ ngổn ngang như tuyến đường sắt ở Hà Nội; tưởng chừng vô tận. Những bản khoản ấy lại dấy lên vào lúc hết hè. Năm học mới đã bắt đầu nhưng chưa “khai giảng”! Các em học sinh đã đến trường một buổi trong ngày. Còn đó những chuyện không vui vừa xảy ra gần đây làm dư luận xôn xao.

## Chuyện buồn đầu năm

Chuyện cháu L.H.L. học sinh trường Gateway, bị “bỏ quên” đến chết trên xe bus đưa rước học sinh, cho đến hôm nay vẫn còn là một nghi án với nhiều giả thuyết, dù cơ quan điều tra đã bắt cô giáo đưa rước các em vào tù nhưng dư luận vẫn đặt những dấu hỏi lên trách nhiệm của cô chủ nhiệm, của Ban Giám hiệu, của các cổ đông sáng lập trường!

Sự cố này đã gây hoang mang lo lắng cho nhiều bậc phụ huynh, vì họ cảm thấy bất an khi đã tin và giao con cho một trường “quốc tế”, nơi mọi chuẩn mực lẽ ra phải cao hơn, quy trình phải chặt chẽ hơn, có thể mới tương xứng với mức học phí rất cao. Nói gì đến những trường “thường dân” khác!

Chuyện cháu L. chưa yên thì lại xảy ra một vụ khác ở cơ sở giáo dục mầm non Maple Bear Westlake Point cũng tại Hà Nội. Một vị phụ huynh phát hiện con mình có nhiều dấu hiệu sợ hãi khi đi học, đã yêu cầu nhiều lần mới được nhà trường cho xem camera lớp học thì phát hiện con gái mình bị cô giáo phạt nhốt vào tủ để dọa khi cháu nghịch ngợm. Sau đó người ta đã họp và sa thải cô giáo.

## Sự cố Đại học Đông Đô

Đó là mầm non, còn đại học thì sao?

Trong ba năm, trường ĐH Đông Đô đã đào tạo (?) và cấp văn bằng hai cho hàng nghìn sinh viên mà không hề thông qua Vụ Giáo dục Đại học, đến khi Bộ Công an truy tố và bắt hàng loạt lãnh đạo trường thì Bộ Giáo dục Đào tạo mới biết.

Một cựu quan chức của Bộ GD-ĐT phát biểu “Trường ĐH Đông Đô đã không thông qua Vụ Giáo dục Đại học để trình việc xin phép đào tạo mà lại trực tiếp trình Vụ Kế hoạch Tài chính để xin xác nhận chỉ tiêu tuyển sinh. Vụ Kế hoạch Tài chính lại không kiểm tra xem trường đã được cho phép đào tạo văn bằng hai hay chưa. Còn Vụ Giáo dục Đại học lại không kiểm tra kỹ văn bản của Vụ Kế hoạch Tài chính để phản hồi nên mới xảy ra vụ việc khời hài này”.

Nghĩa là trường đã đào tạo “chui”, lừa đảo học viên để thu tiền tí tại nhiều địa phương!

## Lỗ hổng quản lý hay lương tâm?

Trong các vụ việc tiêu biểu đơn cử nêu trên, chúng ta thấy rất nhiều lỗ hổng. Trường Phổ thông Gateway bị phanh phui tự gắn mác quốc tế sai quy định. Đến khi sự cố xảy ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo mới yêu cầu Sở Giáo dục Hà Nội rà soát toàn bộ các trường quốc tế trên địa bàn. Với danh xưng “quốc tế”, học phí của các trường như

Gateway lên tới cả trăm triệu đồng mỗi năm. Theo

Tiến sĩ Giáo dục Vũ Thu Hương, chính tâm lý sinh ngoại và tham vọng muốn con mình trở thành công dân quốc tế đã khiến phụ huynh bị đánh lừa... Việc này là trách nhiệm của cơ quan quản lý giáo dục. Người ta cũng phát hiện ra lỗ hổng trong quy trình theo dõi học sinh của trường Gateway. Đồng thời cũng giật mình là chưa hề dạy con trẻ các kỹ năng thoát ra khỏi một chiếc xe đóng kín. Chúng ta chợt nhớ số các em

học sinh Việt Nam duỗi nước hàng năm ở mức báo động vì phần lớn các trường không dạy bơi mà dạy nhiều môn không cần thiết khác.

Trường Maple Bear sau đấy cũng được phát hiện là không có giấy phép! Khi chất vấn trách nhiệm của những người lãnh đạo cao nhất ở Bộ Giáo dục ở đâu khi để trường Đại học Đông Đô “thu tiền - bán bằng”, đào tạo “chui” thì Bộ khẳng định chưa có văn bản cho phép trường Đại học Đông Đô đào tạo văn bằng hai, nhưng cũng chính bộ này nhiều năm liên tục xác định chỉ tiêu đào tạo văn bằng hai cho trường!

Ở đây là lỗi hệ thống quản lý hay có gì khuất tất? Nói sao cũng được nhưng để những lỗ hổng trong cơ chế quản lý, trong quá trình đào tạo, giám sát con người là ai? Là những quan chức thiếu “lương tâm chức nghiệp” dung dưỡng cái ác, cái xấu vì quyền lợi riêng hay chỉ biết thu lợi nhuận bất chấp những thiếu sót trong quy trình điều hành. Đó sẽ là những kẻ không xứng đáng hưởng lương từ tiền thuế của dân, hay xứng đáng hưởng những khoản thu nhập từ





Nguồn: vietnamnet.vn

dân. Ở các nước, dù không có trách nhiệm trực tiếp nhưng nếu để xảy ra sai phạm, người quản lý cũng sẽ từ chức. Bởi đó là đạo đức, là lòng tự trọng chứ không phải sợ mất đi quyền lợi như quan niệm hiện nay. Nếu chỉ kiểm điểm, rút kinh nghiệm có nghĩa là dung túng, vô tình hay cố ý. Một vấn đề từng nêu lên trong văn hóa công vụ chính là phẩm giá con người. Phẩm giá ấy đòi hỏi người làm công việc gì cũng phải sống với những điều mình tâm huyết dựa trên lý tưởng lúc ban đầu, sống đúng và sống thực, luôn tinh tiến trong công việc, thức tỉnh trước mọi cám dỗ, trọn vẹn với xã hội. Sở Giáo dục ở đâu, Bộ Giáo dục ở đâu trong những sự việc trên? Để xảy ra rồi mới giạt mình rà soát. Nhìn rộng hơn, ở bất cứ lĩnh vực nào, chỉ cần người giữ thẩm quyền có trách nhiệm, làm đúng phận sự, thì mọi việc sẽ khác. Cảnh sát giao thông làm đúng luật thì pháp luật được thượng tôn, tai nạn giảm đi. Nhà thầu các công trình cầu đường làm tốt, thi công đúng theo thiết kế, có giám sát làm hết trách nhiệm, thì đường tốt và lâu hư hỏng; ngân hàng mà nhân viên hay lãnh đạo làm tròn chức năng thì không có biển lận, tham nhũng, cướp đoạt tài sản khách hàng như một số vụ trọng án gần đây.

Ngoài vấn đề thuộc về lỗi hệ thống, vấn đề còn nằm ở lương tâm của người thực hiện.

### **Sự lệch hướng từ triết lý giáo dục**

Có nhiều ý kiến. Chúng ta chưa bàn đúng sai ở đây. Hãy thử xem những nhà giáo dục đầu ngành hiện nay nói gì? Theo Giáo sư Trần Ngọc Thêm, những rối rắm của ngành giáo dục thời gian qua bắt nguồn từ việc xung đột giữa triết lý giáo dục cũ và sự vận động, phát triển của xã hội. Theo ông thì chúng ta có một nền giáo dục hiểu danh, hào chức, vì Việt Nam thuộc nền văn hóa âm tính, trọng tình rất điển hình nên sứ mệnh của nền giáo dục truyền thống là cung cấp nguồn nhân lực đảm bảo sự ổn định của xã hội. Để thực hiện sứ mệnh này, văn hóa học đường Việt Nam xây dựng chuẩn đầu ra là đào tạo người vừa có đức, vừa có tài. Trong đó, cái đức quan trọng mà xã

hội ưa ổn định cần là phẩm chất “*đễ bảo, vàng lờ*” hay còn gọi là “ngoaan”. Còn cái tài được xã hội hiện nay ghi nhận là điểm số, bằng cấp, dẫn đến “*thuộc bài*” trở thành tiêu chí đánh giá việc học tập.

Mục tiêu đi học là để đỗ đạt làm quan (ngày xưa) và lấy bằng cấp, thăng quan tiến chức (ngày nay) cho nên bệnh thành tích ngày càng tràn lan; dạy thêm, học thêm trở thành vấn nạn; học trò chịu áp lực lớn đến nỗi nhiều em học sinh bị tâm thần. Sau phổ thông, người học cứ đua nhau học lên cao để có bằng cấp khoa bảng mà xem nhẹ kỹ thuật, học nghề. Hệ quả là có trên 200 nghìn cử nhân thất nghiệp! Bệnh giả dối cũng lan tràn cùng với vấn nạn học giả bằng thật. Đông Đô phải chăng nằm trong vòng xoáy này?

Giáo sư Hồ Ngọc Đại cho rằng triết lý giáo dục ngày nay phải là “*hợp tác*”. Đó là quan hệ hợp tác giữa nhà trường - xã hội, nhà trường - gia đình, thầy - trò, thầy - thầy, học trò - học trò. Và khi đã hợp tác thì phải theo nguyên tắc thỏa thuận, không ai áp đặt ai.

Trong khi đó, Tiến sĩ Giáp Văn Dương bày tỏ quan điểm nên theo đuổi một triết lý, mục đích giản dị hơn là con người tự do. Tự do theo nghĩa người học tiếp thu kiến thức từ nhiều nguồn sách giáo khoa và người thầy cũng thoải mái trong việc truyền thụ, không gò bó như bây giờ.

Tại sao không theo phương hướng mà miền Nam trước đây từng cố gắng thực hiện “*Dân tộc - Nhân bản - Khai phóng*” dù đó đây cũng có ý kiến khó đánh giá thành tựu, tuy nhiên có thể thấy học sinh có kiến thức rộng sâu và chắc chắn hơn hiện nay. Điều này đã được một quan chức cấp cao hiện nay khẳng định những gì bà tiếp thu ngày xưa ở miền Nam tạo nền tảng trí thức vững vàng của bà đến hôm nay.

Chúng ta biết năm nào Bộ cũng ra hàng loạt nghị quyết, chỉ thị, thông báo về xây dựng nền nếp học tập, về giáo trình, sách giáo khoa, về đổi mới phương pháp và vai trò thầy cô nhất là trong thời đại 4.0. Nhưng thử hỏi một

hệ thống vận hành tốt không bao giờ có nhiều phó sản hay sản phẩm lỗi như thế!

Học sinh Việt khi ra nước ngoài thường lúng túng trong việc tư học vì quen làm theo lối “cầm tay chỉ việc”, rất yếu về kỹ năng nghiên cứu và nhất là thiếu tư duy phản biện. Ở Úc chẳng hạn, học sinh phải vào thư viện để lấy tư liệu viết research hay thesis, hay chỉ để thuyết trình trong lớp. Hệ thống trường tư học phí rất cao (đến 30 nghìn đồng tiền Úc một năm) vẫn rất đông học sinh theo học để trở thành học sinh giỏi. Học sinh trường công được miễn phí cho đến lớp 12 phải cạnh tranh vất vả với học sinh trường tư để lấy một chỗ ngồi trên giảng đường đại học, nhất là những đại học uy tín tiếng tăm. Năm ngoái, thầy có viết thư cho em cũng từ Melbourne, thầy đã kể cho em nghe Úc xếp thứ năm về điểm đến hàng đầu của sinh viên quốc tế (chiếm 8% số lượng du học sinh toàn cầu). Úc có đến 43% tỷ lệ dân số học đại học, chỉ sau một vài nước như Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, hay Mỹ. Một vị giáo sư ở đây cho biết 89% nam giới và 79% nữ giới có bằng đại học đều có việc làm, tương đương với mức trung bình của OECD. Người ta đánh giá các trường học của Úc thuộc số các trường học tốt nhất trên thế giới. Theo những người từng học ở đây thì ngoài việc giáo dục trung tiểu học là bắt buộc và miễn phí (ít nhất cho đến lớp 10, nếu không muốn học tiếp lớp 11 và 12 trong học trình có thể kéo dài 13 năm), các trường học của Úc còn có chức năng chuẩn bị cho học sinh vào đời qua việc phát triển các kỹ năng giao tiếp hay ý thức kỷ luật. Họ cũng tin tưởng mạnh mẽ các lợi ích của việc đào tạo toàn diện, bao gồm làm việc theo nhóm, thể hiện bản thân.

Bộ trưởng Giáo dục Việt Nam gần đây nhấn mạnh tính đồng bộ của các yếu tố không thể tách rời khi thực hiện đổi mới. Mỗi một bước đổi mới chương trình thì đồng thời phải một bước chuẩn bị đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất. Bộ trưởng đánh giá: “Thực tế hiện đang có khoảng 20-25% địa phương khó khăn, dạy một buổi mỗi ngày, trường lớp không đáp ứng được yêu cầu; nhiều giáo viên chưa theo kịp đổi mới”.

Con số này là khá lạc quan vì giáo viên đến giờ cũng chỉ theo “lối xưa xe ngựa hồn thu thảo” trong giảng dạy, có chăng các cuộc thi đầy tính hình thức như “Thao giảng giáo viên dạy giỏi” mà ở đấy học trò và thầy cô diễn kịch trước mặt những đồng nghiệp hay quan chức dự giờ.

Việc thi cử ở nước ta chưa trở thành thước đo sự trưởng thành của người học, nhất là sự trưởng thành trong tư duy, thể hiện qua năng lực tư duy độc lập của họ; hay nói cách khác, học sinh và nhất là sinh viên phải biết tư duy phản biện (critical thinking), như có lần chúng tôi đã trình bày trong báo này.

### Thay đổi tâm thế

Tiến sĩ Carol S. Dweck trong tác phẩm nổi tiếng hiện nay bán hàng triệu bản “Mindset” đã khẳng định rằng thay đổi tư duy hay tâm thế là phương pháp phát huy hết tiềm năng mỗi con người. Người ta thay vì chỉ cố gắng

chứng tỏ sự thông minh của mình trước mắt người khác, thì cần biết cách khai phá tiềm năng chính mình. Gieo vào tâm thức học sinh một động cơ chính đáng trong một nền giáo dục tốt liệu có sản sinh ra Einstein hay Beethoven không? Không hẳn, nhưng họ tin rằng có thể khai phá tiềm năng thực sự chưa được biết đến hay còn ẩn tàng sau nhiều năm làm việc chăm chỉ với niềm đam mê và sự rèn luyện.

Em hãy nhớ, thưở nhỏ thì Drawin và Tolstoy cũng chỉ là những đứa trẻ rất bình thường. Nhiếp ảnh gia nổi tiếng Cindy Sherman thất bại ngay trong khóa học nhiếp ảnh đầu tiên của mình, hay diễn viên lừng danh Geraldine Page từng được khuyên bỏ nghề vì thiếu tài năng.

Tác giả Dweck hỏi rằng tại sao mất thời gian vào việc chứng minh mình giỏi ra sao hay có thể trở nên giỏi như thế nào. Tại sao người ta lại thích giấu những khiếm khuyết thay vì tìm cách vượt qua chúng. Hãy say mê tạo sự căng thẳng để mình phải cố gắng và bám theo nó kể cả khi gặp trở ngại là những dấu hiệu trưởng thành trong đời hay trong tâm thức. Bà nhấn mạnh đừng chết hay tuyệt vọng vì một điểm C hay vì một thất bại nào đó trong lớp mà luôn phải tinh táo thấy cái hạn chế của mình để vượt qua. Cha mẹ hay thầy cô phải truyền được cảm hứng cho các em vượt lên điểm C, vì cần phải cho con em mình thấy chúng còn có một chặng đường phía trước, còn cả một học kỳ để phấn đấu vượt qua và cả những tháng năm dài đang đến. Không thể buông xuôi theo suy nghĩ thất bại ấy.

Thay đổi tâm thế là thay đổi cách học, cách suy nghĩ và cách ứng phó với thất bại. Nền giáo dục thành công phải làm được điều ấy. Nói như các nhà tâm lý học hiện đại, giáo dục cần phải dương tính hơn, đào tạo ra những con người biết tư duy phản biện, biết đáp ứng yêu cầu xã hội và cuộc sống, biết thích nghi trong mọi hoàn cảnh và vận dụng những điều đã học trên ghế nhà trường vào đường đời.

Theo ngôn ngữ nhà Phật, chuyển hóa tâm là yếu tố nền tảng làm nên sự thành công hay ít ra tạo nên sự vững chãi của một con người trước sóng gió cuộc đời.

Đã đến lúc giáo dục Việt Nam phải thay đổi tâm thế một cách mạnh mẽ, chấp nhận hy sinh các khuôn phép cũ, làm mới hệ thống và nội dung chương trình theo hướng thực tiễn, đơn giản, hiện đại theo kịp nhu cầu thời đại. Song song xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và giáo viên trong tinh thần “khai phóng”, tiếp nhận tư tưởng nhân loại, vận dụng trong hoàn cảnh Việt Nam và chấp nhận cho học sinh hay sinh viên tư duy độc lập, không áp chế, gia trưởng.

Được như thế, chúng ta sẽ phát triển xã hội-kinh tế theo kịp các nước tiên tiến và sẽ không rơi vào cảnh “chưa giàu đã già” khi tỷ lệ dân số vàng sẽ qua đi.

Thầy cũng sắp lan man sang chuyện khác vì thầy trò mình còn nhiều bản khoả chưa giải bày hết.

Chúc em sớm hồi phục và vững vàng đi nốt con đường đã chọn.

Thầy ■

# Café và Khói

PHẠM LĂNG YÊN



Café bây giờ thì mọi người vẫn uống, nhưng thuốc lá đã bị cấm nhiều lúc, nhiều nơi rồi; cho nên món café và thuốc lá ngày xưa ấy gần như chỉ còn lại một thứ mà thôi. Chúng ta sẽ chẳng bàn về chuyện tốt-xấu, hay-dở, hoặc lợi-hại của thuốc lá, mà chỉ xin mượn hình tượng dòng khói lênh đênh, có thể là khói thuốc bễnh bồng, hay khói nhang nghi ngút, cũng có thể là khói núi mịt mờ, khói bếp chiều quê heo hút, hay khói sương lờ lững cuối trời, để tản mạn đôi điều về thể thái, nhân tình, về chuyện cỏ cây, mưa nắng bên đời nhân gian.

## 1.

Một chiều hôm nao phiêu dạt phố phường, một sớm mai nào đến nơi làm việc, hay một đêm mưa nào tạt vào một quán nhỏ ven đường uống một ly café, lướt qua vài trang báo thấy ngập tràn những tin tức chẳng tốt lành chi, hoặc nghe ồn ã quanh mình bao chuyện buồn đau về thế sự đảo điên, về tình đời cay nghiệt, và về người đời oan khuất. Bỗng nghe lòng mình xót xa, oán thán, phẫn nộ, đờn đau trong nỗi bất lực trước bao chuyện đời bi thảm kia.

Than trời trách đất, phẫn uất, hay nguyên rủa người đời, chuyện đời rồi cũng chẳng khiến cho tình thế đổi thay hay tốt đẹp hơn và chẳng mang lại cho mình chút vui nào cả, chỉ gieo thêm buồn bã, mỗi mệt cho chính mình thôi. Có giải quyết, hay có cải thiện được điều chi đâu! Khi hoàng hôn đỏ bóng cũng là lúc trời đã về chiều và nắng vàng kia lắt lay sắp tắt, và khi ma chướng trùng trùng bủa vây; khi bao chuyện xấu ác, oan khiên, bi thảm, tằm tối, nghiệt ngã, rác rưởi, nhí nhố... ủa về như thác lũ thì chắc chắn cũng là lúc "âm thịnh" và hắc cũng là buổi "đương suy"; đó đã là quy luật muôn thuở rồi vậy.

Tất cả mọi buồn vui, cay đắng, sầu khổ, đờn đau trên cõi nhân thế



này chỉ là những cảnh đời biến hiện theo nguyên lý nhân quả; vay rồi trả, trả rồi vay nối tiếp nhau triển miên bất tận; như dòng khói nọ là kết quả của đốm lửa chúng ta châm vào điều thuốc hay một cây nhang; nếu không có đốm lửa nọ, không có điều thuốc hay cây nhang kia và không có hành động châm lửa thì làm sao có khói mù bay? Nhìn dòng khói bay để thấy lý duyên khởi trùng trùng, và lẽ nhân quả tương ứng trên cõi trần gian này; và khi chúng ta nhận ra được quy luật ấy rồi kham nhẫn đón nhận những nỗi oan khuất, khổ ải, bi đát kia với "hạnh trả oán" [Bảo Oán Hạnh] như vậy, lòng mình hẳn cũng sẽ bớt đi phần nào những u uất, đau buồn. Rồi thì dòng khói nọ cũng sẽ lên đèn bay đi, trôi xa, mất hút, tan vào hư không như bản chất hư dối, huyền hoặc, vô thường của mọi chuyện buồn vui, thị phi, vật vãnh, linh tinh, nhảm nhí bên đời. Nhìn dòng khói kia để thấy rằng sớm muộn gì mọi hệ lụy, khổ đau, oan nghiệt rồi cũng tựa như ảnh hiện trong những cơn mộng dữ vào những đêm dài miên man và một mai cũng sẽ như khói trôi về trong quên lãng, phôi pha mà thôi.

## 2.

Khi ta châm một đốm lửa vào một cây nhang, một điều thuốc, một nhánh củi, một đống lá khô... sẽ có loại nhang, loại thuốc, loại củi cho mùi khói hương thơm tho, nồng nàn; có loại cho mùi khói êm đềm, dịu ngọt, dễ chịu; và có loại cho khói mù mịt, nồng nặc, gay gắt, ngọt ngào vô cùng.

Café cũng vậy, có loại ngon, loại thường, loại dở, loại thật, loại giả, loại uống vào quay cuồng, lão đảo; loại uống vào muốn nôn ọe, kinh sợ; loại uống vào đem lại cho ta những phút giây sảng khoái, tỉnh táo. Và những chuyện đời xảy ra với chúng ta, cùng những mối giao đãi giữa chúng ta với tha nhân cũng giống như "khói" hay "café" kia vậy. Tùy phước phần đầy hay vơi của mình, tùy nhân duyên, nghiệp chướng sâu dày mà mình đã tích tụ từ vô lượng kiếp nay hội đủ đi về, có khi đến trong đời ta biết bao chuyện buồn đau, bi thảm và hiện diện trong đời ta chỉ toàn những yêu mị, quý quái, cùng vô số ma chướng; rồi cũng có khi nhiều sự hỷ lạc rơi rớt xuống đời và ta lại tạo ngộ những thiện nam tín nữ bên những tháng ngày yên vui. Gặp cảnh thuận duyên, mối giao đãi kia đem lại cho chúng ta những cảm giác thoải mái, ngọt ngào, bình an; và tất nhiên cảnh nghịch duyên, chướng duyên sẽ khiến ta rơi vào cay đắng, khó chịu, đờn đau, phiền muộn vô cùng. Làm sao bây giờ?

Nếu ta chẳng thể buông bỏ "café" và "khói" để một chiều nào đó hát khúc phân ly, vẫy tay chào từ biệt cuộc sống đầy khổ lụy này, rồi một mình lên đường đi về miền sơn cước hoang liêu nào đó, chọn một đời độc cư nơi một góc trời xa xăm và ngày tháng rong chơi cùng cỏ cây, nắng mưa, sương khói, thì thôi đành

ở lại với thế nhân cùng bao hệ lụy vậy, và xin hãy ngồi xuống đây bên ly café đen nóng trong một đêm trăng vắng vặc. Đứng khuấy ly café đen kia, hãy để nó tĩnh lặng - trong cái đen ngòm, tăm tối như cuộc đời nơi ly café ấy, ta sẽ thấy thấp thoáng ánh trăng đêm buồn le lói, như nỗi niềm thơ mộng, trong lành, tinh khôi vẫn còn đâu đó nơi cõi nhân gian này. Và ly café đen ngòm, đắng chát như cuộc đời và người đời ấy vẫn có thể đem lại cho thân tâm chúng ta những khoảnh khắc của thăng hoa, bay bổng nhờ lượng caffeine có trong đó.

Nếu nhìn thật sâu vào một vấn đề, một sự vật, một đối tượng... chúng ta có thể sẽ tìm thấy tính hữu dụng của nó, tìm thấy một phẩm tính tốt đẹp nào đó còn ẩn khuất xa xôi, mù mịt trong những sự việc hay con người ngỡ thật tồi tệ, tai hại, ô uế nơi cuộc đời này. Nếu chẳng may trong hiện kiếp, chúng ta chỉ gặp toàn những điều xấu ác, rác rưởi cùng những hình hài mang tâm thức yêu ma, quỷ quái, và chúng ta không thể tìm thấy một phẩm tính tốt đẹp nào nơi họ, thì hãy xem việc làm của tha nhân, những chuyện oan trái bên đời như một "bài học ngược" để rèn luyện thân tâm, để không bao giờ hành động như thế nữa. Tồn tại trong thế giới "yêu ma", nhưng sống ngược lại với cách sống của "yêu ma", được như thế thôi - đã là một việc làm có ý nghĩa lắm rồi. Khi đó sự tồn tại của những trở ngại nọ chỉ là một điểm tựa cho chúng ta vượt lên, không tác động được vào chúng ta. Và "ma chướng" kia trở thành những bài trắc nghiệm "đạo lực" hay khả năng chịu đựng và ứng phó của chúng ta trong những cảnh ngộ nghiệt ngã như một người tập võ cần có những đối thủ trong suốt quá trình rèn luyện để biết được mình đã tăng tiến tới đâu trên lộ trình đó.

Tuy nhiên, để vượt qua được những cảnh ngộ như thế, chúng ta cần phải có trí tuệ cao viễn cùng những đức hạnh như "kham thọ khổ nhẫn" [chấp nhận khổ đau] và "nại oán hại nhẫn" [nhẫn nhục bằng cách bình thản trước những người làm hại mình]; mà việc tu dưỡng và thực hiện những hạnh nguyện này lại là một việc làm gian nan vô cùng, khó khăn vô tận; cho nên chúng ta vẫn cần phải ngày đêm thành kính cúi xin chư Phật, chư Bồ-tát gia hộ, độ trì cho mình đừng gặp quá nhiều nghịch cảnh, quá nhiều chướng duyên khi mà trí tuệ chúng ta còn chưa cao xa, chưa thâm sâu; và khi đạo lực và khả năng phòng hộ của chúng ta còn khá non kém, yếu ớt. Bởi lẽ những cảnh ngộ ngang trái, oan nghiệt kia một khi ào ạt đổ về có thể khiến chúng ta ngã quy, suy sụp, thối thất, buông xuôi rồi rơi vào những khung trời u uất, tối tăm, và tuyệt vọng.

## 3.

Có những đêm dài mưa rơi, hoang vu, lạnh lẽo; ngồi một mình nơi góc trời quạnh hiu để nhìn lại đời sống quá nhiều gian nan, khổ ải này; rồi nhìn thật sâu vào



Nguồn: [tinhdauphuongnam.vn](http://tinhdauphuongnam.vn)

những ngô khuất tối tăm, mục ruỗng nơi tâm thức chính mình; và ngồi xuống để uống một ngụm café, thả một vài làn khói lãng đãng, lênh đênh; hay thắp một nén nhang giữa đêm trường tịch mịch, rồi nhìn theo những làn khói trắng phiêu diêu, lãng đãng mù trôi đó như ước ao, mong muốn đời mình cũng nhẹ trôi và yên bình như thế. Những dòng khói ấy là do đốm lửa nọ đã đốt cháy nén nhang hay điếu thuốc kia; sao ta chẳng sử dụng ngọn lửa của ánh sáng trí tuệ để đốt cháy bao độc tố như tham, sân, si, mạn, nghi trong tâm thức mình để nó thăng hoa thành những dòng khói nhẹ tênh, thênh thang bay lên như mang đi, như tiễn đưa tất cả những ý niệm, suy tưởng, hay bao

mối bận tâm về những chuyện vật vãnh, nhỏ nhoi, tồi tệ, tầm thường trong cõi lòng mình trôi xa, thật xa về nẻo hư vô.

Nếu ngọn lửa của chúng ta kia không là lửa của ánh sáng trí tuệ, mà là lửa của tham lam, sân si và điếu thuốc lá, hay cây nhang đó tựa như những vọng tưởng từ tâm thức đảo điên của mình thì dòng khói mệnh mang nọ, bây giờ lại là những vương mắc, hệ lụy chằng chịt, trói đời mình trong ngục tù nô lệ, che kín đời trong khổ nạn, bi thương. Và khi ấy còn đâu nữa sự tự do? Sự tự do chắc hẳn chỉ có khi chúng ta biết thực hiện hạnh “buông bỏ”; chỉ nhìn vào tâm thức chính mình, không nhìn và trụ vào ngoại vật; không để tâm thức mình hướng về, lệ thuộc vào, nương tựa vào một hình bóng, một sự vật, hay một sự việc nào đó. Tâm thức không còn hướng về, trụ vào thì mọi vương mắc, hệ lụy sẽ tự khắc rơi rụng cũng như khi nhang hết, thuốc tàn thì còn đâu dòng khói mù mịt phủ đời hoang lương!

Những gì đã trót gieo tự thuở xa xưa nào, đã lỡ rồi, thì thôi. Đừng than thân, trách phận nữa. Làm sao lấy lại được bây giờ? Lỡ u mê, ám chướng, lỡ buông lung, lỡ nhãng nhít, lỡ sa chân, lỡ sai lầm, lỡ lời khờ khạo, khật khùng, lỡ tầm lum đủ mọi chuyện ngu si, đại khờ. Không thể làm lại nữa rồi. Nước đã đổ làm sao hút lại được! Lỡ đã buông làm sao kéo lại được! Khói đã bay làm sao níu lại được! Như một lượng đường hòa vào ly café hay một lượng muối chúng ta bỏ vào một vại nước; đường hay muối đã tan rồi; chúng ta chẳng thể làm lại mà chỉ có thể đổ thêm nước vào đó cho loãng bớt vị ngọt hay vị mặn mà thôi, và hành động ấy chính là gieo trồng những ý niệm, cùng thực hành những việc làm thanh cao, thiện lành, tốt đẹp, mang tính vô ngã ngay tự bây giờ, hôm nay - để có thể chuyển hóa, và giảm bớt vị ngọt của đường hay vị mặn của muối. Vị ngọt hay vị mặn kia sẽ còn nhiều hay ít tùy vào lượng nước mà chúng ta thêm vào ly café hay vại nước đó thôi.

Giờ là lúc im lặng và an nhiên đón nhận hậu quả mà mình đã trót gieo “nhân”. Hãy bình thản, thôi than thở và chấp nhận mọi buồn đau trong nỗi niềm bi tráng rồi lặn thật sâu, trong thẳm lặng; cùng với tất cả tâm lực và trí lực miệt mài không thối thất để bơi qua dòng sông đời sinh tử đầy khổ nạn này và trở về với cội nguồn nơi bến bờ của tự do, phiêu lãng, siêu thoát bên kia; không rêu rao, ồn ào; và cố gắng đừng khuấy động dòng sông quá nhiều để không tạo ra những ngọn sóng quá mạnh xô ngược vào đời nữa thì may ra còn đủ sức vượt qua được con sông đầy sóng dữ, đầy chướng ngại, để có thể đến được phương trời tịch lặng, thoát tục, phiêu diêu xa xôi ấy hay ít ra cũng đến được một hoang đảo bình yên giữa giòng sông bão tố nọ để an nghỉ, dưỡng sức một thời gian rồi lại tiếp tục cuộc hành trình cô đơn, miệt mài, miên viễn này. ■



# Trung Thu

## ở Sài Gòn

PHÍ THÀNH PHÁT

**T**ết Trung thu là một lễ hội truyền thống được tổ chức vào ngày rằm tháng tám âm lịch tại một số quốc gia khu vực châu Á, khi mặt trăng tròn, sáng và đẹp nhất. Theo ghi chép của *Châu Lễ* và *Lễ Ký*, Tết Trung thu bắt nguồn từ nghi lễ tạ ơn mùa màng sau kỳ gặt hái mùa thu. Các gia đình dùng ngũ cốc vừa thu hoạch làm bánh Trung thu cúng trăng, cả nhà cùng ăn bánh, uống trà và thưởng nguyệt trong không khí đoàn viên đầm ấm<sup>1</sup>. Đây cũng là dịp để người nông dân có một khoảng thời gian nghỉ ngơi và chuẩn bị cho mùa vụ mới, thời tiết lúc này dịu mát mọi người thường quây quần lại bên nhau cùng hát hò, phá cỗ, rước đèn,...

Ở Nam Bộ, theo lịch trình "Xuân cầu Thu báo"<sup>2</sup>, tại các đình làng người dân tổ chức lễ cúng Hạ điền phối hợp với lễ Cầu bông bái tế thần Thành hoàng, Thần Nông, Tiên sư nhằm thể hiện tấm lòng tri ân đến các vị thần linh đã phù hộ cho mùa màng tươi tốt, làng xóm yên bình và cầu nguyện cho mùa vụ tới cũng được nhiều thuận lợi.

Riêng ở Sài Gòn mang trong mình sự đa dạng văn hóa, tập tục của nhiều cộng đồng dân cư. Tết Trung thu tại đây cũng mang ý nghĩa chung là dịp để các thành

viên trong gia đình gác lại mọi bận bịu, lo toan của cuộc sống sum họp quây quần bên nhau; để hàng xóm có dịp cùng ngồi lại thăm hỏi, chuyện trò bên những chiếc bánh và tách trà nóng dưới ánh trăng vàng, nên Tết Trung thu còn được gọi là Tết đoàn viên.

Tết Trung thu là dịp để mọi người nói chung và người Sài Gòn nói riêng thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau. Nhưng tình thương ấy của người Sài Gòn còn được nhân rộng hơn với những hoạt động thiện nguyện đến với những mảnh đời còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, các hoạt động ấy được trải dài trên khắp địa bàn thành phố và lan rộng đến các tỉnh thành vùng sâu vùng xa và cả vùng biên giới. Tấm lòng của người Sài Gòn thì luôn rộng mở, bao dung và rất mực thương người. Những chiếc bánh nhỏ, những cái lồng đèn xinh xắn, những bài hát gần gũi kèm theo lời chúc dễ thương đã tạo nên những câu chuyện đẹp về người Sài Gòn, những hoạt động ý nghĩa mỗi độ thu về.

Từ những ngày cuối tháng sáu âm lịch, trên khắp đường phố Sài Gòn đã sặc sỡ hơn với các ánh đèn, chạy dọc theo các tuyến đường là những gian hàng bán bánh Trung thu và lồng đèn. Cũng như Tết ta hay Tết Nguyên tiêu, Tết Trung thu ở Sài Gòn cũng rộn ràng, nhộn nhịp



Nguồn: chungxavi

hắn lên trong tiếng trống lân. Nhất là ở các hội quán người Hoa vùng Chợ Lớn, có nhiều đoàn lân sư rồng múa trước là châu các vị thần sau là phục vụ cho bà con đến xem, thông qua các điệu múa họ gửi gắm vào đó là những lời chúc phúc và bình an. Những vũ điệu đẹp mắt, điêu luyện của loại hình nghệ thuật dân gian này đã góp thêm sự năng động, vui tươi của thành phố.

Sài Gòn vốn cởi mở, tiếp thu nhiều cái mới nhưng vẫn dung hòa những nét đẹp truyền thống. Vào mùa này, những chiếc bánh nướng, bánh dẻo thơm lừng được bày bán trên khắp các tuyến đường, các chợ và siêu thị. Khi nhắc đến bánh trung thu, thì người Sài Gòn không xa lạ gì với thương hiệu bánh Đồng Khánh và người đã tạo nên giá trị cho chiếc bánh trung thu Đồng Khánh là lão nghệ nhân Nguyễn Văn Thê, tên thường gọi là bác Tư Thê, đã có nhiều người trong giới tôn xưng ông là “người làm bánh trung thu số một Sài thành”. Với tình yêu nghề, ông đã tạo ra nhiều loại bánh trung thu với nhiều hương vị đặc trưng khác nhau, ông từng chia sẻ rằng: *“Cái bánh cũng như cuộc đời vậy mà: có dai, có mềm, có ngọt, có bùi, thậm chí có đắng đót trong đó nữa. Ăn tới đâu “đụng” tới đó mới đã!”*<sup>3</sup>.

Ở một số gia đình, các bà, các mẹ và các chị vẫn thích tự chính tay mình làm ra những chiếc bánh trung thu để cùng gia đình thưởng thức vì ngoài những nguyên liệu, gia vị để tạo nên một chiếc bánh ngon thì họ còn nêm thêm vào đó hương vị của yêu thương. Cũng trong mùa này, đi dọc theo tuyến đường Phùng Hưng (quận 5) phía bên hông chùa Ông Bốn (Nhị Phủ miếu) sẽ dễ dàng bắt gặp được những âm thanh cộc cạch vang lên qua đôi bàn tay điêu luyện của các bác thợ chạm khắc nên những khuôn gỗ làm bánh trung thu

với nhiều hình dáng như hoa sen, con cá, đàn lợn,... và tất cả đã cùng tạo nên những nét riêng và độc đáo cho Sài Gòn với chiếc bánh ngon vào mùa trăng tròn này.

Ngoài bánh ra thì Tết Trung thu không thể thiếu những chiếc lồng đèn đầy sắc màu và đa dạng mẫu mã từ truyền thống đến hiện đại tạo nên sự hấp dẫn cho các em nhỏ lẫn cả người lớn.

Cư xá Phú Bình nằm trong con hẻm ở đường Lạc Long Quân (phường 5, quận 11) được biết đến với xóm nghề truyền thống làm lồng đèn, chuyên sản xuất các loại lồng đèn Trung thu, đèn ngôi sao, đèn giấy xếp,... Xóm nghề đã tồn tại trên 60 năm, có những gia đình trải qua hai, ba thế hệ. Ngày thường người dân ở cư xá Phú Bình kiếm sống bằng những công việc phụ khác nhau nhưng đến thời điểm Trung thu thì họ lại tất bật sản xuất lồng đèn.

Tất cả các công đoạn đều được làm thủ công như chẻ tre phơi nắng, làm khung lồng đèn, dán giấy kính và công đoạn cuối cùng là trang trí cho lồng đèn. Để tiện cho việc trang trí, người nghệ nhân đã sáng tạo ra các hoa văn khắc trên gỗ, chỉ cần dùng một cục hoa văn lấy màu và ấn lên lồng đèn qua dây sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian, ít tốn công và sản phẩm cũng đều và đẹp hơn. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng họ đã sáng tạo dùng khung kẽm để làm ra những chiếc lồng đèn với kích thước nhỏ bán ra với giá thành thấp hơn so với lồng đèn khung tre. Các loại lồng đèn có hình dáng quen thuộc như lồng đèn ông sao, lồng đèn hoa sen, hay những con vật gắn gũi với đời sống thường ngày như cá, thỏ, gà, bướm, ngựa... Có những chiếc lồng đèn kích thước lớn hình cá hóa long, chim công, tàu thuyền... được các nghệ nhân chăm chút từng chi



tiết tỉ mỉ, trình bày sinh động, đẹp mắt. Hấp dẫn với các em nhỏ vẫn là lồng đèn có hình những nhân vật trong các phim hoạt hình. Một số là lồng đèn mang tính giáo dục về biển đảo, quê hương hay những nhân vật lịch sử, câu chuyện cổ tích hay cũng có số ít làm lồng đèn kéo quân. Bên cạnh lồng đèn truyền thống, xóm lồng đèn Phú Bình còn sản xuất những chiếc lồng đèn giấy xếp với giá thành thấp hoặc nhập về bán nhiều loại lồng đèn điện tử để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

Cả gia đình cùng quây quần bên nhau, mỗi người một công đoạn, đôi bàn tay khéo léo của người thợ đã tạo ra những chiếc lồng đèn truyền thống xinh đẹp và gần gũi với mọi người. Những chiếc lồng đèn làm xong được treo trên trần nhà hoặc bày bán trước cửa tạo nên điểm nhấn cho con đường. Đến đây vào những ngày cận kề đến Tết Trung thu sẽ cảm nhận được không khí tấp nập ở xóm nghề với người mua kẻ bán. Nơi đây còn thu hút nhiều bạn trẻ, khách tham quan đến tìm hiểu cách làm lồng đèn và cũng là không gian hấp dẫn để chụp ảnh kỷ niệm.

Khi nói đến “Phố lồng đèn” thì mọi người liền nghĩ ngay đến Hội An, hay người dân Hà thành nhắc đến phố Hàng Mã. Còn đối với người Sài Gòn thì đó là Phố lồng đèn Chợ Lớn, nằm trên các con đường Lương Nhữ Học, Nguyễn Án và Phú Định của quận 5. Ngày thường con đường nhỏ Lương Nhữ Học yên bình với những gian hàng bán áo mào, trống, đầu lân,... những quán nước, quán mì ký với chiếc xe tranh kiếng vẽ những tuồng tích nổi tiếng của người Hoa, điểm thêm ở những góc phố là các cụ già ngồi viết chữ Hán mực nhũ vàng trên giấy đỏ.

Ấn mình trong con đường nhỏ Phú Định là những ngôi nhà cổ kính với kiểu kiến trúc Tây phương có tuổi

đời khoảng trăm năm và Phú Nghĩa hội quán có tiền thân là ngôi đình cổ Phú Điền, bên trong được trang trí với những bức hoành phi, liễn đối và khám thờ chạm khắc tinh xảo và còn gìn giữ được bản sắc phong do vua Tự Đức ban vào năm Tự Đức thứ 5 (1852), hằng năm có tổ chức lễ cúng Kỳ yên vào ngày 20 tháng giêng. Đây là khu phố cổ còn giữ nguyên được những kiến trúc sót lại ở Chợ Lớn và cũng là điểm dừng chân thu hút những ai đến với Sài Gòn.

Đến đây vào những ngày Trung thu sẽ thấy con phố khác hẳn với ngày thường, một khung cảnh nhộn nhịp, đông vui của những gian hàng bán lồng đèn nằm san sát nhau, một địa điểm chứng tỏ rằng mình đã đến không thể thiếu được của giới trẻ Sài thành. Các mặt hàng trang trí, đồ chơi trẻ con, trống, lân... rất đa dạng nhưng chủ yếu vẫn là lồng đèn với nhiều mẫu mã phong phú, bắt mắt. Lồng đèn điện tử đa dạng về hình dáng, mẫu mã, có nhạc phát ra rất thu hút các bạn nhỏ. Nhưng ưu thế vẫn thuộc về lồng đèn truyền thống với bộ khung tre, giấy kính màu gắn liền với tuổi thơ. Phần lớn lồng đèn tại đây được lấy về từ xóm lồng đèn Phú Bình, một số tự làm tại nhà để bán, có giá dao động từ 15.000 đồng đến hàng trăm ngàn đồng tùy vào kích thước và độ công phu của lồng đèn. Phố lồng đèn không chỉ riêng với người Sài Gòn, mà nhiều du khách nước ngoài cũng cảm thấy thích thú với không gian mang đậm tính dân gian ngay giữa lòng một thành phố hiện đại.

Ngoài ra, ở Phố đi bộ Nguyễn Huệ (quận 1), cầu Ánh Sao (quận 7), công viên Thỏ Trắng (quận 10), ở các khu vui chơi, trung tâm thương mại hay là những quán cóc đường phố là những địa điểm cũng được nhiều người chọn đến để đi chơi vào dịp Tết Trung thu ở Sài Gòn.

Trung thu là dịp để người Sài Gòn gác lại những lo toan, bộn bề của cuộc sống mưu sinh quay về sum họp, đoàn viên bên gia đình, cùng nhau thưởng thức miếng bánh, chén trà, ngắm trăng và hàn huyên tâm sự. Cũng là dịp để họ bày tỏ sự yêu thương đến với cộng đồng, những hoạt động thiết thực đầy tính nhân văn đã làm cho Trung thu ở đất Sài Gòn thêm ý nghĩa, phần nào hiểu được tính cách và tấm lòng nhân ái của người Sài Gòn. Những không gian văn hóa mang đậm nét dân gian như xóm làm lồng đèn Phú Bình hay Phố lồng đèn đã lưu giữ được những nét đẹp truyền thống, là điểm nhấn của thành phố mỗi dịp thu về. ■

#### Chú thích:

1. Nguyễn Ngọc Thơ (2018), *Người Hoa, người Minh Hương với văn hóa Hội An*, Nxb Văn Hóa Văn Nghệ, tr.130.
2. “Xuân cầu thu báo” có nghĩa là cầu nguyện vào mùa xuân, báo đáp vào mùa thu.
3. Tăng Bá Sên (2018), *Nghệ nhân hiệu bánh trung thu danh trấn Sài Thành: Bánh ngon ở cái tâm* (<http://m.tinhhoa.net/nghe-nhan-hieu-banh-trung-thu-danh-tran-sai-thanh-banh-ngon-o-cai-tam.html>).



# Trung thu của ai?

NGUYỄN AN

**M**ưa tí tách, trong một xóm nghèo, ở một huyện ngoại thành, bốn năm đứa nhỏ xách lồng đèn đi hàng một, miệng ngâm nga: “Tết Trung thu đốt đèn đi chơi...”. Bài hát này chắc mấy đứa nhỏ chỉ thuộc vài câu, nên cứ nghe chúng hát lặp đi lặp lại. Bọn trẻ đứa lớn nhất chắc khoảng tám tuổi còn đa phần là năm, sáu tuổi... Có trời mới biết, trong đầu những đứa trẻ nghĩ gì và cũng chẳng biết một lát chúng về nhà có bánh để ăn hay không? Trời đang mưa lác rác. Hy vọng chúng mơ đến chú Cuội, chị Hằng và một lát về nhà, có cái bánh dẻo, bánh nướng mà ăn.

## Cái nhìn của con trẻ

“Kính thưa chị Hằng và chú Cuội!

Em là học sinh lớp 5. Em được cả lớp đề cử viết thư cho chị Hằng và chú Cuội nhân dịp Tết Trung thu này.

Số là hôm qua, cô cho cả lớp làm tập làm văn với đề tài tả “Nhà nghèo”. Em đã viết như sau: “Nhà em rất nghèo, mẹ em mỗi khi phùng đến vận động đóng góp quỹ từ thiện gì đó, mẹ em thường nói không có tiền. Ba em làm nhân viên thuế vụ, cũng nghèo vì ba thường than lương ba cọc, ba đồng nhưng phải tội nhậu nhiều. Mỗi khi ba mẹ em cãi nhau, ba thường bị mẹ mắng là chuyên coi phim nghèo và thích mấy người ăn mặc thiếu vải. Ngay đến con mèo nhà em cũng nghèo vì nó lúc nào cũng kêu “ngheo ngheo”, em nghĩ chắc là nó nói “nghèo nghèo”.

Đọc xong, cô giáo cho hai điểm còn quát em trên lớp là “Quá sức tưởng tượng!” Chắc cô giáo không hiểu em, chứ bài làm văn của em đều viết sự thật, không tưởng tượng chút nào! Có lẽ vì lý do “quá sức tưởng tượng” nên em được các bạn tin tưởng cử viết thư cho chị Hằng và chú Cuội.

Em xin vào chủ đề chính của bức thư. Ai cũng bảo Tết Trung thu là Tết của thiếu nhi, Tết của trẻ con nhưng cả lớp em đều thấy Tết Trung thu là Tết của người lớn. Này nhé! Bánh trung thu làm cho con nít gì mà cả triệu đồng một cái, bởi toàn nhân vi cá, bào ngư, đông trùng hạ thảo... con nít nào có tiền mua được. Mấy thứ đó con nít nào thèm ăn, vậy mà người ta vẫn đua nhau làm. Như vậy người ta làm bánh vì người lớn chứ có phải cho con nít đâu!

Bạn em vào lớp kể chuyện, mẹ bạn ấy mua bốn hộp bánh to. Bạn ấy xin một cái, mẹ liền nguýt. Mẹ bảo hộp bánh thứ nhất biếu sếp của ba, hộp bánh thứ hai biếu trưởng phòng của mẹ, hộp bánh thứ ba biếu thầy giáo của chị và hộp cuối cùng biếu cô giáo của bạn. Hóa ra bánh trung thu không phải để dành cho con nít mà để dành biếu cho người lớn ăn.

Năm ngoái, nhân Tết Trung thu, ba em tổ chức đêm ngắm trăng cho em tại nhà. Chị Hằng và chú Cuội có biết không? Cả nhà có hai bàn tiệc thì chỉ toàn người lớn. Em ra đứng lan can ngắm trăng mà buồn rầu: Tết của ba chứ nào phải của con. Hôm sau, em vào lớp hỏi các bạn thì cả lớp đều có tình trạng giống như em. Người lớn, họ nhân danh Tết Trung thu của trẻ con để có cơ nhập thôi!

Em nghe cô giáo kể: Tết Trung thu là ngày Tết của trẻ em, còn được gọi là "Tết trông trăng". Vào ngày Tết này, người ta tổ chức bày cỗ, trông trăng. Thời điểm trăng lên cao, trẻ em vừa múa hát, rước đèn vừa ngắm trăng phá cỗ. Ở một số nơi, người ta còn tổ chức múa lân, múa sư tử để các em vui chơi thỏa thích. Cỗ mừng Trung thu gồm bánh kẹo và các thứ hoa quả khác. Trẻ con rước đèn ông sao, cá chép... đi chung quanh làng, xóm vui vẻ lắm!

Em và các bạn trong lớp nghe mà phát thèm, nhưng chuyện đó là ở đâu hay là chuyện xưa lắc, xưa lơ rồi, chứ không phải là chuyện của chúng em. Thôi xin chị Hằng và chú Cuội trả Tết Trung thu cho người lớn luôn đi! Để chúng em khỏi phải nghe: Trung thu là Tết thiếu nhi!

Chắc các bậc người lớn sẽ cho câu chuyện trên là câu chuyện hư cấu, nhưng hãy lắng lòng nghĩ xem những câu chuyện mà cậu bé lớp năm kể như trên sẽ thấy chúng hoàn toàn có thật, đã và đang xảy ra chung quanh chúng ta.

### **Ánh trăng xưa**

Có người từ Mỹ về bảo: Ở bên ấy có nhà cộng đồng người Việt, đêm Trung thu, hội người Việt cũng tổ chức đón trăng với một chương trình văn nghệ, có cả múa lân... Bánh trung thu đa phần từ Trung Quốc, Hong Kong, Đài Loan... nhập sang. Ấu cũng là một hoạt động để mấy đứa trẻ và người lớn nhớ quê! Hỏi có thấy ánh trăng như ngày xưa chẳng? Người ấy lắc đầu nguầy nguậy: Làm gì tìm được ánh trăng như ngày xưa!

Ngày ấy, thời còn khó khăn, ở quê bọn trẻ vui rằm Trung thu chỉ là các đèn ông sao, quả bí, cá chép... Chiếu chặt một cây trúc, kỳ cạ kỳ cạch vót, chuốt, dán giấy... chậm nhất một buổi là xong cái đèn. Tối dung dăng dung dẻ xách đèn đi vòng vòng quanh xóm. Bọn trẻ con nhà giàu ở xóm, đèn ba mẹ mua thì to, đẹp nhưng có được xách ra khỏi nhà đâu, chỉ đứng trong sân nhìn ra ngoài, với đầy nổi thèm muốn đi chơi trăng với bạn nghèo trong xóm.

Đêm Trung thu, nhà nào cũng có cúng bánh, trái cây nhưng đó là chuyện của người lớn. Bọn trẻ đều giấu bánh kẹo, trái cây mang ra bày cỗ ăn chung. Vài cái bánh nướng, bánh dẻo bé tẻo cỡ ba ngón tay, bánh in, vài cây kẹo đậu phộng, lợn mía, trái bưởi... Thế là cùng nhau ngắm trăng tròn vành vạnh, la đà trên cành tre, chỉ chỗ nhau cái kia là hình chị Hằng, còn cái mờ mờ thấp thấp là chú Cuội. Có bao nhiêu đó mà tranh cãi nhau ỏm tỏi vì mỗi đứa nhìn trăng mỗi khác. Trung thu năm xưa không mưa, hầu như năm nào trăng cũng đẹp. Chỉ thế là vui.

Bao mùa trăng trôi qua, những đứa trẻ rồi cũng lớn lên, làm cha làm mẹ. Trăng thu bây giờ hình như bớt vàng, bớt sáng hơn trăng thu ngày xưa vì những ánh đèn cao áp trên hè phố. Bọn trẻ không còn đi chặt trúc làm lồng đèn như ở quê. Có những đứa trẻ ở phố, giờ chỉ ôm iPad suốt ngày đêm. Xách đèn lồng quanh xóm chẳng? Chúng cười khẩy. Bánh trung thu chẳng? Ồi, bánh đỡ khẹt, thua gà rán, khoai tây chiên KFC hay Mc Donald. Ánh trăng, chị Hằng với chú Cuội... làm gì bằng siêu nhân, người nhện?

Đêm Trung thu, phường xóm cũng tổ chức một sân khấu ca nhạc chỗ công viên, hay khu đất trống nào đấy. Nguyên một chương trình có vài bài thiếu nhi cho phải lễ, rồi còn lại là buổi trình diễn cho các ca sĩ đang lên mà chưa ai biết tên, hát nhiều bài đương đại chẳng ai biết nhạc gì. Cà giựt, cà giựt, lắc xoay... Thế là xong, cái gọi là Trung thu cho trẻ. Cảm thấy tiêng tiếc, thời hiện đại, đầy đủ nhưng chắc là đa phần bọn trẻ ở phố chẳng cảm nhận có một ánh trăng vàng.

Vài năm nay, nhiều nhà từ thiện, một số bạn trẻ đã có phong trào chăm lo cho trẻ em nghèo vùng xa. Bạn bè kêu gọi nhau từ sớm. Kể lo bánh trung thu, người lo quần áo, tập võ, đèn lồng... hướng đến trẻ em một vùng quê còn nghèo. Đêm Trung thu xa thành phố, xa ánh đèn cao áp át ánh trăng, xa những tiếng ồn ào của những tiệc nhậu mừng Trung thu mang tiếng dành cho trẻ em nhưng là của người lớn. Nhiều người đã tìm lại ánh trăng vàng ngày xưa, tìm lại chị Hằng, chú Cuội ẩn hiện năm nào. Đêm thu xa phố kể bên các trẻ em nghèo ở một vùng quê nghèo khổ, trăng bỗng vàng sáng trong những đôi mắt trẻ thơ, những nụ cười hồn nhiên... Họ như tìm thấy lại ánh trăng xưa cùng đám trẻ nghèo khó. ■

# Xứ Huế trong phim

NGUYỄN VĂN TOÀN



Ảnh trong phim Trăng nơi đáy giếng

**Đ**ã có nhiều bộ phim trong và ngoài nước quay bối cảnh ở Huế. Trong số đó có phim từng đoạt giải Oscar danh giá. Điều này khiến cho nhiều nhà sản xuất phim và các đạo diễn lựa chọn Huế làm bối cảnh của phim. Có thể khẳng định việc quảng bá hình ảnh Huế qua phim tỷ lệ thuận với sự tăng trưởng du lịch. Tuy nhiên, so với nhiều địa phương khác, Huế vẫn còn chậm chân.

## Làm phim về Huế

Hiện tại, một dự án phim mang tên “*Nàng dâu xứ Huế*” đang được quay tại Huế. Phim được chỉ đạo dàn cảnh, diễn xuất và các phương tiện kỹ thuật bởi hai đạo diễn là Trần Nguyễn Bảo Nhân và Namcito, đã được khán giả trong cả nước đánh giá cao với phim “*Gái già lắm chiêu*” (doanh thu 38 tỷ đồng). Diễn viên tham gia “*Nàng dâu xứ Huế*” là những gương mặt lỏi cuốn khán giả hiện nay như Ninh Dương Lan Ngọc, Lê Xuân Tiền, Thùy Anh... Trong đó, diễn viên Ninh Dương Lan Ngọc là nữ diễn viên chính của phim “*Cua lại vợ bầu*” với doanh thu khủng là 190 tỷ đồng. Đáng chú ý, ê-kíp của phim đã mời được đạo diễn Trần Bửu Lộc, nổi tiếng với những bộ phim đình đám như phim

truyền hình “*Hậu duệ mặt trời*”, phim điện ảnh “*Cô Ba Sài Gòn*” (doanh thu 60 tỷ đồng)... cùng tham gia. Đây là hoạt động nằm trong chuỗi dự án quảng bá du lịch Huế qua điện ảnh đã được giới thiệu vào tháng 6/2019.

Như vậy, đây là dự án phim tiếp theo của bộ đôi đạo diễn Bảo Nhân - Namcito sau chương trình “*Nàng thơ xứ Huế*” do Người đẹp Du lịch Huế 2015 Lê Trần Ngọc Trân thủ vai chính được chiếu trên các chuyến bay nội địa, quốc tế của Vietnam Airlines (hãng hàng không quốc gia Việt Nam) và kênh KBS World Hàn Quốc (phủ sóng hơn 63 quốc gia) từ tháng 1/2019. Dấu ấn của chương trình “*Nàng thơ xứ Huế*” là đã giới thiệu những nét đẹp của văn hóa, ẩm thực, du lịch và phong cách sống của con người xứ Huế nói riêng và Việt Nam nói chung. Chương trình kéo dài 20 tập phim tại các danh thắng nổi bật ở Huế như chùa chiền, đền đài, Làng cổ Phước Tích, Nhà vườn An Hiền...

Đạo diễn Trần Nguyễn Bảo Nhân, đã chia sẻ: “*Tôi muốn khai thác hình ảnh người con gái Huế với vẻ đẹp lao động. Nhân vật Nàng thơ xứ Huế trong chương trình sẽ đại diện cho vẻ đẹp dung dị và rất thơ bởi cách sống của Nàng cũng như những món ăn do chính tay Nàng làm ra. Mọi thứ đều gần gũi, mộc mạc đúng tinh thần của con người xứ Huế*”.

Bên cạnh đó, cũng cần đề cập đến phim “*Trạng Quỳnh*” của đạo diễn Đức Thịnh cũng đã ra mắt khán giả vào dịp Tết Kỷ Hợi 2019 với gần một nửa bối cảnh trong phim được quay ở Huế. Bộ phim lỏi cuốn đông đảo khán giả cả nước với với doanh thu khủng là 100 tỷ đồng.

Bộ phim “*Mắt biếc*” của đạo diễn Victor Vũ, được khán giả biết đến với các bộ phim nổi tiếng như “*Quả tim máu*” (doanh thu 85 tỷ đồng), “*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*” (doanh thu gần 80 tỷ đồng), “*Thiên mệnh anh hùng*” (doanh thu hơn 16 tỷ đồng), “*Cô dâu đại chiến*” (doanh thu gần 38 tỷ đồng)... cũng có nhiều cảnh quay tại Huế. Trong bảy tuần quay các cảnh phim thì quay tại Huế chiếm năm tuần, quay tại Quảng Nam hai tuần. Làng Hà Cảng (Quảng Phú, Quảng Điền), là nơi được chọn làm bối cảnh chính của phim khi quay ở Huế. Nhiều con phố ở thành phố Huế như Bạch Đằng, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Lợi... sẽ được xuất hiện trong bộ phim dự định sẽ ra mắt vào dịp Giáng sinh năm nay. Đặc biệt, sau khi phim ra mắt Teaser trailer (đoạn giới thiệu phim) đã thu hút hai triệu lượt xem chỉ ở trang YouTube của Galaxy Studio trong thời gian chỉ hơn một tháng.



Đó là chưa kể đến một số bộ phim nổi tiếng chọn Huế làm cảnh quay trước đây như “*Đông Dương*”, “*Ngọn nến hoàng cung*”, “*Trăng nơi đáy giếng*”, “*Cô gái trên sông*”... Bộ phim “*Cô gái trên sông*” đã đoạt giải Bông Sen Bạc tại Liên hoan Phim Việt Nam 1987. Đây là bộ phim đầu tiên của Điện ảnh Việt Nam với 100% bối cảnh quay tại Huế.

Bộ phim “*Ngọn nến hoàng cung*” đoạt giải Cánh Diều Vàng 2004 cho Phim truyền hình dài tập xuất sắc nhất. Mặc dù 70% cảnh phim quay tại Đà Lạt (Lâm Đồng) nhưng có những cảnh đoàn làm phim buộc phải quay ở Huế mới diễn tả được nội dung bộ phim.

Bộ phim “*Trăng nơi đáy giếng*” đoạt giải Cánh Diều Bạc 2008. Tại giải lần này không có phim đoạt giải Cánh Diều Vàng. Được biết “*Trăng nơi đáy giếng*” đã được công chiếu nhiều lần trong nước và ngoài nước và chắc sẽ có những người muốn tận mắt nhìn thấy ngôi nhà rường Huế trong đời thật cùng không gian đậm chất Huế không lẫn vào đâu.

Đặc biệt nhất là bộ phim “*Đông Dương*” (Indochine) ra mắt công chúng năm 1992 của Pháp. Đây là một bộ phim nước ngoài đầu tiên được quay trong cung điện, lăng tẩm ở Hoàng thành Huế từ những năm 1990. Với những cảnh quay tuyệt đẹp ở Huế và vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), bộ phim sau khi công chiếu và đoạt giải Oscar đã khiến lượng khách du lịch châu Âu, đặc biệt là khách Pháp đến Việt Nam tăng bất ngờ.

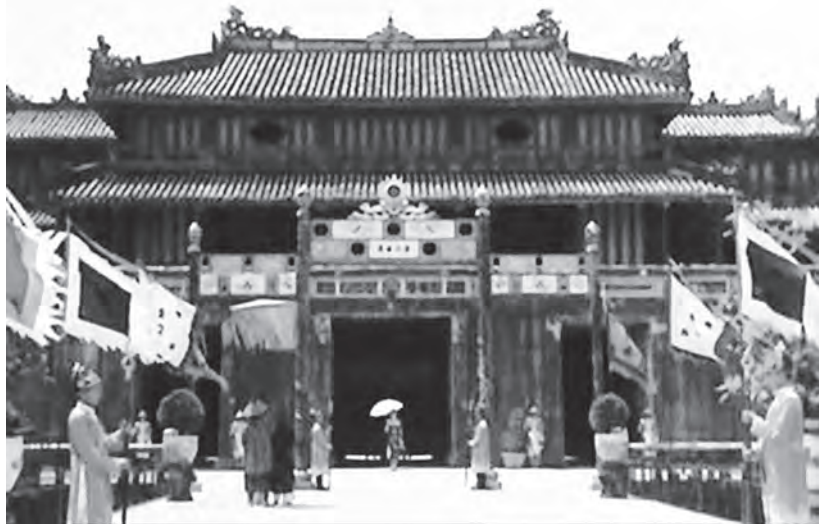
### Lợi ích thấy rõ

Theo thống kê, 5% lượng du khách trên thế giới được gợi cảm hứng từ các bộ phim. Trên thực tế, ba triệu trong số 30 triệu khách nước ngoài đến Anh vì những cảnh quay trong các bộ phim đình đám như “*Harry Porter*” (doanh thu 8,5 tỷ USD), “*Sherlock Holmes*” (doanh thu hơn 1 tỷ USD) hay “*Pride & Prejudice*” (doanh thu 120 triệu USD)...

Phim hài “*Lạc lối ở Thái Lan*” (Lost In Thailand) có hơn 30 triệu lượt người xem, đạt doanh thu 1 tỷ 267 triệu nhân dân tệ ở Trung Quốc. Sau đó, du khách Trung Quốc đổ về Thái Lan. Hiệu ứng đi kèm là năm 2013, ngành du lịch Thái Lan tăng trưởng 10% nhờ bộ phim này.

Ở nước ta, nhờ phim “*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*”, Phú Yên được biết đến nhiều hơn. Trước khi có phim này, tốc độ tăng trưởng ngành du lịch Phú Yên chỉ 12-13%, nhưng từ sau khi bộ phim được công chiếu, du lịch địa phương này đạt trên 20%, có năm tăng đột biến 30%. Du lịch Việt cũng đã nắm bắt bài học làm du lịch qua phim ảnh, tiêu biểu là làng thổ dân của “*Kong - Đảo đầu lâu*” (Kong: Skull Island) đã được phục dựng nguyên mẫu tại Ninh Bình phục vụ du khách khi bộ phim do Hollywood sản xuất đạt doanh thu khổng lồ 563 triệu USD.

Trong 8 tháng đầu năm 2019, tỉnh Thừa Thiên-Huế đón gần 3,4 triệu lượt khách du lịch; trong đó có hơn 1,43 triệu lượt khách du lịch quốc tế, tăng 8,7% so với



Ảnh trong phim *Đông Dương*



Ảnh trong phim *Nàng thơ xứ Huế*

cùng kỳ. Doanh thu du lịch hơn 3.299 tỷ đồng, đạt 116,93%, tăng hơn 9% so với cùng kỳ năm ngoái. Rõ ràng, nếu việc quảng bá hình ảnh Huế qua phim được thực hiện tốt thì đây sẽ là một lý do để ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên-Huế tăng trưởng nhiều hơn nữa.

Chỉ tiếc là hiện nay Huế vẫn chưa có một phim trường. Còn nhớ vào năm 2008, Đại học Huế đã trao cho các sinh viên Quách Đạo Quang, Phạm Xuân Quỳnh Giải nhất cuộc thi Ý tưởng sáng tạo đồng hành cùng cuộc sống về đề tài “*Phố Huế xưa - Phim trường mới - Khu du lịch mới*”. Theo đó, đề tài này cho rằng nên phục hồi một khu phố cổ và biến dãy phố này thành một khu phố ẩm thực; một làng nghề thủ công truyền thống; một phim trường; một khu phố với các trò chơi dân gian xứ Huế; một khu phố với những tủu quán, rạp hát, các gánh xiếc, các lớp học xưa, các nhà thuốc y học cổ truyền, lò võ cổ truyền; một khu chợ xưa... để phục vụ du lịch, điện ảnh, vui chơi giải trí cho người dân xứ Huế và du khách thập phương. Tuy nhiên, hơn mười năm đã trôi qua nhưng ý tưởng này hiện vẫn nằm trên... giấy. ■

\* Ảnh của tác giả



## Về lại trường xưa...

TRẦN THANH THOẠI

Lá bàng dẹt nổi băng khuâng  
Rụng vào cội nhớ trong ngần giấc mơ  
Trường xưa lối cũ rêu mờ  
Ai còn trước cổng đứng chờ mùa thu?

Mười năm khuất néo xa mù  
Chiều nay về lại hời ru tháng ngày  
Khẽ nhạt chiếc lá me bay  
Chợt nghe khoe mắt xè cay bồi hồi

Trông trường điếm nhịp xa xôi  
Rung rung ngôi lại chỗ ngôi ngày xưa  
Tuổi hoa trong vắt như vữa  
Thoáng qua tựa một cơn mưa đầu mùa

Đường làng trải tím hoa mua  
Dẫn về kỷ niệm gió lùa tóc mây  
Nắm bàn tay mẹ guộc gầy  
Ta đi qua buổi thơ ngày tựu trường

Giọng thầy trầm ấm vấn vương  
Vọng trong nỗi nhớ niềm thương lặng thẳm...

## Khúc ru hời thiên thu

TỊNH BÌNH

Phố phường trút cạn bình yên  
Về thôi quê mẹ tấm miền xanh trong  
Về thôi... băng ruộng lội đồng  
Tuổi thơ chân đất ngâm dòng sông quê  
Về thôi... lối cũ ta về  
Cha ngồi vắn thuốc vắn về chuyện làng  
Bao năm làm kẻ vô can  
Xa quê khắc khoải chen chân thị thành  
Phôn hoa đô hội nhạt tanh  
Về thôi đỡ giấc mộng lành quê hương  
Chạnh lòng tóc mẹ điểm sương  
Đo ngày đêm tháng ngày thương hao gầy  
Về thôi... nhạt tuổi thơ bay  
Con điều giấy cũ nhớ ai khoảng trời  
Ta về phiến nảo rụng rơi  
Vòng tay mẹ... khúc ru hời thiên thu...

## Về quê em

ĐOÀN VĂN SÁNG

Tôi về Phù Cát quê em  
Nắng chiều thánng Sáu như chêm hạt mè  
Trên cành chậch ních tiếng ve  
Con đường rùm rùm mùa hè giảm qua  
Cát Sơn nhớ chớp núi Bà  
Nhón chân liếc mắt nhìn qua chợ Gòm  
Đề Gi mản mận gió nồm  
Mát lòng rười rượi thềm com muối vùng  
Vào thăm Cát Hải Cát Hưng  
Đến đèo Tó Mọ ngập ngừng ngóng mưa  
Hàng dương ven biển già nua  
Thì thăm niệm Phật trước chùa Linh Phong  
Cát Tường lúa lấp ló đồng  
Nếp chờ xen Cóm - nón chằm... trao ai ?  
Xanh rờn - mía kiệu Cát Tài  
Cát Lâm Cát Hiệp dứa xoài sum suê  
Ruộng vườn hoa trái phủ phê  
Tôi như... "ma lạc" dặt về làng em  
Ngỡ cảm bức hoạ... nán xem  
Đàn cò cồng nắng vào đêm... rụt rè!  
Chập chờn từ phía bờ tre  
Trắng non kéo ngược mùa hè lên mây...

## Lời ru quần vai mẹ

NGUYỄN MINH NGỌC HÀ

Con lớn khôn theo từng lời ru mẹ  
Êm tiếng võng đưa kéo kẹt của bà  
Vai mẹ mời từ độ còn son trẻ  
Lung sớm còng bởi quang gánh đường xa

Đời của mẹ qua mấy mùa lam lũ  
Buồn xếp trong từng tờ bạc nhĩ nhàu  
Nổi cơn áo len sâu vào giấc ngủ  
Giọng ho khan át tiếng dế đêm thâu

Bàn tay mẹ vết chai nhiều vô kể  
Áp tay con thành mười ngón dịu dàng  
Những vết nứt bàn chân không đếm xuể  
Vun đắp đời con rộng mở thênh thang

Mẹ cần mẫn nghìn bước lùi cây mạ  
Đổi cho con một bước tiến vững vàng  
Mẹ khom lưng với ruộng đồng, rom rạ  
Con nhận về một dáng đứng hiên ngang

Đếm sao hết nỗi nhọc nhằn của mẹ  
Đong sao đầy biển tình mẹ bao la  
Con dẫu lớn vẫn mong làm đứa trẻ  
Nằm ngủ ngoan trong tiếng mẹ "ơi à...".

## Về thương lữ làng

HUỲNH THỊ KIM CƯƠNG

Ngày về đổ nắng lên đồng  
câu hò lam lũ trên dòng sông quê  
cải ngồng ở phía chân đê  
lữ thì con gái lồi về thên thang.

Để mèn túi phận khóc than  
tiếc hoài đám cỏ đồng hoang đã già  
đêm dài đỏ mắt phù sa  
cánh đồng nước nổi đi qua lữ bồi

Khói chiều từng cụm xa xôi  
gặt mùa kí ức bên đồi ngày xưa  
hỏi người nước mắt tan chưa?  
mà nghe nổi nhớ như vừa lạc nhau

Bông hoa nở muộn bên rào  
thì thâm với gió dạt dào đưa hương  
dừng chân ở cuối con đường  
gạn mùa chắc lép về thương lữ làng

Người về phía ấy thên thang  
bỏ tôi đứng lại muộn màng giấc mơ  
này sông năm tháng có chờ  
bên quê còn nhớ con đò sang sông?

## Tánh không

TRƯỜNG KHÁNH

Tánh không tịch cảm đạo giao,  
Một tâm hằng chiếu trăng sao mát dòng.  
Đạo tràng ảnh hiện sắc không,  
N như Lai thường trú giữa dòng đời trôi.

Dầu thiền động giữa mắt môi,  
Nửa hơi sô tức, một đời vút qua  
Thập phương chư Phật hằng sa,  
Trụ trong một niệm trên tà hoàng y.

Siêu phương kiềm siết sân si,  
Khai thông đạo lộ từ bi độ đời,  
Hồi hướng pháp giới ngàn nơi,  
Thiên gia nhất bát đầy voi gót mòn.

Tánh không là biển là non,  
Là kinh văn tụng vương tròn sớm khuya,  
Trở về chơn tánh nghe mưa,  
Giọt xuyên tục để nhạt nhòa trần gian.

Giọt vương đạo để Niết-bàn,  
Tánh không tuệ hóa từng trang thơ thiền.

## Thu về dưới mái trường

NGUYỄN TỬ

Hôm nay gió thu về  
Ve ngừng tiếng tái tê  
Phượng hồng thôi không rụng  
Ta tạm biệt miền quê

Giấy bút cùng cặp sách  
Áo mới với giày xinh  
Chuẩn bị ngày khai giảng  
Năm học mới của mình.

Sân trường nay vui nhộn  
Tà áo trắng bay bay  
Cô hoa mừng vui đón  
Bạn hữu với cô thầy

Bao câu chuyện ngày hè  
Tít tít kể nhau nghe  
Vui buồn không kể xiết  
Giấc mộng hè đê mê!

Gió thu luôn cành lá  
Nắng thu chiếu xôn xao  
Tiếng trống trường vang vọng  
Năm học mới bắt đầu.



# Long lạnh giọt lệ

TRƯƠNG VĂN DÂN

Tôi tình cờ gặp bà Tâm khi đến thăm và chăm sóc mẹ ở bệnh viện. Lần đầu gặp gỡ, từ hình dáng đến thái độ, không có gì để tôi phải chú ý ngoài chuyện bà thường cầm trên tay quyển sách, trong tư thế nửa nằm nửa ngồi, lưng dựa vào thành giường. Đôi mắt bà lúc ấy có vẻ chú ý nhưng những ngón tay bà gõ gõ lên thành giường, môi mấp má mà tôi không biết bà đang đọc, cầu nguyện hay đang hát. Tuy vậy cũng có lúc bà buông sách và lặng lẽ nhìn ra cửa sổ. Ánh mắt lúc đó sâu hun hút, bà ngồi bất động, không nói năng, ngay cả khi có y tá đến gần bà cũng không nhìn lên hay chào hỏi.

Chú ý quan sát tôi thấy tuy đang mặc áo quần người bệnh, tóc tai có lúc bơ phờ, nhưng khuôn mặt bà Tâm vẫn còn phẳng phất một nét thanh tú, bằng chứng của một thời xuân sắc. Đôi mắt dài và lớn, chiếc mũi thẳng, bờ môi đỏ mọng, và hai hàm răng, khi mấp má để lộ ra hai hàng trắng đều.

Hôm ấy chủ nhật, tôi ở bên mẹ đến chiều, và chú ý rằng bà Tâm chẳng có ai đến thăm. Trông bà có vẻ rất cô độc.

Nhưng có lẽ không phải thế!

Vì những lần sau tôi có thấy một người đàn ông đứng tuổi trò chuyện và chăm sóc bà tận tình và chu đáo.

Khi nghe bà rên khe khẽ, người đàn ông ấy thường nhẹ nhàng: *"Em nằm yên đó, để anh lau cho"*.

Mẹ tôi nói người này vẫn thường chăm sóc bà suốt cả tháng nay nên khiến nhiều người cảm động. Thế mà cô điều dưỡng cho hay là họ không phải vợ chồng. Và dường như khi họ quen rồi đến với nhau, thời gian chưa đến một năm thì ông nhận được tin bà bị nạn.

Thời gian đó bà bị chấn thương nặng và nằm liệt giường. Đôi bàn tay của bà còn quá cứng, mãi sau bà mới cầm được sách.

Cô điều dưỡng nói còn nghe kể lại là khi bà Tâm bị nạn ông này đã bán đi một mảnh đất ở quê để có tiền đưa bà đi chữa trị. Thế nhưng, phần lớn các bác sĩ đều cho biết là bà Tâm sẽ phải sống phần đời còn lại trên xe lăn. Nghe vậy mà ông vẫn không nản chí. Vẫn luôn túc trực bên cạnh. Tình yêu thời không còn son trẻ của ông bà đã khiến nhiều người ngưỡng mộ. Những cử chỉ âu yếm và tận tình của ông đã làm tan chảy trái tim của rất nhiều người.

Tuy đời sống khó khăn và thiếu thốn trong bệnh viện nhưng tôi thấy bà Tâm "có vẻ" hạnh phúc. Ánh mắt của bà long lạnh khi nghe tiếng chân ông bước vào phòng.

Chừng tháng sau, có một cô y tá mới đổi về được giao chăm sóc mẹ tôi. Tình cờ cô này lại là đồng hương

của bà Tâm nên qua trao đổi, mọi sự hiếu kỳ của tôi về người đàn bà này đều được giải đáp. Cô nói: *"bà Tâm là người đàn bà bất hạnh!"*.

Rồi câu chuyện kể của cô y tá hết đưa tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

\* \* \*

Tiếng cười sang sảng của chàng thanh niên đó đã mang lại cho bà Tâm tin yêu và đón nhận. Anh vui tính, tài hoa và... nên trong suốt cuộc hôn nhân, tuy không phải hoàn toàn tâm đầu ý hợp, nhưng bà phải nhìn nhận là so với nhiều người, mình có được nhiều thứ. Một cuộc đời bình yên, không sóng gió. Những đứa con bụ bẫm ra đời. Bà hết lòng thương yêu và chăm sóc những bông hoa xinh đẹp như những nụ hoa hồng.

Thời đó có lẽ cô Tâm chưa hiểu hết ý nghĩa của câu nói là bông hồng nào cũng có gai. Và trên đời còn có cả những chiếc gai định mệnh, mà dù có tránh đến đâu... trước sau gì thì bà cũng bị nó đâm xước vào da thịt.

Định mệnh là gì? Nó có thật hay chỉ là một điều không tưởng, thêu dệt để giải thích cho ăn khớp vào những sự việc đã xảy ra? Và có thật nó là một dòng dòng sông chảy xiết, mà ý muốn phản kháng của con người có gắng sức chèo ngược đến đâu rồi cuối cùng cũng phải trôi xuôi; không thể làm khác?

\* \* \*

Tôi bất ngờ khi nghe nhận xét sâu sắc và đầy triết lý của cô y tá. Khi thấy tôi nhìn mình, cô cũng bẽn lễn im lặng trong giây lát. Mãi vài phút sau, như thể vừa sắp xếp cho mạch lạc những chi tiết, cô chậm rãi kể tiếp câu chuyện về bà cụ mà mình đang quan tâm.

Thông minh. Xinh đẹp. Gia đình ba mẹ thuộc diện trung lưu, thời niên thiếu cô Tâm không vất vả gì nhiều. Đi học. Cô gặp Văn là tình yêu đầu đời rồi hai người trở thành vợ chồng khi cả hai đều đã tốt nghiệp đại học.

Vào đời, ông Văn làm việc cho một cơ quan xuất nhập khẩu của Pháp rồi sau vài năm tích lũy kinh nghiệm ông lập công ty riêng. Việc làm ăn suôn sẻ. Gia đình đầm ấm, không phải lo lắng gì về việc mưu sinh, nhưng ông Văn vẫn cho phép bà đi dạy, tuần ba buổi ở một trường gần nhà.

Cứ ngỡ cuộc đời sẽ lặng lẽ trôi. Không ai biết là sẽ có một cuộc đổi thay. Nó đến và xói tung mọi gốc rễ, làm xáo trộn gia đình. Công ty của ông Văn gặp khó khăn và trong một đêm căng thẳng và mệt mỏi vì lo nghĩ, ông ngủ một giấc dài và không tỉnh dậy.

Lúc đó con trai lớn vừa tròn năm tuổi còn đứa bé gái chỉ mới lên ba.



Trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó bà Tâm đã phải bỏ dạy để lèo lái công ty. Nhờ vốn ngoại ngữ và kinh nghiệm nhìn thấy ba mẹ làm ăn từ thuở nhỏ, chẳng bao lâu bà vực công ty khỏi những món nợ lớn và nhanh chóng chuyển hướng. Từ việc phân phối hàng cho nước ngoài, bà quay qua lập xưởng sản xuất những mặt hàng tiêu dùng.

Công ty làm ăn phát đạt. Bà Tâm hãnh diện về kết quả của mình. Nỗi buồn duy nhất của bà là dù rất mực thương yêu hai con nhưng vì quá bận, bà ít có thời gian ở bên cạnh chúng.

Bữa cơm gia đình càng ngày càng vắng vẻ. Ai nấy trầm lặng tự lo cho công việc của mình. Bà giao việc chăm con cho người giúp việc và anh tài xế. Áp lực kinh doanh không cho bà nhiều thời gian để dạy dỗ các con. Bà bù đắp sự thiếu hụt này bằng những thứ đồ chơi đắt giá và các món hàng xa xỉ.

\*\*\*

Ba mươi năm thế rồi cũng trôi qua. Bà Tâm sống như một chiếc máy đã lập trình. Chỉ trong những lúc rảnh rỗi hiếm hoi, nỗi buồn sương phụ mới có dịp chỗi lên nhưng bà đã cố giữ mình trong khuôn khổ. Rồi đến khi tuổi vượt quá 50, tóc nhuộm bạc, da mất đi

độ sáng... bà mới thấy thấm mệt về những cuộc chiến trên thương trường.

Và lại bây giờ cơ ngơi có sẵn, việc gì phải khó nhọc. Biết đủ là đủ, mà.

Chỉ những lúc ngẫm ngợi như vậy bà mới giật mình. Các con đã lớn, ai cũng có gia đình, ra riêng... căn nhà rộng chỉ mình bà thui thủi với người giúp việc.

Trong lúc chông chênh đó bà tình cờ gặp lại một đồng nghiệp cũ. Ông cũng là thầy giáo dạy văn. Khi có dịp ngồi cà-phê họ mới kể về hoàn cảnh của nhau. Góa vợ từ hai mươi năm, ông ở vậy nuôi con, và đến giờ con trai đã có gia đình và đang làm việc ở một thành phố khác.

Cô đơn. Đồng cảnh ngộ. Lại là những tâm hồn nhạy cảm vì cùng yêu thích văn chương... Sau lần cà phê đó, họ gặp nhau thường hơn. Những câu chuyện của họ thuần túy về những quyển sách mà cả hai từng đọc. Rồi sau đó họ dành thời gian đọc thêm sách để trao đổi với nhau. Không ai nói, tỏ bày gì, chưa một lần bước qua lẫn ranh bạn bè... nhưng cả hai đều biết là họ đang cảm thấy nhu cầu có nhau. Nhiều đêm bà Tâm nằm suy nghĩ. Mơ mộng. Tóc bà như bạc thêm. Chỉ có làn da là vẫn sáng, có lẽ do sau này bà có được niềm vui, tình cảm, và tâm trạng được sẻ chia.

Một hôm, khi ông Trung nắm tay bà và tỏ bày tình cảm, chừng tuổi này mà ông lấp bắp như chàng trai hẹn ước lần đầu. Một thầy giáo dạy văn mà câu chữ không mạch lạc, còn người đối diện thì cũng tinh thần bồn loạn, không biết có lắng nghe được gì không. Bà chỉ nhớ hai đôi mắt của ông và bà như hai tấm gương đặt đối diện, soi rõ một thứ hình bóng thật cụ thể của niềm cô quạnh.

Đêm đó về, bà trần trở, không ngủ được. Những ý nghĩ trái nghịch cứ trào về cấu xé lòng bà. Lau nước mắt, bà ngồi dậy, đứng thấp nhang trước bàn thờ chồng. Bà thổ lộ nỗi cô đơn và thẳm thì cùng ông về tình cảm quý mến người bạn xưa đang nhen nhóm trong lòng mình. Nhìn ánh mắt chồng như khẽ mỉm cười qua khung ảnh, có lúc bà cảm giác như người có lỗi. Nhưng nỗi cô đơn đang hành hạ bà. Có lúc nó nặng nề như đeo đá tảng. Minh ơi, gần ba mươi năm em đã làm tròn bổn phận người vợ và người mẹ. Giờ đây tuổi đã về già, con cái đã có cuộc sống riêng. Mong mình thấu hiểu và thông cảm cho em!

\*\*\*

Tùng là giáo viên, mà là giáo viên dạy văn nên bà Tâm rất hiểu và e dè và trước dư luận. Tuổi tác, người thân và bạn bè đồng nghiệp trên thương trường. Chần chừ... nhiều tháng nhưng chờ đến bao giờ... trong khi những năm tháng cuối đời hình như đang trôi nhanh. Bà phải tìm cách nói chuyện cùng hai con.

Nào ngờ phong ba bão táp cũng nổi lên từ đấy!

Bà Tâm không thể nào hình dung nổi hai người con ngoan hiền của mình đột nhiên lột xác. Họ dần vật, chì chiết mẹ mình bằng những ngôn từ kinh khủng. Cô con dâu, chàng rể cũng ngấm ngấm phụ họa. Nhưng thế cũng chưa đủ. Cả bốn người dặt dít nhau tìm gặp ông già "mất nết" kia, yêu cầu "hãy buông tha, đừng dụ dỗ mẹ tôi!".

Sau đó đến thăm, Sơn và Thúy không cho các cháu sà vào lòng bà như mọi khi. Tùng lời cay nghiệt của thằng Sơn cứ buông xuống trước mặt dâu, rể, các cháu. Với tâm hồn mong manh của một người mẹ, bà đau đớn oằn mình chống đỡ.

Và bà ngỡ là mình sẽ phải gục ngã sau câu gằn giọng của con Thúy: "*Mẹ làm sao thì làm, đừng để học trò cũ đến thăm nó cười vào mặt!*". "*Yêu đương gì tuổi này hả mẹ? Con thấy nhục với gia đình chồng*". Sơn còn tiếp lời em: "*Con phải cúi mặt với họ hàng, lối xóm. Bộ mẹ muốn chúng con chết mới vừa lòng sao?*". Bà còn đang chao đảo thì Sơn bồi thêm nhát cuối: "*Sắp xuống lỗ mà còn mê trai!*". Dâu rể của bà lăn ra ôm bụng cười, ngật nghèo...

Mà chúng nó đã nói gì vậy, hờ trời?

Nhục nhã? Mê trai?

Và sau buổi nói chuyện bà đã bị ném đi xa khỏi đời sống yên lành xưa cũ, càng lúc càng xa... và lạc mất đường về...

\*\*\*

Tuổi này thực ra bà đâu cần vật chất. Còn xác thịt thì sau bao năm ngủ yên cũng đã nguội lạnh mất rồi. Bà chỉ cần một tình bạn, một chia sẻ tinh thần. Hai tâm hồn cô đơn như hai chiếc nặng mới diu nhau đi được. Một chiếc thì quá khập khiễng, chông chênh.

Bữa hôm họp gia đình, đã có nhiều điều bà chuẩn bị trong tâm trí để trình bày với các con, nhưng diễn biến bất ngờ đã làm bà cảm lạnh rồi chôn chặt trong lòng. "*Yêu mẹ - không ai bằng ba các con. Nhưng hiểu mẹ thì có lẽ chẳng ai bằng người đàn ông này*". Đến tuổi này bà hiểu là rằng tình vợ chồng tuy thiêng liêng, cao quý, nhưng tình bằng hữu cũng không kém phần quan trọng trong đời sống của mỗi người. Người phối ngẫu đầu ấp tay gối chưa hẳn là người tri kỷ với mình và ngược lại người bạn tâm giao không nhất thiết phải là người vợ hay chồng mới có được sự đồng cảm. Bà không thể và cũng không dám nói ra. Vì chắc chắn là sau lời phân giải ấy các con sẽ xé thịt mẹ mình...

Ngay trong đêm ấy, khi soi gương bà thấy sắc mặt mình nhợt nhạt. Hai hàm răng cứ va đập vào nhau, lập cập như lên cơn sốt.

Nhưng nào có ai thấu hiểu nỗi đau thắt ruột của người mẹ góa cô đơn. Bà vật vã, ý nghĩ trào lên, ập xuống như những cơn sóng dữ. Có lúc bà như mang mặc cảm vì trót làm cho các con buồn. Nhưng cũng có lúc bà uất ức vì cái thời đại kinh khiếp này, nó kích thích con người đua đòi lối sống xa hoa đến nỗi vô cảm trước tình mẫu tử.

\*\*\*

Nhưng trong thâm tâm bà vẫn nghĩ, hay còn cố tình nghĩ, là các con đang sầu khổ vì chuyện bà chia sẻ tình cảm với người khác. Cùng lắm, là khi về hưu, chúng muốn bà được rảnh rang để có thể bông con, ẵm cháu, làm người hầu tin cậy và giữ con không lương cho chúng. Chứ bà làm sao ngờ là mọi chuyện chỉ là những tính toán thiệt hơn. Nếu không tình cờ nghe được cuộc trò chuyện của con Thúy với một cô bạn: "*Bà nghĩ coi, ông già đó trên răng dưới khổ, lương hưu chẳng được mấy đồng. Yêu thương gì. Chẳng qua chỉ muốn 'đào mỏ'. Nhưng đâu có dễ. Còn tụi tôi sờ sờ đây mà*".

Chỉ lúc đó mà mới ngộ rằng, cái tình yêu muộn màng trong tuổi xế chiều của bà đã bị các con quy đổi thành... tiền.

\*\*\*

Bà Tâm héo hắt. Thực sự bà vẫn cố nhủ lòng không dám tin là các con ngăn cản mình đến với tình yêu chỉ vì lẩn tránh chuyện tiền bạc. Xưa nay bà cứ tin là hai con thương bà, không nỡ xa bà và mãi đến gần đây bà còn ảo tưởng là chúng sẽ tận tay chăm sóc, nuôi dưỡng bà lúc về già.

Những lần họp gia đình về sau mọi chuyện mới rõ như ban ngày. Qua nhiều lần tranh cãi quyết liệt, nghe mấy chữ "*Nhà xướng ở Thủ Đức thế nào, căn nhà ở quận Hai Lọt vào tay ai...*" bà thấy hết cốt lõi vấn đề.

Đêm đó nằm một mình trong căn nhà vắng bà cay đắng bật cười. Thế ra bà đang có một quá khứ và hiện tại rất công kênh. Như một hành khách có quá nhiều hành lý, muốn bước vào toa tàu mà chưa tìm ra cách xếp đặt. Rồi ý tưởng lóe lên, để thôi, chúng sẽ hài lòng.

\* \* \*

Một ngày chủ nhật, bà cho gọi các con về, quyết định lập di chúc, chia đều tài sản. Bà chỉ yêu cầu các con một điều: Không ai được can thiệp hay ngăn cản bà về chuyện tình cảm với ông Trung. Trước đó bà đã chuẩn bị tâm lý đón nhận cuồng phong từ các con, nhưng thật bất ngờ hai đứa con yêu của bà tươi cười chấp nhận.

Rõ ràng là các con không cần bà, chúng chỉ lo sợ tài sản lọt vào tay người khác!

Tưởng thế là xong. Nhưng trong lúc ra về, lúc bước ra con Thúy dừng lại ở ngạch cửa: "À, má à, còn cái nhà này. Má chỉ một mình, ở nhà to làm gì. Con nghĩ là má nên bán để mua một căn nhà nhỏ hơn. Bán đi, để tiền cho các cháu nội ngoại của mẹ có tiền đi du học".

"Con Thúy nói đúng...", Sơn phụ họa. "... Má gạt đi rồi con giúp làm thủ tục cho nhanh. Con có nhiều bạn làm kinh doanh bất động sản".

\* \* \*

Chìm trong nước mắt, bà Tâm gục đầu lên vai người bạn cuối đời của mình mà nức nở. Ông Trung lặng yên để bạn mình trút sạch nỗi buồn. Mãi một lúc sau ông mới nói những lời chân tình: "Đáng lý là khi làm kinh doanh em cũng phải sắp xếp thời gian để sống bên cạnh và dạy dỗ các con. Nhưng em chỉ bù đắp cho con bằng tiền bạc và vật chất. Có nhiều tiền, sống phụ thuộc vào cha mẹ chúng sẽ thành những đứa con không còn ý chí, không có khả năng để quyết định một điều gì. Mà em cũng biết đó, đã bắt tài thì vô dụng chỉ là hệ quả".

Nói tới đây ông Trung bỗng dừng lại. Có lẽ ông đang đắn đo là có nên nói ra điều mình suy nghĩ hay không. Mãi sau ông mới nhẹ giọng: "Khi những đứa con bắt tài thì chúng biết mình không thể tự kiếm sống, để sinh tồn chỉ còn cách mưu mẹo hay thu tóm. Chúng cũng biết là không thể mánh lới với người đời nên sẽ sử dụng người thân như những con mồi. Lòng tin vào huyết thống sẽ tạo ra yếu tố bất ngờ...".

Nước mắt bà Tâm trào ra như đê vỡ! Ông Trung nhìn bạn, không biết là bà khóc vì tủi thân hay cay đắng nhận ra những lầm lỗi tai hại của mình.

Ông im lặng để chờ bà nín khóc. Mãi sau ông mới nói, vừa như giải thích, vừa như phân trần để làm dịu nỗi đau trong lòng bà: "Con người ta rất ghê gớm khi đụng đến tiền em ạ. Có một gia sản lớn là nguồn của những lo âu lớn. Sẽ không bao giờ được thanh thoi. Lòng luôn lo đấu tranh và đối phó với con cái, bà con, nhân viên, bạn bè... chưa kể gánh nặng thuế mà, thị trường, tranh chấp. Khi người ta biết mình có của, nhiều người chỉ nghĩ cách lấy đi. Xung quanh chỉ có kẻ thù. Dù em có làm điều tốt thì cũng không thể tránh được những va chạm.

*Suốt đời em phải canh giữ, lo âu, tâm trạng thường trực bồn chồn. Thực ra khi có một gia sản lớn, người ta tưởng là sở hữu một cái gì và trên thực tế chỉ là dây tó cho những người khác".*

Nghe ông nói, bà Tâm càng khóc to hơn! Sự tủi thân làm nước mắt bà không dừng lại được. Bà khóc đến lả người. Suốt đời bà hy sinh và chăm lo cho các con... nhưng lửa tham-ác của chúng đang đốt cháy đời bà.

\* \* \*

Sau ngày chia của, con gái, con trai, dâu rể, các cháu như biến đi vào cõi mịt mù. Bà Tâm chẳng còn lại gì ngoài một thân xác héo hon trong một gian nhà nhỏ.

Từ căn nhà mới sang nhà các con chỉ vài cây số, nhưng bà biết là từ nay con đường sẽ xa thăm thẳm. Chắc chẳng còn ai tha thiết đến đón bà về chơi hay phi thời gian để đến thăm bà.

Căn nhà này cách nhà ông Trung chỉ vài mươi mét, nhưng không hiểu tại sao hai người chỉ thường gặp mà thỉnh thoảng mới đến ở chung?

Một ngày cuối tuần, ăn sáng và uống xong viên trị thấp khớp, bà Tâm xoa xoa đầu gối rồi bước ra khỏi nhà.

Nghĩ đến chuyện đời và các con, mắt bà nhòe lệ, bước hụt chân nơi bậc tam cấp trước cổng nhà. Một cậu bé bị bất ngờ, không tránh kịp: chiếc xe đạp chồm lên, cán lên lưng bà.

Khi người ta đưa bà nhập viện, người bà nóng sốt, thật cao.

\* \* \*

Tôi lắng nghe câu chuyện của cô y tá mà người cứ nóng phùng phùng. Và trong chiều đó tôi vẫn chưa thấy ông cụ đến nên nhìn bà, ái ngại.

Lát sau tôi thấy bà nhờ cô y tá đưa lên xe lăn rồi đẩy ra phía hành lang. Đến cuối đường, bà ngồi yên, nhìn trời và khóc. Khóc ồ ồ. Hành động bất ngờ ấy khiến mọi người kinh ngạc và sửng sờ.

Cô y tá như đã quen với cảnh này, nên chỉ khẽ ngăn người ra một tí thôi. Chú mục quan sát tôi thấy bà đang nhìn về một cõi xa vời. Chân tay bà bất động.

Mãi sau cô y tá mới gọi tên, nhưng bà không nghe. Cô phải nắm vai bà lắc mạnh như đánh thức một người đang ngủ, bà mới tỉnh. Tỉnh rồi, bà quệt nước mắt, rồi mỉm cười, bình tĩnh như chưa có gì xảy ra.

Và trên nụ cười ấy, tôi nhìn thấy hai giọt lệ long lanh.

\* \* \*

Tuần lễ sau sức khỏe mẹ tôi tạm bình phục. Chúng tôi chuẩn bị đưa mẹ về nhà. Sau khi làm các thủ tục, trả lệ phí... tôi mang chút quà chạy đi tìm cô y tá để cảm ơn những ngày tận tình chăm sóc mẹ. Một câu hỏi chưa được giải đáp vẫn còn nằm trong lòng tôi như mắc nghẹn.

"Xin lỗi cô, hiện nay hai người con của bà Tâm đang ở đâu?"

"Thật là đáng trí! Thế mà tôi cứ tưởng là đã kể cho ông nghe rồi! Cả cậu Sơn và cô Thúy đều được các con du học ở Mỹ làm bảo lãnh và đã sang bên đó ba tháng trước!". ■



Lâm-tỳ-ni

# Chuyến tàu cuối thu

TRẦN ĐỨC TUẤN

**Đ**ó là một đêm rằm cuối thu (tối 14 rạng 15 tháng 10 âm lịch) năm Đinh Hợi 2007, khi trời tuyệt hảo cho các chuyến đi xa.

Mùa thu ở Bắc bán cầu được tính cho các tháng 9, 10 và 11 - vì tháng 12 đã vào đông, gồm các tháng 12, 1 và 2.

Chuyến đi hôm đó là vào đêm 23 rạng sáng 24 tháng 11 dương lịch. Con tàu sẽ chạy 12 tiếng đồng hồ, cắt ngang các vĩ tuyến Bắc từ 28°30' đến 25°30'. Đây là thời gian đẹp nhất trong năm đối với cư dân vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới (cả ôn đới cũng vậy) (Tương ứng với mùa thu ở Nam bán cầu, vào các tháng 4,5, và 6 dương lịch).

Vẻ đẹp mùa thu được thể hiện kỳ diệu trên mọi phương diện. Trước hết là khí trời mát mẻ dễ chịu, thậm chí se lạnh, tạo cảm giác tuyệt vời cho tư duy, cho tâm trạng, cho sự tỉnh táo sáng suốt và đặc biệt là cho tình yêu đối với con người, với thiên nhiên, tạo vật và cảnh tượng.

Sau hơn hai tuần lang thang trong vùng rừng núi Hy-mã-lạp, tận hưởng phong cảnh thần tiên và khí trời tuyệt đẹp trong bối cảnh thiên thời địa lợi tuyệt đỉnh đạo nguyên của tiết thu tàn, chúng tôi xuống núi để

cảm nhận vẻ đẹp của đồng bằng cho hết những ngày cuối thu, khi rừng cây đang vội vàng trút lá.

Khi còn quần quanh trên các đỉnh đèo Hy-mã, trong các quán rượu bên bờ suối, nhìn xuống các hẻm vực sâu nơi Hằng hà uốn lượn, tâm trạng đã thực sự cảm khoái bồi hồi vì thượng tuần tháng 11 trời đất đã thật sự bước vào tiết cuối thu, gợi cảm, gợi nhớ. Đã bao lần giai điệu "Buồn tàn thu" êm dịu văng lên trong tâm thức:

*Ai lướt đi ngoài sương gió  
Không dừng chân đến... em bẽ bàng  
Ôi, vừa thoáng nghe, em mơ bước chân chàng...  
... Nghe mùa thu chết,  
Nghe mùa đang rớt, rơi theo lá vàng...*

Tài hoa, tâm hồn của nhạc sĩ là một phần. Còn động lực, cảm hứng từ đất trời mùa thu mới là yếu tố chính để người đời có được một nhạc phẩm tuyệt vời đến thế.

Để tài mùa thu luôn quyến rũ, không chỉ khi ta đang đắm chìm trong khí thu mà còn trong suy nghĩ hoặc đang đàm luận về nó, không chỉ hiện lên trong hoài niệm mà cả trong họa phẩm, phim ảnh, ca khúc, văn thơ...



... Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ người  
 Đàn ghê, như nước lạnh, trời ơi...  
 Long lanh đáy sỏi vang vang hận  
 Trăng nhớ Tấm Dương, nhạc nhớ người...  
 (Xuân Diệu)

Khi nhẹ bước trên đất Phật, đất thánh, ta càng thấy sắc thu cảm thán tới mức nào, mới thấy sự trắc ẩn của lòng người trước thế sự nhân tình sâu nặng đến đâu. Không có sắc trời nào khiến cho nét đẹp của nỗi buồn đạt tới cung bậc tột đỉnh như mùa thu, nhất là tiết cuối thu. Nó giống như lòng người tê tái trong những cơn mưa rừng, mưa Huế, mưa trên sông. Tấn thâm kịch bi thương lụi tàn của đạo Phật trên đất Ấn Độ đã khơi dậy nỗi buồn u ám trong lòng lữ khách nhiều nhất trong những ngày qua. Đó không chỉ là tấn trò đời mà còn là một thảm họa về đạo đức, một sự dung tục của các giá trị nhân văn, với nỗi đau nhân thế lớn lao này, khi chưa bước chân lên miền đất Phật, có lẽ ta chưa thấu hết.

Mục tiêu du hành của chúng tôi là hòa vào dòng người ngoại quốc dọc ngang trên đất Ấn để tìm hiểu, để tận hưởng và để cảm nhận nhiều nhất những gì mà đất nước vĩ đại này đã đem lại cho thế giới, cho nhân loại. Một trong những phương tiện được ưa thích nhất là xe lửa. Chính những con tàu đáng yêu đã bao lần đem lại niềm cảm khoái phiêu du cho chúng tôi trên bao miền đất kỳ lạ, bao la trên thế giới. Lộ trình tìm hiểu cảm xúc đầu tiên trên xe lửa ở Ấn Độ là đoạn thiết lộ từ thủ đô Delhi đến thánh địa Phật giáo Sanchi kéo dài 12 giờ. Thời điểm xuất phát vào đúng đêm trăng rằm 14 rạng ngày 15 tháng 10 âm lịch năm Kỷ Hợi. Đó là khoảnh khắc đẹp nhất cho sự mở đầu của chuyến đi, bởi đêm trăng đã đẹp, trăng rằm lại càng đẹp và khi cảnh vật thần tiên đó đắm chìm trong tiết thu thì không còn gì huyền ảo hơn, nhất là khi chúng tôi có tới cả buổi tối ngắm trăng kéo dài năm tiếng đồng hồ trên sân ga để chờ tàu khởi hành chậm trễ.

Xin hãy chia sẻ các cảm xúc về tình yêu dành cho đêm trăng, cho trời thu với một số tác giả để cùng tôn vinh và cảm thụ tuyệt đỉnh cảnh sắc này:

... Gương nga chênh chếch dòm song  
 Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân...  
 ... Động cảnh mở lối trăng soi  
 Ánh xâu thành chuỗi ngọc đời, tặng em...  
 ... Chàng ơi, điện ngọc bờ vơ quá  
 Trăng chênh ngời trời bóng lẻ soi.  
 Hương giang nhất phiến nguyệt  
 Kim cổ hứa đa sầu...  
 ... Cao cao thu nguyệt chiếu trường thành...  
 ... Nghe bước chân người sương gió  
 Xa dần như tiếng thu đang tàn...  
 ... Ô hay, buồn vương cây ngô đồng  
 Vàng rơi, vàng rơi thu mệnh mỏng...



Lâm-tỳ-ni

Chỉ vài ngày trước đây thôi, núi rừng Hy-mã bao la dưới ánh thu vàng đã khiến lòng người ngậm ngất, thì giờ đây, trời thu Sanchi đang hiện dần, hiện dần trước khách viễn du như một chân trời vọng tưởng về quá khứ mệnh mỏng cùng bao giá trị thiêng liêng trước thế thái nhân tình. Sanchi nằm bên ngoài "Tam giác vàng du lịch" Delhi-Jaipur-Agra. Nếu ta kẻ một đường từ Delhi theo hướng Nam - Tây nam tới Agra rồi kéo dài ra một đoạn đúng như vậy là tới Sanchi.

Đây là một thị trấn lớn, có nhiều con đường tỏa ra khắp nơi, tức một đầu mối giao thông quan trọng ở miền Trung Ấn. Tuy nhiên, điều đáng nói nhất chính là danh tiếng lừng lẫy của nó: Sanchi là một trong năm thánh tích Phật giáo quan trọng nhất trên thế giới. (Bốn nơi kia chính là "Tứ động tâm" nổi tiếng gồm Lâm-tỳ-ni ở Nepal, nơi Phật đản sinh; Bồ-đề đạo tràng, nơi Phật thành quả, đắc đạo; Lộc Uyển, nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu; và Câu-thi-na, nơi Ngài nhập Niết-bàn). Trong năm thánh tích này, chỉ có Lâm-tỳ-ni và Sanchi được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới (Toàn Ấn Độ có 27 di sản, toàn thung lũng Kathmandu của Nepal có 7 di sản UNESCO).

Sở dĩ chỉ có hai trong số các thánh tích Phật giáo được vinh danh vì: Lâm-tỳ-ni là nơi Đức Phật ra đời và được A-dục vương chính thức xác nhận bằng cách dựng cột khắc chữ nói rõ đó chính là nơi Đức Phật ra đời, có đánh dấu tảng đá cạnh gốc cây Vô ưu, nơi Hoàng hậu Maya hạ sinh Thái tử Cổ-đàm. Điều đó cực kỳ quan trọng vì là bằng chứng cụ thể truyền đời cho hậu thế. Riêng Sanchi thì tầm quan trọng là không thể so sánh, vì đó chính là công trình kiến trúc Phật giáo khổng lồ do chính A-dục vương chủ trương, ra lệnh và theo dõi thiết kế thi công theo đúng ý tưởng của mình. Cần lưu ý: Nếu như Đức Phật là nhà truyền giáo vĩ đại nhất mọi thời đại trong lịch sử nhân loại thì A-dục vương chính là nhà truyền giáo vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo thế giới. Ta còn nhớ cả cuộc đời Đức Phật chỉ huyền ký hai việc: Đó là vua A-dục sẽ làm cho Phật giáo cực thịnh, và Long Thọ Bồ-tát sẽ truyền bá Đại thừa.

Sanchi được thế giới đánh giá có tầm quan trọng ngang bằng với "Tứ động tâm". Đó thực sự là một vinh dự,



Sanchi

bởi nó nằm ngoài con đường tu tập và hành đạo của Đức Phật, không phải là địa điểm mà Đức Phật đã có những hoạt động cụ thể trọng đại như ở Tứ động tâm, thậm chí không được như cả Khổ Hạnh Lâm hay Trúc Lâm.

Nói lên điều đó để thấy cái lý của UNESCO khi vinh danh Lâm-tỳ-ni và Sanchi. Riêng Sanchi, ngoài giá trị di sản vật thể, còn có các loại giá trị lớn khác như tư liệu, ký ức, văn bản. Trong sự vinh danh Sanchi thì ngoài việc suy tôn Đức Phật, còn là việc ghi công trân trọng đối với A-dục vương. Ông sinh năm 269, mất năm 232 trước Tây lịch, sinh sau Đức Phật 275 năm.

Việc đi lại của người nước ngoài tại Ấn Độ rất dễ dàng, thuận tiện: Máy bay tầm xa và tầm gần; xe hơi các loại (đặc biệt là cho tầm gần); và cuối cùng là xe lửa, loại phương tiện đại chúng, nhưng hầu như không thể đúng giờ, rất trở ngại cho chúng tôi, bởi mọi việc đã được lên lịch sít sao, khiến phải điều chỉnh bằng cách rút ngắn lộ trình hoặc bỏ bớt công việc. Tuy vậy, cũng vẫn phải cố đi cho được một số chuyến, đặc biệt là trên các tuyến chính, để trải nghiệm.

Ấn Độ là một trong những nước có hệ thống đường sắt rộng khắp, trên lãnh thổ lớn, cư dân lại đông đúc nên hoạt động hỏa xa khá sầm uất. Đó là khối tài sản quốc gia khổng lồ phục vụ cho đời sống xã hội rất đặc biệt. Dân nghèo đi xa thường bằng xe lửa, và giống như ở Trung Quốc, người dân ở đây nói chung có thói quen thích loại phương tiện này. Đây cũng là nơi mà tai nạn đường sắt hay xảy ra, khá nổi tiếng giống như việc chìm tàu thuyền ở nước láng giềng Bangladesh. Điều đặc biệt là khổ đường sắt Ấn Độ rộng nhất thế giới, tới 1,80 mét, nên toa xe khá rộng; khổ đường phổ thông trên thế giới là 1,435 mét (Đây chính là khổ rộng giữa hai bánh xe ngựa thời kỳ La Mã cổ đại). Việt Nam hiện vẫn dùng khổ 1 mét, thuộc loại lạc hậu nhất thế giới, chỉ còn lác đác ở một số nước nghèo. Công tác vận hành điều phối đang là một vấn đề của Ấn Độ. Việc khởi hành và tới đích không bao giờ chính xác về thời gian, mặc dù hệ thống đường đôi đã giúp cho các đoàn tàu ngược chiều không cần đỗ lại để tránh nhau. Việc chuyển tàu đi Sanchi khởi hành chậm năm tiếng đồng hồ là hoàn toàn bình thường, không có gì phải phàn nàn! Và nếu nó có đến chậm cả chục giờ cũng chẳng sao.

Tàu chạy rất êm, bằng động cơ điện, vì toàn tuyến đã điện khí hóa. Toa được chọn thuộc loại giường nằm hạng bình dân, mỗi khoang có sáu giường gồm bốn ngang hai dọc. Tốc độ chạy không cao. Các nhà ga lớn dọc đường rất đẹp, sân ga đều có mái che rất dài vì đoàn tàu kéo tới 20 toa. Có rất nhiều platform đặc trưng cho những ga tàu, chúng nằm song song với nhau và với đường ray, tất cả đều có mái đẹp, vì đường khổ lớn nên toa xe cũng rất lớn, nhất là chiều ngang.

Rời Delhi vội vã nên rất tiếc không đi thăm được ngôi đền vĩ đại bằng cẩm thạch vừa xây xong tại thủ đô. Hàng ngày có tới mười ngàn thợ lành nghề hoạt động chăm chỉ suốt năm năm chỉ để điêu khắc, tạo hình. Cũng chưa thăm được hệ thống tàu điện ngầm Delhi (một trong ba hệ thống metro của cả nước, ở ba thành phố lớn nhất).

Hành trình Delhi-Sanchi là một chuyến đi thú vị. Lần đầu tiên được đi lại, nằm ngổ trên một đoàn tàu dài, rộng thênh thang với khổ đường tới một mét tám thật thích. Thú vị, thoải mái. Cảm giác yên tâm, vững chãi rất rõ. Chúng tôi đã từng trải nghiệm loại khổ đường một mét tại Việt Nam, Campuchia, tuyến Côn Minh-Lào Cai; loại 1,435 mét ở Trung Quốc và nhiều nước, vì đó là khổ đường phổ biến trên thế giới; loại 1,50 mét ở Nga; 1,60 mét ở Tây Ban Nha; và chúng kiến cảnh thao tác thay khổ bánh xe cho vừa với khổ đường tại bên kia biên giới vì hai nước dùng hai khổ đường khác nhau. Thường thì rộng hẹp khác nhau là do trình độ phát triển khác nhau ở các nước, nhưng nguyên nhân chính là lý do an ninh, để phòng các đoàn tàu quân sự của quốc gia láng giềng có thể nhanh chóng vượt qua biên giới.

Đường xuống Sanchi không dài, dù mất tới 12 tiếng đồng hồ nhưng do dừng ở dọc đường nhiều. Ban đêm, tàu lướt qua nhiều thị trấn, đô thị, phố xá rực ánh đèn cùng nhiều xóm làng đồng ruộng chìm trong bóng tối. Cảm giác đi tàu bao giờ cũng lý thú, nhất là khi đi qua những khu vực trung tâm đất nước giàu giá trị văn hoá. Tuy nhiên, ấn tượng thơ mộng và lãng mạn nhất là cảnh mặt trời mọc vào sáng hôm sau. Đó là một dịp may hiếm có do đoàn tàu chạy theo phương Bắc-Nam, lại gần như thẳng tắp, nên nhìn qua cửa sổ bên trái có thể chứng kiến cảnh bình minh tráng lệ ở hướng Đông, cảnh mặt trời ló lên từ phía chân trời đỏ rực, cao dần, và, hay nhất là nó có vẻ như đang song hành, bỗng bồng bềnh cùng đoàn tàu, thật nhịp nhàng, gần gũi và thân thiện. Mặt trời lúc này có màu hơi đỏ, nhìn không chói mắt, đẹp như một vầng trăng rằm và lớn gấp hai lần kích thước bình thường của nó. Đó là do hiệu ứng khí quyển: khi đang ở thấp phía chân trời ánh sáng của nó truyền tới mắt ta phải xuyên qua một lớp không khí dày hơn rất nhiều so với khi nó đã lên cao. Cộng thêm với sương mù dày đặc trong cảnh thu đông mát mẻ, càng làm cho nó đẹp lên một cách huyền ảo, quyến rũ. Nhiều đoạn đường hơi cong cũng khiến nó đột nhiên



San chi

biến mất như trò trốn tìm rồi đột ngột tái hiện một cách tinh quái, duyên dáng.

Một trong những cảnh tượng đẹp đẽ, đáng yêu phi thường nhất mà con người tô điểm cho đất trời chính là hình ảnh con tàu uốn lượn, bề những đường cong huyền diệu, hoặc những đường thẳng hùng dũng, lao nhanh giữa thiên nhiên diễm lệ, mà bối cảnh có thể là một vầng trăng thu lạnh lẽo; một áng mây trôi ưu tư, lơ lửng; hoặc một chiều biên cương heo hút u buồn... Đó luôn là những hoạ phẩm vĩ đại mà nét bút của thiên nhiên và của con người hoà quyện, ghi tạc tài tình vào tâm hồn lãng mạn băng khuâng của kẻ lữ hành.

Đó cũng là lúc bức tranh thơ tuyệt mỹ của lòng người vẽ những chàng hiệp sĩ hoả xa giang hồ lãng tử ngày đêm tung hoành trên mặt địa cầu, trong đó có đường về đất thánh hôm nay.

Tuy nhiên, việc duy trì thần sắc quân tử phiêu du cho nó là cả một vấn đề nan giải. Nguyên nhân chính là khoản kinh phí khổng lồ đè nặng lên ngân sách và xã hội, mà hiệu quả kinh tế lại rất đáng quan ngại, thậm chí âm ảm, dưới áp lực cạnh tranh gắt gao của đường bộ và đường không. Ngay hệ thống xe lửa cao tốc ở châu Âu cũng đang thua lỗ nặng. Riêng ở Trung Quốc và ở Ấn Độ thì hiệu quả kinh doanh ra sao chúng tôi chưa biết, nhưng rất khó thoát khỏi cái vòng kim cô luẩn quẩn thất thu này. Xem ra, loại tốc độ vừa phải khoảng 200km/giờ với khổ đường đôi 1,435 mét là tối ưu về mọi mặt. Nhưng dù thế nào thì diện mạo "hoàng tử hào hoa" của những con tàu từng kiêu hãnh dọc ngang hàng trăm năm nay vì sự lúng túng kém cỏi của con người mà phải điều đứng suy thoái oan uổng dưới bàn tay vô cảm khốc liệt của quy luật thị trường, rồi

bị quên lãng tội nghiệp như những cổ tam tứ mã huy hoàng của La Mã cổ đại. Hoả xa đã và đang là thời kỳ hoàng kim, làm rạng rỡ bề mặt địa cầu. Hãy đừng bao giờ để cho những ngày tháng vĩ đại như thế lụi tàn!

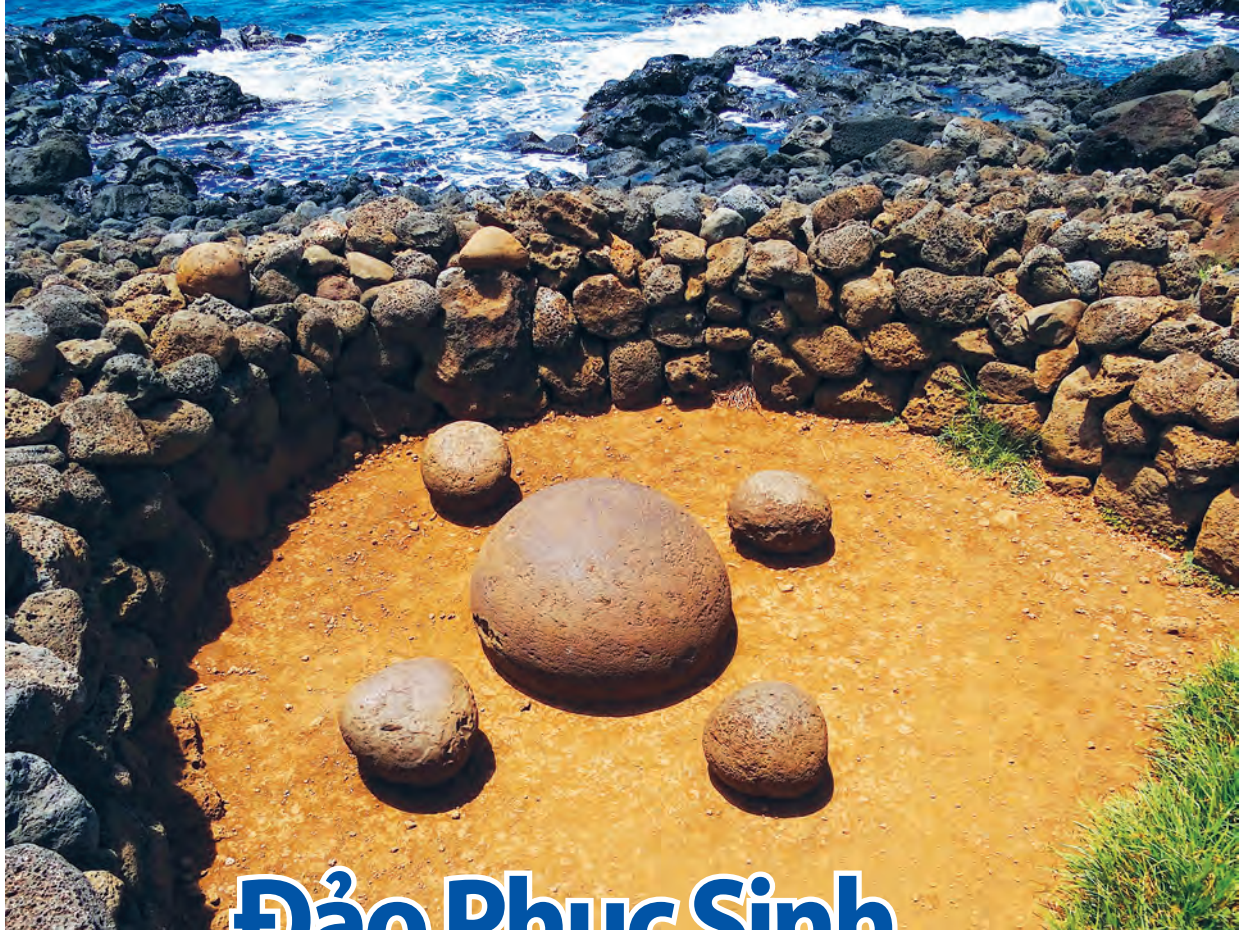
Xe lửa không chỉ là những tuyến đường ray dài bất tận, những đoàn tàu lộng lẫy, ngoạn nghệ, lê thê; những đụn khói phì nặng nề đầy tâm trạng; những tiếng còi thét vang tuyệt vọng; những nhà ga lớn như cung điện ở các đại đô thị, hoặc nhỏ bé, đơn côi, lẻ loi như điểm canh canh xóm nghèo.

Đó thực sự là bản phối cảnh gần như toàn phần sinh động của một bức tranh, là tác phẩm hoàn hảo của nghệ sĩ tạo hình...

Tuy nhiên còn có những phần khác, nhỏ bé, lác đác ở những góc phụ, ít làm người hoạ sĩ bận lòng. Đó chính là cái nhìn thấp thoáng ẩn hiện, âm thầm lặng lẽ dành riêng cho các nhà thơ:

*Những cuộc chia lìa khởi tự đây  
Cung đàn sum họp dứt từng dây  
Những đời phiêu bạt, thân đơn chiếc  
Lần lượt theo nhau suốt tối ngày...  
... Có lần tôi thấy một người đi  
Chẳng biết về đâu, nghĩ ngợi gì  
Chân bước hững hờ theo bóng lẽ  
Một mình làm cả cuộc phân ly...*

Rõ ràng không thể gọi đó là phần phụ chấm phá không đáng kể của bức tranh, mà chính là hơi thở thần kỳ phủ lên hoạ phẩm như một màn sương mầu nhiệm, với sứ mạng riêng biệt, góp phần thiêng liêng làm cho hoả xa trở thành bất tử trong tâm tưởng và bước chân của những kẻ lãng mạn giang hồ. ■



# Đảo Phục Sinh

## với bao điều bí ẩn...

PHẠM BÁ THỦY

**C**ác nhà khoa học đã cố công tìm hiểu, sau khi dựng những bức tượng thân bằng đá, người dân trên đảo Phục Sinh biến đi đâu. Những điều bí ẩn lạ lùng của đảo Phục Sinh cho đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ. Nhưng dường như đã có một số vấn đề đang được vén dần bức màn kỳ bí...

### Hướng mắt lên bầu trời

Đảo Phục Sinh (tên địa phương là Rapa Nui), một hòn đảo nhỏ nằm ở khu vực Đông Nam Thái Bình Dương, đã ám ảnh các nhà khoa học suốt nhiều thế kỷ. Dân cư của đảo đã đổ gọt và dựng lên gần một nghìn tượng thân bằng đá rôi... biến mất, để lại một số công trình vẫn còn dang dở, chưa hoàn thành. Dường như công việc đã bị ngừng lại đột ngột. Trên đảo hiện vẫn có một số ít người bản xứ nhưng họ không hề biết bất cứ điều gì về số phận của tổ tiên mình.

Đảo Phục Sinh được phát hiện gần như tình cờ vào đầu thế kỷ XVIII. Công ty Tây Ấn đã thuê thuyền trưởng người Hà Lan Jacob Roggeven để tìm kiếm một số hòn đảo nằm giữa Nam Mỹ và Úc. Thuyền trưởng Jacob Roggeven, được mệnh danh là "con sói biển già đời", đã làm việc chuyên cần và sau gần một năm nghiên cứu, ông đi đến kết luận rằng thực tế không có vùng đất rộng lớn nào trên đường từ Chile đến Úc; tuy nhiên, trong số ít những hòn đảo hoang mà ông tìm thấy có một hòn đảo hoàn toàn độc đáo - Đảo

Phục Sinh. Theo truyền thống hàng hải bất thành văn thời bấy giờ, những vùng đất mới được đặt tên theo ngày lễ tôn giáo gần nhất với ngày phát hiện của họ. Đảo này được phát hiện trong dịp lễ Phục Sinh năm 1722, và vì thế được gọi tên là đảo Phục Sinh. Đảo này được chính quyền Chile công bố chủ quyền vào năm 1888.

Trên đảo Phục Sinh từng tồn tại một nền văn minh phát triển - đó là sự thật. Bằng chứng là những bức tượng thân bằng đá được dựng đều khắp trên đảo. Những bức tượng này được gọi là tượng *moai*. Theo hầu hết các nhà nghiên cứu, những tộc người man dã chắc chắn không đủ sức lực và trí lực để điêu khắc và dựng lên những bức tượng đá nặng hàng chục tấn, có chiều cao từ 3 - 20m, mà quan trọng nhất là sắp xếp, bố trí chúng một cách rất khoa học và mỹ thuật khắp đảo.

Nhà văn và là nhà thám hiểm người Thụy Sĩ Eric Von Daniken nhận xét: "*Những công việc phức tạp như vậy chỉ có thể do người ngoài Trái đất thực hiện! Không phải*



vô cơ mà ánh mắt của tất cả các bức tượng moai đều hướng lên trời”.

Theo ông, người ngoài hành tinh đã tình cờ đáp xuống hòn đảo này có lẽ do con tàu của họ bị trục trặc kỹ thuật. Trong khi sửa chữa con tàu, họ tiêu khiển bằng cách điêu khắc tượng bán thân thể hiện chính bản thân mình. Vì thế, khuôn mặt của các bức tượng đều rất dài, không tương ứng với tỉ lệ mặt người. Sau khi sửa tàu xong, các du khách không gian đã vội vã bay đi, để lại nhiều bức tượng chưa hoàn thành. Quả là một giả thuyết giàu tính văn chương!

Trong tác phẩm “Giáo điều kỳ bí”, nữ triết gia và là nhà thông thiên học Helena Blavatskaya cũng đưa ra một giả thuyết không kém phần... bí hiểm. Bà cho rằng đảo Phục Sinh là một phần của Lemuria - một đất nước huyền thoại. Trong số cư dân sống trên đảo, ngoài người Lemuria còn có người Atlantea, tức là những người sống sót sau khi lục địa Atlantis bị chìm xuống đáy biển. Theo truyền thuyết thì cả hai giống người này đều rất cao, có thể từ 7 - 18m. Vì vậy, đối với họ, việc chế tác và lắp đặt những bức tượng cao cỡ 10 m không có gì là khó. Nhưng rồi xảy ra một trận đại hồng thủy, từng được nhắc đến trong truyền thuyết của người bản địa: “*Từ trên bầu trời và từ bên trong lòng đất sấm sét bùng nổ ra, nước biển dâng cao ngàn ngạt...*”, khiến hòn đảo chìm nhanh xuống biển. Tuy nhiên, theo bà Blavatskaya, vài thế kỷ sau, mảnh đất này đã trôi lên từ dưới đáy biển. Khi đảo trôi lên, nhiều bức tượng vẫn còn ở trong tư thế gần như ban đầu, nhưng cũng có vài bức đã bị ngã đổ trong quá trình “sụt xuống - trôi lên”.

### Những người... có cánh

Giả thuyết thứ ba, được phần lớn các nhà khoa học tán thành: do lỗi của người dân bản địa nên trên đảo đã xảy ra thảm họa sinh thái, khiến một góc thiên đường bị biến thành hoang mạc. Nhà địa sinh học Jared Diamond phát biểu trên kênh truyền hình Mỹ Discovery: “*Số lượng dân cư trên đảo Phục Sinh ngày một tăng và họ bắt đầu đốn gỗ nhanh hơn khả năng hồi phục của rừng. Cây cối bị đốn hạ để làm chất đốt, làm vật liệu xây dựng... Nhiều khu rừng bị tàn phá để lấy đất cho sản xuất nông nghiệp. Hậu quả là tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước trở nên vô cùng cấp bách. Không còn rừng để giữ độ ẩm, hạn hán bắt đầu xảy ra, nước mạch và nước suối khô cạn. Đất đai mất dần độ phì nhiêu, làm giảm hiệu quả canh tác. Trong tình trạng khó khăn chồng chất đó, người bản xứ bắt đầu chế tác và dựng lên những bức tượng đá để cầu khẩn các vị thần. Nhưng các vị thần đã không giúp đỡ. Một nền văn minh phát triển cao đã*

hoàn toàn sụp đổ khi con người buộc phải tiêu diệt lẫn nhau trong cuộc chiến sinh tồn”.

Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu theo thuyết khoa học thần bí tin rằng cho đến ngày nay, cư dân bản địa của đảo vẫn nhất mực che giấu những kiến thức cổ xưa của tổ tiên mình. Rất có thể chúng tồn tại đâu đó trong các tài liệu cổ của người bản địa - dưới hình thức văn bản cổ ngữ *rongo rongo*. Cho đến nay, nhà khoa học vẫn không thể giải mã các dấu hiệu được khắc trên mặt nhẵn của những phiến gỗ và các hình vẽ thể hiện những người có cánh, những sinh vật hai chân kỳ lạ, những con vật dị kỳ, những hình xoắn ốc khó hiểu... Lăn nọ, một người dân địa phương đã thú nhận với các nhà nghiên cứu rằng tổ tiên sẽ trừng phạt bất cứ ai tiết lộ cho người ngoài biết ý nghĩa bí mật của những hình vẽ này.

Thế nhưng tất cả những giả thuyết hấp dẫn trên đây dường như đã sụp đổ, nhường chỗ cho một luận thuyết thuần túy khoa học.

### Nhiễm bệnh từ cựu lục địa?

Hai nhà khảo cổ Carl Lipo thuộc Đại học California và Terry Hunt thuộc Đại học Hawaii (Mỹ) đã chứng minh rằng trên đảo Phục Sinh chưa bao giờ tồn tại một nền văn minh tiên tiến, mặc dù những bức tượng nọ là do người bản địa tự chế tác. Mục đích của việc chế tác và dựng những bức tượng kỳ dị là để dọa nạt kẻ thù từ ngoài biển.

Những bức tượng trên đảo Phục Sinh được chạm từ tuff (đá xốp núi lửa, gần giống với ngưng thôi thạch). Tuff hình thành từ tro núi lửa, nóng chảy vì sức nóng của dòng dung nham, khi nguội thì đông kết lại giống như đá. Các bức tượng được chế tác ở gần miệng ngọn núi lửa Rano Raraku trên đảo (đã ngưng hoạt động từ thời tiền sử) và được vận chuyển tới các khu vực nằm trên bờ biển với sự trợ giúp của ván, dây thừng, đòn bẩy và con lăn bằng gỗ. Nhiều thực nghiệm khác nhau đã chứng minh rằng phương pháp này là khả thi. Thật vậy, chỉ cần 12 người với các công cụ hỗ trợ nói trên là có thể vận chuyển và dựng một bức tượng đá nặng 20 tấn trong vòng 18 ngày.

Ngoài ra, các nhà khoa học đã xác định rằng chân của các bức tượng không phải đã được chôn một cách sơ sài xuống đất mà bên dưới mỗi bức tượng đều có một tấm đá dày dùng làm bệ đỡ, chỉ có điều chúng được đặt dưới đáy một cái hố sâu.

Tiến sĩ Carl Lipo khẳng định: “*Người bản xứ chỉ biến mất sau khi có sự xuất hiện của người Hà Lan từ năm 1722. Họ đột ngột bị chết hàng loạt. Người châu Âu đã lây nhiễm cho họ một loạt bệnh nan y như hoa liễu, lỵ, phong, lao, tả, đậu mùa, v.v. Kết quả là những căn bệnh này đã giết chết gần như tất cả cư dân trên đảo*”. Như vậy, theo ông, trên đảo Phục Sinh không hề xảy ra thảm họa môi trường như xưa nay người ta lầm tưởng. Ông cũng cho rằng trên đảo có thể từng có rừng dừa, nhưng đã bị tàn phá không phải do con người mà do lũ chuột “quá giang” từ châu Âu trên những con tàu của thực dân Hà Lan. Thời ấy, trên đảo chưa có những loài





thiên địch của chuột nên chuột sinh sôi rất nhanh. Chúng rất khoái ăn dứa, vì thế không một quả dứa nào có thể nảy mầm. Do vậy, rừng dứa trên đảo lụi tàn dần.

### Những ý kiến hoài nghi

Nhà khảo cổ học người Anh Paul Ban thì cho rằng cư dân đảo Phục Sinh tự giết nhau. Ông phát biểu: *“Nếu kết hợp những phát hiện khảo cổ với các truyền thuyết dân gian còn lưu hành, chúng ta sẽ có được một bức tranh hoàn toàn khác. Một truyền thuyết kể rằng trên đảo có một số người tai rất dài, ấy là do đồ trang sức nặng kéo thùy tai trĩu xuống tận vai. Người tai dài thuộc giai cấp thống trị, người tai ngắn chủ yếu là các công nhân mỏ đá. Vào khoảng thập niên 1680, khi dân số tăng quá cao, đất không thể nuôi đủ mọi người, người tai ngắn nổi loạn và giết chết gần như toàn bộ giai cấp tai dài. Sau đó, trong tình trạng “vô chính phủ”, họ giết chết lẫn nhau. Bằng chứng là hàng nghìn đầu mũi tên được tìm thấy trên đảo”.*

### Ước tính dân số đảo Phục Sinh

Các nhà khoa học đã tính toán số lượng cư dân của đảo Phục Sinh ở đỉnh điểm phát triển và kết luận rằng nền văn minh này có cơ cấu xã hội phát triển và đủ nhân lực để tạo ra và dựng lên hàng trăm tác phẩm điêu khắc khổng lồ trên khắp hòn đảo.

Trên đảo Phục Sinh vào thời kỳ hoàng kim của nền văn minh, có khoảng 17 nghìn người, đó là kết luận của các nhà nhân chủng học từ Đại học California. Vào năm 1774, nhà hàng hải trứ danh James Cook đã đến đây, sau khi xem xét toàn bộ hòn đảo, đã viết trong nhật ký rằng đây là một vùng đất nghèo nàn, dường như bị thượng đế bỏ rơi, dân số chỉ khoảng một nghìn rưỡi đến ba nghìn người.

Theo nhà nghiên cứu Cedric Puleston, biến cố đáng buồn khiến cư dân đảo biến mất có thể xảy ra do xung đột nội bộ, hoặc do suy thoái đất nông nghiệp gây nên tình trạng thiếu lương thực.

Nhưng các nhà khoa học thuộc Đại học California đã đánh giá về quy mô dân số tùy thuộc vào năng suất cây trồng - tức là ước tính số người mà diện tích đất canh tác có thể nuôi sống.

Các nhà nghiên cứu đã đặt sáu trạm khí tượng thủy văn

tại các khu vực khác nhau của hòn đảo và ghi nhận các chỉ số trong hai năm, sau đó kết luận rằng 19% diện tích hòn đảo (tổng diện tích 164km<sup>2</sup>) có thể được sử dụng để trồng khoai lang, cây lương thực chính ở Polynesia.

Sau đó các nhà nghiên cứu mô phỏng sản lượng khoai lang tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên và hàm lượng nitơ trong đất. Kết quả cho thấy mức thấp nhất mà lượng khoai lang đủ nuôi sống là 3.500 người, mức trung bình là 17.500 (với hàm lượng cao của nitơ trong đất), mặc dù dân số có thể đạt hơn 25 nghìn người (nhờ các nguồn lương thực bổ sung khác).

Các nhà khoa học kết luận: *“Nếu chúng ta so sánh các đánh giá nông nghiệp ở đảo Phục Sinh với các ước tính trên các hòn đảo khác của Polynesia, thì dân số 17,5 nghìn người trên một hòn đảo có kích thước này là khá hợp lý”.*

### Hòn đảo kỳ lạ đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn

Đến nay đã có nhiều giả thuyết đặt ra để giải thích tại sao một dân tộc bán khai mà có khả năng khắc chạm, vận chuyển, dàn dựng trên bệ cao loạt tượng đá khổng lồ như vậy nhưng vẫn chưa có giả thuyết nào hoàn toàn thuyết phục. Trong vách ngọn núi lửa Rano Raraku còn khoảng 400 tượng *moai* đứng, nằm nghiêng ngả, còn nhiều tượng tạc nằm sâu trong lòng đất và không biết bao nhiêu tượng dang dở trong vách đá. Tượng lớn nhất có chiều dài đến 21 mét. Điều thú vị là không thể tìm ra hai bức tượng giống nhau do mỗi gương mặt tượng được khắc theo hình nét của một vị thần nào đó.

Ngày nay, Chính phủ Chile chú tâm khuyến khích phát triển du lịch trên đảo Phục Sinh. Thị trấn Hanga Roa được thành lập, là đơn vị hành chính và cũng là điểm dân cư duy nhất trên đảo. Một số khách sạn nhỏ đã được xây dựng ở đó để phục vụ du khách, đồng thời một sân bay nhỏ (có tên Mataverly) cũng đã được xây dựng và đi vào hoạt động, đưa đón du khách từ thủ đô Santiago đến đảo. Du khách cũng có thể đến đảo bằng đường biển, trên những con tàu khách khá sang trọng.

Đảo Phục Sinh có hình tam giác, diện tích 163,6km<sup>2</sup>, nằm cách bờ biển Chile khoảng 2.500km.

Hòn đảo này không chỉ hấp dẫn du khách ở những bức tượng kỳ lạ này mà còn có nhiều đền thờ nhỏ lạ mắt gắn với nhiều câu chuyện thú vị. Một điểm tham quan phổ biến khác là cột mốc khó hiểu được dân địa phương gọi là “Cái rốn của Trái đất”.

“Cái rốn của Trái đất” bao gồm một tảng đá tròn xoe lớn hơn vòng tay người ôm được đặt giữa những khối đá thô bao quanh. Tảng đá trung tâm không chỉ trơn nhẵn và có hình tròn hoàn hảo mà còn phát ra từ tính rất mạnh. Khi người ta đặt một chiếc la bàn bên trên đá, ngay lập tức tảng đá này sẽ làm kim la bàn bị mất phương hướng. Hiện tại có bốn hòn đá được đặt xung quanh tảng đá từ tính này tượng trưng cho bốn mặt của la bàn. Cho đến nay, chưa ai rõ nguồn gốc của tảng đá kỳ lạ này. ■

\* Ảnh của tác giả



Miền đất tôi qua

# Làng cổ Nhật Bản

TRẦN VỌNG ĐỨC

**N**hật Bản là một đất nước diệu kỳ không chỉ trong phát triển mà cả về bề dày văn hóa độc đáo và đặc biệt là tinh thần Nhật Bản. Đến với xứ sở “Mặt trời mọc”, cảm nhận luôn sâu nặng, đa chiều. Năm 2018, Nhật Bản đón hơn 30 triệu du khách, dự báo năm 2020 con số này là 40 triệu. Đất nước này có nhiều quyền rũ mà làng cổ là một phần đậm sâu trong số đó.

## Phố cổ Takayama

Takayama, có nghĩa là ngọn núi cao, là một thành phố nằm ở tỉnh Gifu, miền Trung của Nhật Bản, rộng 2.177km<sup>2</sup> với hơn 93 ngàn dân, tức là diện tích tương đương nhưng dân số chưa bằng một phần trăm so với thành phố Hồ Chí Minh. Khu phố cổ Takayama được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa thế giới. Từ cố đô Kyoto, tôi mất ba giờ xe lửa để đến được nơi này. Rất tiếc là không vào dịp diễn ra cả hai lễ hội lớn bậc nhất Nhật Bản tại đây. Đó là lễ hội mùa xuân cầu chúc mùa màng bội thu, diễn ra giữa tháng tư và lễ hội mùa thu vào đầu tháng mười nhằm tạ ơn thần linh. Con sông cận Miyagawa xẻ giữa phố thị, nước trong vắt chảy xiết, rù bóng ven bờ là những cây anh đào cổ thụ, thân phủ rêu phong, hoa trắng ngần ngời. Đứng trên chiếc cầu nhỏ gần chợ sáng Miyagawa Morning Market, cảm nhận rất rõ không gian của thanh bình và mộng mơ. Một điều thú vị là có hai bức tượng đồng đối mặt nhau hai bên thành cầu. Đây là hình ảnh hai con yêu tinh trong truyện dân gian Nhật Bản. Con chân dài đảm nhận việc lội nước, công trên lưng con tay dài làm nhiệm vụ bắt cá. Vì là yêu tinh nên cả hai con mặt mày đều nhăn nhó bặm trợn. Giữa một thế giới ngày càng đậm xu hướng

cá thể hóa, vội vã và hung bạo, thông điệp từ hai bức tượng này tôi nhận được rằng, yêu tinh ma quỷ còn biết hợp tác, yêu thương nhau trong cuộc sống, hướng chi con người.

Khu chợ sáng, họp từ sáu rưỡi đến 12 giờ, nằm ngay trên một đoạn đường ven sông. Người qua lại tấp nập nhưng không ồn ào. Hàng hóa bày trên quầy sạp hai bên đường là nông sản tươi ngon do dân địa phương nuôi trồng và đồ lưu niệm mà nổi tiếng nhất là búp bê Sarubobo, tức là chú khỉ con, được coi là bùa may mắn cầu duyên, mẹ tròn con vuông và cũng là linh vật biểu tượng của Takayama. Thường thì chú khỉ con này có đầu nhưng không có mắt mũi miệng. Ấy là bởi mong muốn dành cho người ngắm tùy thích tưởng tượng buồn vui theo tâm trạng của mình mà không bị áp đặt. Tại một góc chợ, tôi chú ý đến sạp bán các bưu thiếp và tranh thư pháp. Chủ sạp là một người đàn ông với trang phục truyền thống kimono mùa hè màu đen, chiếc nón đan bằng những thanh tre, đội sụp xuống che kín mặt. Bàn tay trần hơi gân guốc cho ánh chừng độ tuổi 40. Kể cả khi đứng để trao đổi với khách và khi ngồi để nắn nót viết thư pháp bằng bút lông, ông cũng không lộ mặt, chỉ thấy dáng cúi đầu hết sức nhã nhặn và tận tâm. Tôi có cảm nhận, người Nhật có xu hướng ẩn mình, cái tôi chìm lặng trong cái chung.

Sanmachi Suji là khu phố cổ nổi tiếng của Takayama, chỉ cách chợ sáng hơn năm phút đi bộ. Phố xá nơi đây nhỏ hẹp, san sát những dãy nhà truyền thống không quá một tầng lầu. Lễ đường ở cả hai bên đều có mương đưa nước từ núi về, chảy thành dòng trong vắt, gia tăng độ thoáng mát cho không gian nhờ chùng chật hẹp. Những ngày oi bức, nước từ mương có thể được mức

hất lên mặt đường để chống nóng. Các căn nhà đều được sơn màu nâu đen, vách và cửa bằng những thanh gỗ ốp dọc hoặc chia ô, mái ngói có máng hứng nước mưa, trông thanh thoát, ấm cúng và trầm mặc. Có nhà cổ tuổi đời đã 400 năm. Nhà truyền thống Nhật Bản với rất nhiều cửa trượt thường gây cho tôi cảm giác bí ẩn, bất ngờ. Mỗi khi một cánh cửa trượt mở là ủa về một không gian mới lạ và riêng tư. Có không gian để nghỉ ngơi, hòa nhịp với cuộc sống đời thường. Lại có những không gian để chiêm nghiệm, hoài niệm và mộng mơ.

Hầu như tất cả các căn nhà đều là cửa hàng bán đồ lưu niệm, quán ăn, quán cà-phê và độc đáo hơn cả là quán bán rượu saké. Từ xa, rất dễ nhận ra các quán bán rượu do trước cửa nhà thường đặt hoặc treo một cuộn lá tuyết tùng tròn vo, đường kính có khi tới một mét, có thêm vòng nơ đồ hoặc sợi dây thừng màu trắng trang trí, trông rất ngộ nghĩnh. Cây tuyết tùng lá kim được xem là nơi trú ngụ của thần linh, giúp xua đuổi tà ma và là thông đạo nối với thượng giới. Sau mỗi vụ thu hoạch lúa gạo, những mẻ saké mới ra đời và gia chủ thông báo với mọi người bằng việc thay cuộn tuyết tùng mới. Có hàng trăm loại saké do hàng chục cơ sở ở Takayama sản xuất.

Tôi vào một cửa hàng lớn của cơ sở sản xuất saké Miyamagiku. Trên khắp quầy kệ, bày cơ man các loại saké đựng trong chai thủy tinh, bình sứ và hộp giấy, khiến cho việc chọn lựa trở nên khó khăn đối với kẻ không sành rượu. Có cả sơ đồ chi tiết qui trình chưng ủ saké. Không thấy bất cứ người bán hàng nào, khách hàng tự do đi lại soi ngắm hàng. Khi chỉ cần tỏ chút chần chừ, muốn tìm hiểu về một mặt hàng nào đó thì ngay lập tức có nhân viên xuất hiện, sẵn sàng giải đáp. Đây là kiểu bán hàng khá phổ biến ở Nhật, giúp người mua hoàn toàn thoải mái, không sợ bị chèo kéo hoặc ngại ngần khó xử nếu không mua hàng.

Cửa hàng chủ yếu bán rượu đem đi nhưng nếu muốn thưởng thức có thể nếm miễn phí. Uống nhiều hơn thì mua lẻ. Nhiệt độ saké khoảng 15 đến 17 độ, ủ lạnh hoặc hâm nóng tùy sở thích, kiểu nào cũng thấy ngon. Tôi bỏ 250 yên mua một phần rượu 90ml hâm nóng, đựng trong một chén gỗ hình vuông có chạm tên quán bên ngoài. Chén, đĩa và muỗng đều làm bằng gỗ sa mộc.

Chỉ với một cú rót rất điệu nghệ của ông chủ quán, chén rượu đã đầy mấp, bề mặt rượu hơi căng phồng lên nhưng vẫn không tràn ra ngoài. Tôi bung chén rượu bằng cả hai tay, rón rén bước ra ngoài khoảng sân trong lòng nhà, nơi có đặt một vài bộ bàn ghế mộc mạc. Tất cả các bàn đều kín khách. Tôi đang lưỡng lự thì đã có ngay một đôi trai gái đứng dậy, tợp hết phần rượu trong chén và vui vẻ nhường chỗ. Đây lại là cách ứng xử rất tinh tế thường thấy ở người Nhật. Khách hàng tự thấy nếu mình là người ngồi lâu hơn khách khác là tự giác rời chỗ. Họ rất ý tứ, không tỏ thái độ mời gọi, nhường nhịn, cũng không nhìn vào người mới, để tránh gieo cảm nghĩ ban ơn. Ngồi quanh khoảng sân kiểu giếng trời, trong không gian thân thiện và dịu mát, thưởng thức từng ngụm saké nóng hổi mà lòng nhẹ tênh thanh thản. Thanh thản là tài sản thầm kín của mọi người, không phân biệt tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, giàu nghèo. Giữa bề bộn, căng thẳng của bao lo toan, lòng thanh thản bỗng trở nên thui chột, khan hiếm.

Nói thêm về chuyện ứng xử của người Nhật mà tôi gặp tại Takayama. Ấy là khi đi thăm một di tích cổ nhưng tìm không ra. Hỏi một người đàn ông đang chống ba-toong đi trên đường, thật không may, ông không phải là người cư ngụ nơi này, nên cũng không biết dù đã cùng tra cứu bản đồ. Vậy là chúng tôi hợp cùng nhau chặn thêm hai nhóm người đi đường để dò hỏi, cũng không tìm ra điểm đến. Tôi đành chia tay ông và quyết định đổi điểm tham quan, vào một ngôi đền thăm u, nguy nga và quyền rũ gần đó. Hơn nửa giờ sau, khi ra khỏi đền, bất ngờ gặp lại ông lão chống ba-toong. Ông đang đi tìm tôi để báo rằng đã hỏi ra được đường đến điểm tham quan mà tôi đã hủy bỏ. Đường đi bộ khá xa, lưng căng rã rời, tôi được ông kèm đi trong tâm trạng vừa biết ơn ông, vừa muốn trốn chạy khỏi ông, trốn chạy một tấm lòng quá đổi nhân hậu qua đường.

Đêm Takayama rất thanh vắng, yên bình. Thành phố có nhiều khách sạn, nhà lưu trú nhưng tôi muốn trải nghiệm một loại hình mà mình chưa từng trú ngụ, đó là khách sạn con nhộng (capsule hotel). Sora Ama Hostel là khách sạn kiểu con nhộng chỉ cách khu phố cổ chừng mười phút đi bộ. Phòng ngủ gồm dãy khoang hai tầng bằng gỗ, có máy điều hòa nhiệt độ và wifi miễn phí. Mỗi khoang dài chừng hai mét, rộng và cao chừng một mét, có nệm mềm gối, khăn tắm, ổ cắm điện, đèn đọc sách, máy hút gió, móc treo quần áo, hộp gỗ cất đồ vật. Va-li, ba-lô để ngoài lối đi, chẳng ai dòm ngó. Khoang ngủ chỉ để ngủ. Bếp ăn, nhà vệ sinh dùng chung ở phòng ngoài. Khu vực bếp khá đầy đủ tiện nghi như bàn ăn, lò viba, tủ lạnh, nồi niêu xoong chảo, gia vị, trà, cà-phê, ly tách, chén đĩa, máy giặt. Thú vị nữa là có thêm cả máy sấy giày, sạc pin, bơm xe, miếng nút lỗ tai để hạn chế tiếng ồn. Giá mỗi khoang một đêm là 32 USD. Dù chật hẹp nhưng rất sạch sẽ, nhìn là thích lăn vào ngủ. Du khách đến đây, dù từ phương trời nào và văn hóa ra sao, thì





cũng đều trở nên ý tứ, lịch thiệp, tôn trọng tối đa quyền riêng tư của nhau.

### Làng cổ Shirakawago

Shirakawago là ngôi làng cổ nổi tiếng nhất Nhật Bản, đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1995. Shirakawago và Takayama cách nhau chừng 50 phút xe bus, đều nằm trong tỉnh Gifu, miền Trung đất nước. Mỗi năm Shirakawago đón gần hai triệu du khách. Ngay từ lúc di chuyển trên xe, mọi người đã được nhắc rằng, nếu đem rác đến Shirakawago thì phải tự giác đem rác về. Nơi đây dĩ nhiên không được xả rác và cũng gần như không có thùng rác công cộng.

Shirakawago trong tiếng Nhật có nghĩa là “bạch xuyên hương”, tức là ngôi làng của dòng sông trắng. Làng nằm hẻo lánh trong một thung lũng bằng phẳng, bên sông Shogawa nước chảy xiết. Bao quanh là núi điệp trùng với bạt ngàn cây sa mộc cao vút đầy kiêu hãnh. Để đến được đây, chỉ duy nhất bằng đường bộ với nhiều hầm xuyên qua núi, có hầm xe chạy hơn mười phút.

Ngay bên bến xe đầu làng có dựng tấm bản đồ với nhiều thông tin cặn kẽ và bổ ích. Theo đó, làng có 114 ngôi nhà cổ, khoảng 1.700 dân, 24 cơ sở lưu trú, 34 quán ăn và cà-phê, 19 cửa hàng bán đồ lưu niệm. Bản đồ còn ghi rõ vị trí và số điện thoại của trung tâm thông tin du lịch, trạm cảnh sát, bệnh viện và khoảng thời gian đi bộ giữa các điểm tham quan chính. Cũng nói luôn, vì sao trong phạm vi một không gian khá hẹp của làng cổ lại có nhiều cơ sở dịch vụ phục vụ cho du lịch đến vậy? Ấy là bởi xuất phát từ ý tưởng rất nhân văn, rằng nguồn lợi từ du lịch cần được san sẻ chung cho cả cộng đồng. Cơ sở lưu trú, hàng quán không được quá lớn và quá nhiều chủng loại mặt hàng, mà cần rải ra cho nhiều gia đình. Tất nhiên, chất lượng hàng hóa, dịch vụ và giá cả đều được kiểm soát, không gây thất vọng cho du khách.

Nhà cổ chính là điểm nhấn tạo nên vẻ đẹp, sức cuốn hút đối với khách thập phương. Các ngôi nhà đều làm bằng vật liệu gỗ, mái tranh với đặc trưng kiến trúc Gassho Zukuri, mái dốc cao giống như đôi bàn tay chắp lại. Hình tượng này về mặt tâm linh là sự cầu nguyện mọi điều tốt lành cho người dân. Trong thực tiễn, mái nhà dốc giúp giữ ấm và chống chọi với bão tuyết, có năm tuyết phủ dày tới hai mét.

Wada House là ngôi nhà cổ nổi tiếng nhất của làng Shirakawago. Vé vào tham quan 300 yên (khoảng 65 ngàn đồng) cho người lớn, trẻ em và người khuyết tật giá chỉ còn một nửa. Căn nhà được xây dựng năm 1573, tức là đã 446 năm, trên mặt bằng rộng khoảng 300 mét vuông, gồm hai tầng, cực kỳ hoành tráng và tinh xảo. Ngoại trừ mái lợp tranh, dày tới gần một mét, thì toàn bộ khung sườn, vách, sàn nhà đều bằng gỗ. Những thân gỗ sa mộc khổng lồ, dài tới hơn hai chục mét, thẳng tắp, được kết nối với nhau bằng dây thừng. Mỗi khi có nhu cầu sửa chữa, nhất là khâu lợp lại mái, gia chủ đều cậy



nhờ dân làng, có lúc cả trăm người đứng ngồi làm việc trên mái nhà, trông như những nốt nhạc giăng giữa trời.

Các đời gia chủ của Wada House đều rất ý thức trong việc gìn giữ nét cổ xưa của căn nhà. Những phòng thờ, phòng đọc sách, nhà bếp cùng vật dụng trong sinh hoạt và nghề nông như tủ bàn, chiếu thảm, khay tách uống trà, nồi ấm, đèn dầu, thùng gỗ, cối đá, chày vò, giày cỏ, rổ rá, nong nuôi tằm, dụng cụ se tơ còn hiện diện vẹn nguyên, gây cảm tưởng đầu đó vẫn thấp thoáng bóng người xưa. Thực ra, làng cổ Shirakawago không phải là bảo tàng mà là không gian sống đương đại của người dân. Có khoảng 4% tổng diện tích của làng vẫn đang dùng vào việc canh tác lúa. Tới đến làng vào cuối tháng tư, tức là giữa mùa xuân, những thửa ruộng trồng lúa chỉ còn trơ lại toàn gốc rạ, in bóng lấp lánh trong làn nước vừa tan ra từ tuyết. Hiếm hoi lắm mới bắt gặp một dáng cụ ông, trông khá lam lũ, lom khom đi vào nhà.

Để bảo tồn những giá trị cổ xưa, từ năm 1971 toàn bộ dân làng Shirakawago đã đồng lòng cam kết ba nguyên tắc: không bán, không cho thuê, không phá hủy các ngôi nhà cùng không gian sống của mình. Người dân đã lập ra “Hiệp hội bảo vệ môi trường tự nhiên của làng cổ Shirakawa” để cùng nhau gìn giữ vốn cổ.

Từ tất cả các vị trí như tản bộ trên những con đường nhỏ ngoằn ngoèo men theo nương nước trong vắt, qua ô cửa sổ nhà cổ và nhất là từ đài quan sát trên sườn núi phía đầu làng để có góc nhìn toàn cảnh, đều thấy được vẻ đẹp mộc mạc, thanh bình, quyến rũ của Shirakawago. Cả bốn mùa xuân hạ thu đông, ngôi làng đều mang vẻ đẹp riêng với xanh thắm hay vàng rực của rừng, trắng toát mênh mông của tuyết. Ngôi làng là nguồn cảm hứng cho nhà văn Fujiko Fujio thai nghén và sáng tác những tập đầu tiên của bộ truyện tranh nổi tiếng *Doraemon*.

Mỗi lần đến Nhật tôi đều ở trong tâm thế hiểu rằng đây là cường quốc kinh tế lớn thứ ba thế giới, là đất nước có nền văn hóa và tinh thần độc đáo. Ngưỡng mộ nhưng khi dọc ngang đất nước này, từ thành thị tới nông thôn, trong cảm nhận của tôi, sao người Nhật có vẻ luôn chịu đựng nhiều kham khổ. Chắc chắn rằng, mỗi người Nhật đều có mưu cầu hạnh phúc nhưng đâu là chuẩn mực của giá trị này? Phải chăng người Nhật có lối suy nghĩ và hành xử riêng, khác biệt với đa phần còn lại của thế giới? Phải chăng hạnh phúc của người Nhật là quên mình phụng sự cho tổ quốc, cho dân tộc? ■

\* Ảnh của tác giả



# CÔNG TY TNHH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Giấy phép quốc tế: 79-918/2018

ĐC: 896A/10 HẬU GIANG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6, TP.HCM

ĐT: 028.627.59.627 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - (077.800.1068)

Web: dulichsenan.com - Email: senantour@gmail.com - Fb: Sen An Tour

1. **ẤN ĐỘ - TIỂU TÂY TẠNG - NEPAL** 17N16Đ Tăng Ni: 23,500,000, Phật tử: 31,500,000
2. **ẤN ĐỘ - NAM AN - MUMBAY** (Sanchi - Ajanta - Elora) 18N17Đ Tăng Ni: 27,000,000, Phật tử: 34,000,000
3. **ẤN ĐỘ - NEPAL** 14N13Đ Tăng Ni 23,500,000, Phật tử: 29,500,000
4. **ẤN ĐỘ** (Tu tập Bồ Đề Đạo Tràng, Chuyên làm tour **ẤN ĐỘ** theo yêu cầu và vé máy bay (7N6Đ: 23,500,000 - 9N8Đ 26,500,000)
5. **SINGAPORE-MALAYSIA-INDONESIA** 6N5Đ 10,700,000 (Buffet, hotel 4\*)
6. **SINGAPORE-MALAYSIA** 6N5Đ: 9,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
7. **SEOUL -NAMI-EVERLAND** 5N4Đ: 13,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
8. **HÒN NGỌC PHẬT GIÁO SRI LANKA** 7N6Đ: 27,500,000 (Buffet, hotel 4\*)
9. **Chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn Trung Hoa** 12N11Đ: 39,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
10. **CAM-THAI-LAO-MYANMAR** 12N11Đ: 9,990.000 (3,4 SAO bằng xe CAO CẤP)
11. **CAM-THAI** 6N5Đ: 3.990.000 (3,4 SAO bằng xe CAO CẤP)
12. **BANGKOK - PATTAYA** 5N4Đ: 5,990,000 (Buffet, hotel 4\*)
13. **PHƯỢNG HOÀNG CỔ TRẤN** 6N5Đ: 14,890,000 (Buffet, hotel 4\*)
14. **MYANMAR - YANGON - TÀNG ĐÁ VÀNG** 5N4Đ: 11,900,000 (Buffet, hotel 4\*)
15. **BHUTAN** 7N6Đ: 45,900,000 (Buffet, hotel 4\*)
16. **NHẬT BẢN** 5N4Đ: 27,500,000 (Buffet, hotel 4\*)
17. **ĐÀI LOAN** 5N4Đ: 10,500,000 (Buffet, hotel 4\*)
18. **HONGKONG** 4N3Đ: 11,900,000 (Buffet, hotel 4\*)
19. **DUBAI** 5N4Đ: 23,880,000 (Buffet, hotel 4\*)
20. **VÉ MÁY BAY GIÁ RẺ ĐI MỸ, ÚC, CANADA và chuyên visa các nước.**



**ĐẶC BIỆT: ƯU ĐÃI CHO QUÝ TĂNG NI VÀ ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ CÁC CHÙA  
(THIẾT KẾ TOUR THEO YÊU CẦU, CHUYÊN TỔ CHỨC SỰ KIỆN CHO CÁC CHÙA VÀ ĐẠO TRÀNG)**



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM  
028. 35 035 579 – 028. 36 026 818 – 0916 943 877  
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX - TM  
**QUANG NGHỆ**  
QUANG NGHỆ CO., LTD.  
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
  - Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

## KÍNH MỜI ĐẶT MUA *Tạp chí* VĂN HÓA PHẬT GIÁO - NĂM 2019

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa hoan hỷ đặt mua *tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - năm 2019*.

+ **Quý khách có thể chọn đặt mua:**

- 12 số đầu năm : 365.000đ
- 12 số cuối năm: 365.000đ
- Trọn năm 2019 : 720.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)

+ **Phương thức thanh toán:**

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn - Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG. Số 0071001053555, Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP.HCM**

Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-28) 3848 4335

Ban Phát hành - Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

**VĂN HÓA PHẬT GIÁO** đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

**Giá: 22.000 đồng**

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**

# GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC TỈNH ĐỒNG NAI



## THÔNG BÁO TUYỂN SINH KHÓA IX (2020-2023) NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

**Kính gửi:** Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni trên Toàn quốc

Ban Giám Hiệu Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai  
Trân trọng Thông báo đến quý vị Bôn sư của Tăng Ni sinh muốn theo học nội trú tại Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai khóa IX (2020-2023), thì liên hệ trực tiếp với nhà trường để Nhận hồ sơ đăng ký nhập học.

**Tăng sinh:** Liên hệ nhận hồ sơ tại cơ sở Tăng, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa.  
ĐT. 0399 490 093, 0919 076 446.

**Ni sinh:** Liên hệ nhận hồ sơ tại Cơ sở Ni, xã Long Phước, huyện Long Thành.  
ĐT. 02513 558 626, 0918 852 846.

**Lưu Ý:**

- Phát và nhận hồ sơ kể từ ngày ra thông báo này.
- Thi tuyển ngày 2/11/2019 (ngày 6/10 ÂL. Kỷ Hợi)
- Ngày nhập trường 12/02/2020 (ngày 19/01 Canh Tý)
- Ngày Khai Giảng 12/04/2020 (ngày 20/03 Canh Tý)
- Học nội trú 100% theo hệ Trung Cấp 3 năm, mọi chi phí nhà trường chu cấp.
- Tuổi từ 18 đến 35 tuổi và đã ở chùa tu học trên 3 năm.
- Trình độ văn hóa phải tốt nghiệp 12/12 trở lên.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 08 năm 2019

Người trích sao kế hoạch  
Hiệu Phó Thường trực Kiêm Chánh thư ký  
Đặc trách xây dựng cơ sở

Hòa Thượng Thích Phước Tú  
(Tỳ Tôn Tự)



Hiệu Trưởng

Hòa Thượng Thích Nhật Quang  
(Thường Chiếu Thiền Viện)

# MUA ỐNG NHỰA HOA SEN CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

## 90 Air Blade



Đơn hàng  
1 triệu đồng  
nhận ngay  
1 phiếu cào

## 90 iPhone X



## 90.000

Thẻ cào điện thoại



## TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG (\*)

# 20 TỶ

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ



(028) 399.77897

(028) 399.77899

[www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn)

(\*TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG 20 TỶ ĐỒNG LÀ DÀNH CHO 2 CHƯƠNG TRÌNH:  
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE" - dành cho khách hàng là người tiêu dùng;  
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - TRÚNG Ô TÔ CAMRY" - dành cho khách hàng là Nhà phân phối & Đại lý.  
Các giải thưởng như trên nằm trong chương trình dành cho khách hàng là người tiêu dùng.

Hình ảnh giải thưởng mang tính minh họa



## ỐNG NHỰA HOA SEN

Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



uPVC



PP-R



HDPE

